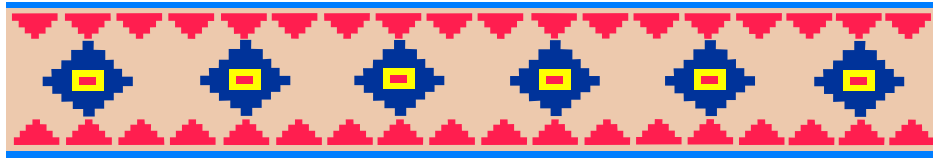
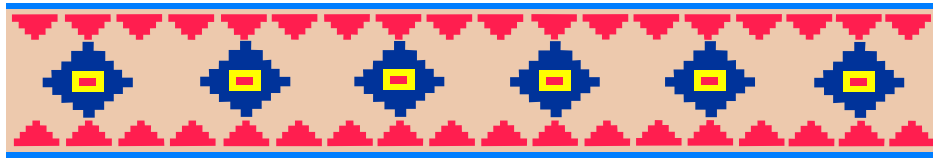


NGUYỄN HUY CÔN



**TỪ ĐIỂN
DANH NHÂN KIẾN TRÚC-XÂY DỰNG
THẾ GIỚI**



HÀ NỘI, 2009

NGUYỄN HUY CÔN

**TỪ ĐIỂN
DANH NHÂN KIẾN TRÚC-XÂY DỰNG
THẾ GIỚI**



HÀ NỘI -2009

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay, trên thế giới đã có vô vàn công trình kiến trúc ở khắp các châu lục. Có công trình đã tồn tại hàng ngàn năm, có công trình đã tồn tại hàng trăm năm, có công trình mới được xây dựng, có công trình đang là niềm tự hào và mơ ước tham quan, khảo sát, du lịch của khách bốn phương, nhưng cũng có công trình chỉ còn lại di tích, thậm chí chỉ còn là những dòng chữ đọng lại trên sách báo. Song không phải tự nhiên mà có những công trình như vậy, ngay cả những hạng mục được liệt vào “Bảy kỳ quan thế giới” cũng phải có tác giả. Đó là những người xây dựng nhà mà người cổ Hy Lạp đã từng ngợi ca. Chính danh từ “kiến trúc sư”- tiếng Hy Lạp gốc là *architecton* đã mang ý nghĩa ban đầu là “bậc thầy về thủ công nghiệp”, trong đó có xây dựng.

Chúng tôi không có tham vọng viết được thật chi tiết về tiểu sử của các danh nhân kiến trúc - xây dựng trên khắp hành tinh, mà chỉ dám nêu hơn 500 bộ mặt tiêu biểu của giới kiến trúc sư và kỹ sư xây dựng trên thế giới theo các tài liệu đã sưu tầm được để cung cấp những thông tin sau đây: tên, tuổi (năm sinh, năm mất), quốc tịch, xu hướng/ trường phái, các tác phẩm / công trình tiêu biểu, đặc điểm thể hiện / quan niệm riêng, danh hiệu, giải thưởng (quốc gia, quốc tế) .

Như bất kỳ cuốn từ điển nào khác, tên tác giả sẽ sắp xếp theo vần chữ cái từ A đến Z. Trường hợp tác giả có hai tên thì lấy tên thông dụng, còn tên kia ghi chú chữ X (xem) để tiện tra cứu. Đối với các tác giả Nga thì phiên âm theo chữ cái latin để tiện ấn loát, căn cứ vào quy định phiên âm hiện hành. Ở phần phụ lục, chúng tôi giới thiệu các nền kiến trúc và các phong cách kiến trúc trên thế giới, một số công trình tiêu biểu của thế kỷ 20 mà các nhà kiến trúc đã thực hiện để tiện tham khảo.

Việc biên soạn một cuốn từ điển loại này thật không đơn giản nên còn nhiều thiếu sót. Song với nhiệt tình mong muốn có tài liệu tham khảo cho các độc giả quan tâm đến “những người sáng tạo thế giới”, chúng tôi mạnh dạn thực hiện công việc này với sự khích lệ và giúp đỡ ý kiến của đồng nghiệp. Xin chân thành cảm ơn.

SOẠN GIẢ

A

AALTO, ALVAR (1898-1976) Kiến trúc sư Phần Lan, người tiên phong của xu hướng Hữu cơ ở Châu Âu từ trước năm 1950. Ông đã làm cho thế giới biết đến nền kiến trúc hiện đại của Phần Lan với những công trình ngoạn mục bên hồ, với vật liệu truyền thống là gạch và gỗ. Đoạt giải nhất cuộc thi thiết kế nhà an dưỡng Paimio (1929). Các công trình tiêu biểu: tòa báo Turun Sanomat ở Turku (1929-30), thư viện Viipuri (1935), nhà máy giấy Sunila (1936-39), biệt thự Mairela (1938), gian hàng Phần Lan tại Triển lãm Quốc tế New York (1939), quy hoạch thành phố thực nghiệm (1940), tòa thị chính Saynatsalo (1952), nhà văn hóa Helssinki (1955-58), nhà thờ Vuokseniska ở Imatra (1958), Đại học bách khoa Otaniemi (1964-65), v.v.

ABADIE, PAUL (1812-1884) Chuyên gia xây dựng theo xu hướng Tân La Mã. Trùng tu nhiều nhà thờ, có phong cách đơn giản và vững chãi trong sáng tạo, nổi tiếng là nhà thờ Sacré-Coeur ở Paris, xây dựng năm 1876-1910 Paris để tưởng niệm chiến tranh 1870.

ABERCROMBIE (1879-1957) Kiến trúc sư Anh, là nhà quy hoạch và lí luận kiến trúc. Người tiên phong về quy hoạch vùng đô thị ở Tây Âu. Tác giả đồ án quy hoạch các khu công nghiệp, xây dựng thành phố vệ tinh, thiết kế phát triển “London lớn”. Chủ tịch Hội KTS Quốc tế (1946-57).

ABROSIMOV P.V. (1900-1961) Kiến trúc sư Nga, là tác giả của khu nhà ở tại Quảng trường Cách mạng ở Pêtecbua (1928-32), Trường đại học Matxcova. Ủy viên Hội KTS Quốc tế từ năm 1957. Giải thưởng quốc gia Liên Xô.

ADAM R. (1728-1792) KTS và quy hoạch gia Anh, theo xu hướng Cổ điển thế kỷ 18. Thiết kế xây dựng các nhà ở kiểu sân vườn Kenwood House tại London. Chú trọng nội thất.

ADELCRANTZ K.F. (1716-1793) KTS Thụy Điển. Trang trí nội thất cho lâu đài hoàng gia (1772-82), xây dựng Norrebro và nhiều lâu đài, tham gia xây dựng nhà hát cho lâu đài Drottningholm và nhiều công trình khác.

AGABARBYAN G.G. (1911-1977) Kiến trúc sư Acmenê, tác giả nhiều công trình dân dụng: trường học, nhà ở tại Êrêvan, chợ Trung tâm, cầu Razođanxki. Nhà hoạt động công huân Acmenê.

ALBERTI L.B. (1404-1472) Kiến trúc sư, bác học, nhà văn, họa sĩ Italia thời Tân Phục Hưng. Tác giả của nhiều kiểu lâu đài. Tác giả sách “Bàn về kiến trúc” bằng tiếng Latinh (1485).

ALBINI, FRANCO (1905-?) . KTS nổi tiếng Italia. Chuyên gia trưng bày triển lãm, có ảnh hưởng nhiều đến các bảo tàng trên thế giới. Khôi phục và trang trí nội thất lại cho nhiều lâu đài của thời Phục Hưng (1952-59). Ứng dụng thành công kim loại và tường bê tông cho công trình kiến trúc và ga metro. Từ năm 1963, giảng dạy ở trường Bách khoa Milan.

ALEIJADINHO, O (1738-1814) KTS và nhà điêu khắc Brazil. Người nổi tiếng với những tác phẩm điêu khắc ở Minas Gerais, phát triển quan niệm trực giác và độc đáo kết hợp giữa kiến trúc và điêu khắc “le Bernin”. Vào nghề với cha từ năm 1763, có kinh nghiệm thiết kế xây dựng mặt chính nhà thờ, năm 28 tuổi thiết kế mặt bằng nhà thờ St. Francois ở Ouro Preto, và 10 năm sau thiết kế mặt chính nhà thờ ở Tiradentes. Kiến trúc của ông mang đặc điểm của Barôc Brazil thế kỷ 18.

ALESSI GALEAZZO (1512-1572) Kiến trúc sư Italia. Tác giả nhiều lâu đài, trong đó có lâu đài Marino ở Milan (1557).

ALOISIO DA MILANO (cuối thế kỉ 15- nửa đầu thế kỉ 16) Kiến trúc sư Italia, tác giả tường thành và tháp Kremli ở Matxcova.

AMENHOTEP (thế kỷ 15 tCn) Kiến trúc sư Ai Cập. Tác giả đền đài Amôna-Ra ở Luxor và các đền đài khác ở Xolep và Xêđên.

ANTOINE, JACQUES-DENIS (1733-1801) Một trong những KTS Pháp có vai trò quan trọng của xu hướng Tân Cổ điển (khách sạn Monnaies, 1768). Ông vào nghề như một thợ cày, nhưng về sau đã trở thành một KTS nổi tiếng, được gia nhập Viện hàn lâm năm 1776. Tại Paris, ông đã xây dựng nhiều khách sạn: khách sạn thành phố ở Cambrai (1768), ở Nancy (1780), khách sạn Monnaie de Bâle (1787-92).

APOLLODOROS (nửa đầu tk.2) Kiến trúc sư và kỹ sư Roma. Tác giả nhà nghị trường ở Roma, cầu qua sông Danube gần thành phố Drobetta, rạp xiếc ở Roma.

ARCHER , THOMAS (1668-1743) KTS Anh, tình cờ theo xu hướng Barôc khi du lịch trong 4 năm tại Italie và đã nổi tiếng với các nhà thờ: St. Philip ở Birmingham (1710-15), St.Paul ở Deptford (1712-30) và John Smith Square ở Wesminster (1714-28).

ARNOLFO DI CAMBIO (1245-1310) Kiến trúc sư Italia theo xu hướng Tiền Phục Hưng. Người tiên phong của gôtic điển hình Italia. Tác giả nhà thờ Santa-Croche tại Florenxia cuối thế kỷ 13.

ASPLUND E.G. (1885-1940) Kiến trúc sư Thụy Điển, theo xu hướng Tân Cổ điển và Công năng. Chuyên nghiên cứu về kiến trúc Italia và Hy Lạp.

B

BẠCH THÁI BUỒI (1874-1932). Nhà doanh nghiệp Việt Nam nổi tiếng đầu thế kỷ 20. Quê làng Yên Phúc, thị xã Hà Đông (nay thuộc Hà Nội). Năm 21 tuổi là thư ký của một hãng buôn Pháp, rồi mở hiệu cầm đồ. Làm thầu khoán xây dựng cầu đường, khai thác mỏ. Công ty Bạch Thái Bưởi còn cạnh tranh với tư bản Pháp và Hoa kiều trong kinh doanh vận tải hàng hóa và hành khách trên tuyến sông, biển.

BAJENOV, V.I. (1737-1799). KTS Nga dưới thời Catherine II có phong cách gôtic đặc biệt. Tác phẩm đầu tay của ông tại Peterbourg (1769) có phong cách tân cổ điển Pháp, tham gia trùng tu Kremlin ở Moxkva (1772). Bajenov đã thiết kế một lâu đài theo phong cách tân gôtic cho sa hoàng tại Tsaritsino (1775-85), có áp dụng kiến trúc truyền thống Nga. Ông còn thiết kế khôi phục nhiều lâu đài, pháo đài và nhà thờ khác.

BALCHUNAX V.K. (1924-1978) KTS Lettonia. Tác giả nhà an dưỡng Hội đồng bộ trưởng Lettonia và một số nhà ở tại Vilnius.

BALLU, THEODORE (1817-1885) Kiến trúc sư Pháp theo xu hướng chiết trung thế kỷ 19. Từ 1852 đến 1857 xây dựng xong nhà thờ kiểu Tân Gôtic St. Clotilde ở Paris theo thiết kế của Gau F.C., kiến trúc sư Đức. Tác phẩm chính: nhà thờ Ba Ngôi, kết hợp khéo léo những đường nét gôtic và nghệ thuật trang trí Phục Hưng. Khôi phục thành công khách sạn thành phố của Paris do vận dụng tối đa hình thức kiến trúc Phục Hưng của Pháp và Flamăng ở thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19.

BARANOV N.V. (1909-?) KTS Nga. Tác giả tổng thể công trình văn hóa-thể thao 25 ngàn khán giả (1980) ở Leningrat và nhiều đồ án quy hoạch đô thị. KTS Nhân dân Liên Xô (1972).

BARMA (tk. 16) KTS Nga. Tác giả nhà thờ Pocropxki ở Moxkva (1555-60).

BARRY, SIR CHARLES (1795-1860). KTS Anh. Xây dựng nhiều nhà thờ gôtic ở Brighton, Manchester và Islington. Ông đã thể hiện phong cách palazzo của Italia vào hai tổng thể công trình của Câu lạc bộ Du lịch (1829) và câu lạc bộ Cải cách (1837) ở London và các công trình lớn tại đô thị nước Anh. Sau này, trong việc xây dựng nhà ở miền quê trong các năm 1838 và 1851, ông cũng đã áp dụng thành công phong cách vườn cảnh Italia tại đây. Ông đã đoạt giải trong kỳ thi thiết kế điện Westminster (Nhà nghị viện) năm 1836. Mặt bằng cổ điển với hai tòa nhà đối xứng và các tháp theo phong cách roman ở hai đầu. Ông còn phác thảo mặt bằng Quảng trường Trafalgar năm 1840.

BARTNING, OTTO (1883-1959). KTS Đức. Xây dựng nhiều đền thờ Tân giáo. Trong những công trình đầu tay đã thể hiện những không gian mở lớn, sử dụng các phương pháp và vật liệu hiện đại: kết cấu bê tông cốt thép và lắp đặt các khối gạch kính. Bắt đầu hành nghề ở Berlin từ năm 1905, tác phẩm nổi tiếng là đền thờ ở Cologne (1928), sử dụng kết cấu thép vách kính và khung thép, một số đền thờ khác bằng bê tông cốt thép, tường bên bằng kính và gạch bê tông. Sau thế chiến 1939-45, Barning sản xuất năm mươi ngôi đền đúc sẵn giá rẻ, kết cấu khung gỗ và tấm tường tận dụng phế liệu từ công trình đổ nát vì bom đạn.

BAUDOT, ANATOLE DE (1834-1915). KTS Pháp, một trong những người tiên phong sử dụng bê tông cốt thép trong kiến trúc. Kết hợp hai phong cách gôtic và duy lý trong

việc xây dựng và trùng tu các nhà thờ, áp dụng thành công kết cấu bê tông cốt thép trong nhà thờ Saint Jean de Montmartre (1894-1903), khung mảnh chèn gạch.

BBPR Nhóm các kiến trúc sư và nhà thiết kế thành lập vào năm 1932 gồm có Luigi Banfi (1910-1945), Locovico Barbiano Belgiojoso (1909-?), Enrico Peresutti (1908-?) và Ernesto Nathan Rogers (1909-69). Nhóm khởi đầu hợp tác từ những không gian trưng bày theo phong cách thiết kế hiện đại của Châu Âu thời đó. Từ năm 1939, họ thành lập một nhóm chống phát xít và hoạt động của học xoay quanh việc chiến đấu cho nền kiến trúc. Sau thế chiến thứ hai, họ thiết kế và xây dựng thành công kiến trúc tưởng niệm trong một nghĩa trang ở Milan để tưởng nhớ các nạn nhân Italia trong tại tập trung (1946). BBPR cũng thực hiện nhiều dự án nhà ở công cộng. Năm 1956 thực hiện xây dựng cải tạo toàn bộ nhà bảo tàng Sforza ở Milan thành một công trình sáng sủa, hiện đại và thích hợp với thời đại hơn.

BECERRA, FRANCISCO (1545-1605). KTS Tây Ban Nha, tập sự ở Châu Mỹ từ năm 1573, chuyên thiết kế nhà tu, nhà thờ tại Mexico. Từ năm 1580 làm việc ở Peru, mang phong cách Phục hưng Tây Ban Nha vào đây và trung thành với nguyên mẫu nhà thờ của Jean (Vandeivira, 1540). Mặt bằng chữ nhật được cải biên bởi những cột hình chữ thập mang các đầu cột đồ sộ. Chất lượng không gian nội thất được nâng cao bởi những vòm nhọn. Công trình này đã được ca ngợi trong cuốn sách về kiến trúc thuộc địa ở Peru của Harold Wethey.

BEKETOV A.N. (1862-1941) KTS Ukraina. Tác giả một số công trình dân dụng: nhà ngân hàng ở Moxkva, trường trung học ở Kharkov. Chú trọng nghiên cứu thiết kế điển hình nhà ở, nhà nghỉ, trường học cho vùng mỏ Đônbas. KTS Công huân Ukraina.

BEHRENS PETER (1868-1940) Kiến trúc sư Đức, thuộc trường phái Nghệ thuật Công nghiệp Đuxendooc, là một trong các nhà sáng tạo kiến trúc mới ở Châu Âu (cùng với Le Corbusier và Mies van der Rohe). Tác giả các kiến trúc công nghiệp có áp dụng vật liệu và kết cấu mới, với các giải pháp không gian lớn, có xu hướng Công năng.

BÉLANGER, FRANCOIS-JOSEPH (1744-1818). KTS trang trí Pháp dưới thời Louis XVI. Đã hành nghề ở Anh. Trang trí nội thất cho lâu đài Château de Maisons gần Paris (1777-84) và xây dựng tòa nhà Bagetelle trong rừng Boulogne (1777), là một ví dụ điển hình về phong cách tân cổ điển Louis XVI. Ông còn thực hiện trang trí cho một số công trình sau cách mạng, đặc biệt là sử dụng hệ khung kim loại mang mái vòm tròn.

BELOPOLXKI YA.B. (1916-?) KTS Nga. Tác giả tổng thể công trình tại khu Tây-Nam Moxkva, quảng trường Tháng Mười, rạp xiếc, nhà ngân hàng, v.v. Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm kiến trúc Liên Xô.

BENJAMIN, ASHER (1773-1845) KTS Mỹ, tác giả nhiều sách cảm nang về xây dựng đầu thế kỷ 19. Bắt đầu hành nghề là việc xây dựng các trang trại. Từ năm 1803, xây dựng nhiều nhà thờ: West church (1806), Charles Street Meeting House (1807) và nhiều công trình bằng gạch khác. Benjamin giảng dạy kiến trúc tại Boston, nhưng nổi tiếng là ở 7 tác phẩm của mình: *Trợ giúp người xây dựng* (1797), *Bạn đồng hành với người xây dựng Mỹ* (1806), *Những kiến thức cơ sở về kiến trúc* (1814), *Thực hành nghề mộc trong làm nhà* (1839), *Hành nghề kiến trúc* (1833), *Hướng dẫn người xây dựng* (1839) và *Những nguyên lý cơ bản của kiến trúc* (1843).

BERG, MAX (1870-1947). KTS Đức, nổi tiếng vì một tác phẩm độc nhất và độc đáo. Là KTS trưởng của thành phố Breslau (nay là Wroław của Ba Lan), ông đã xây dựng một “gian phòng thế kỷ” lớn nhất khi đó với đường kính 65m bằng bê tông cốt thép - là kỹ thuật lạ, chỉ mới áp dụng cho một số vòm cầu. Mái vòm tròn của công trình gồm kết cấu

sườn, tỏa tia từ tâm ra một vòng tròn, tựa trên bốn cung vòm. Ánh sáng trong công trình, do vậy được phân bố rất độc đáo.

BERLAGE H.P. (1856-1934) Kiến trúc sư Hà Lan, nhà sáng lập kiến trúc hiện đại Hà Lan. Tác giả nhiều công trình tại Amstecđam (1897-1903), khéo léo kết hợp phong cách lãng mạn với giải pháp kết cấu nhằm tạo mặt bằng tối ưu về phương diện hình học.

BERNINI G.G. (1598-1680) Kiến trúc sư Italia, đại diện cho xu hướng Barôc. Chú trọng kết hợp kiến trúc và điêu khắc trong công trình một cách hữu cơ. Các sáng tác của ông có ảnh hưởng lớn đến nghệ thuật Châu Âu thế kỉ 17-18.

BIKOVSKI K.M. (1841-1906). KTS Nga. Tác giả đài tưởng niệm ở Moxkva và nhiều công trình dân dụng khác: bệnh viện, trường đại học, nhà bảo tàng. CHÚ trọng bố cục mặt bằng và trang trí mặt đứng công trình. CHỦ toạch Hội KTS Moxkva (1894-1903)

BLONDEL FRANÇOIS (1618-1686) Kiến trúc sư Pháp, theo xu hướng Cổ điển, xem kiến trúc Cổ đại và Phục hưng là mẫu mực vĩnh cửu. Tham gia thiết kế xây dựng cửa ô Saint Denis ở Paris. Tác giả của giáo trình Kiến trúc (1675-83).

BLORE EDWARD (1787-1879) Kiến trúc sư Anh, chuyên về lâu đài cổ, nhà kỹ hà học. Công trình đầu tiên: lâu đài của Sir Walter Scott tại Abbotsford. Từ 1820 đến 1849, xây dựng nhiều nhà thờ và nhà ở nông thôn theo phong cách Trung Cổ. Từ 1927 đến 1849 : khôi phục tu viện Westminster như hồi thế kỉ 13. Tham gia xây dựng lâu đài Buckingham, lâu đài Winsor, Lambeth Palace.

BODLEY, GEORGE FREDERICK (1827-1907). KTS Anh, người xây dựng nhà thờ và nhà trang trí. Tác phẩm : nhà thờ Clumber, Nottinghamshire (từ 1886), nhà thờ Eccleston, Cheshire (từ năm 1899), nhà thờ Holy Trinity (từ năm 1901). Cộng tác với KTS khác để thực hiện các công trình tôn giáo, dân dụng; làm cố vấn xây dựng cho nhiều nơi. Trang trí của ông có nhiều màu sắc trầm , được sử dụng một cách tinh tế và cầu kỳ trong kiến trúc.

BODT, JEAN DE (1670-1745) . Kỹ sư xây dựng Pháp, phục vụ trong quân đội tại Phổ, Anh và Saxe. Theo xu hướng Barôc rồi cổ điển Pháp. Thiết kế nhiều, song ít được thực hiện.

BOFFRAND, GERMAIN (1667-1754). KTS Pháp. Tham gia nhiều đồ án của xưởng thiết kế “ kiến trúc sư hạng nhất”. Tác phẩm quan trọng nhất là sân trước tòa thánh của nhà thờ Notre-Dame. Là tổng thanh tra cầu đường, ông có trách nhiệm trong việc xây dựng các cầu Sens và Montereau. Ông thiết kế nhiều lâu đài : Lunéville (1703-23), la Malgrande (1711-12), Nancy(1717), xây dựng tòa nhà Bouchefort gần Bruxelles (1705) và nhiều khách sạn ở Paris, trong đó phải kể tới các khách sạn đẹp nhất là Le Brun (1697), Petit-Luxembourg(1709), Amelot (1712),v.v. Các tác phẩm của ông thường là hoành tráng, nghiêm ngặt. Trong trang trí nội thất, ông là một bậc thầy về phong cách rococo.

BOITO, CAMILLO (1836-1914). KTS theo xu hướng chiết trung Italia thế kỷ 19, một trong những người đầu tiên phản đối phong cách Phục Hưng đang thống soái thời đó. Xu hướng của ông thể hiện rõ trong công trình Ospedale Civico de Gallarate (1871). Đó là một tòa nhà hình vòng cung, kết hợp thành công giữa màu sắc và kết cấu.

BONATZ, PAUL (1877-1951). KTS Đức , tác phẩm của ông mang tính cách của xu hướng chiết trung cuối thế kỷ 19. Cộng tác với F. Choler trong thiết kế nhà ga Stuttgart (1914-28) có phong cách của roman cổ điển. Thực hiện nhiều công trình thương mại, công nghiệp và giáo dục khác nữa.

BORROMINI FRANCESCO (1599-1667) Kiến trúc sư Italia, theo xu hướng Barôc, sử dụng các thức cổ điển một cách tự do, sáng tạo các chi tiết mới, phức tạp hóa đường nét của mặt đứng và mặt bằng công trình. Kiến trúc tiêu biểu: nhà thờ St. Carlos (1642-60), cung điện Barberini ở Roma (1625-63).

BOULLÉE, ÉTIENNE-LOUIS (1728-1799) Đại diện tiên phong của xu hướng tân cổ điển Pháp cuối thế kỷ 18. Muốn trở thành họa sĩ, nhưng gia đình buộc ông phải theo học kiến trúc tại xưởng của Jean-Francois Blondel, rồi Boffrand. Trở thành viện sĩ Hàn lâm kiến trúc năm 1762 sau chuyến du lịch truyền thống tại Italia. Đã xây dựng nhiều khách sạn tại Paris: Brunoy (1774), Alexandre (1766-68), des Monnaies (1762). Từ thập niên 1770, ông giảng dạy và nghiên cứu thiết kế những công trình lớn. Chẳng hạn, dự kiến kéo dài Hành lang kính và các hàng cột chung quanh của Versailles (1780), nhà hát Opéra (1781) và một nhà bảo tàng khổng lồ (1783), thư viện lớn của Hoàng gia (1784). Trong công trình sau này dự kiến sử dụng vòm, trên đỉnh lắp kính, tựa trên các hàng cột thức iôníc. Trong nhiều đồ án khác, Boullée đã sử dụng các hình khối pyramid và hình nón, nhưng không phải là tham khảo từ nguồn Ai Cập và La Mã.

BRAMANTE PASCUSSIO D'ANTONIO (1444-1514) Kiến trúc sư Italia, thiết kế nhà thờ Peter (1506-14), lâu đài St. Damazo (1510) ở Roma. Các công trình có tỉ lệ hài hòa, khoáng đạt, bố cục không gian rành mạch, sử dụng kiến trúc Cổ điển một cách sáng tạo.

BREĐIKIX V.Yu. (1930-?) KTS Litva. Tác giả đồ án thiết kế quy hoạch và công trình kiến trúc ở nhiều thành phố, nhất là Vinius (1965-73), đường Leningrat (1974). Kết hợp tốt địa hình địa phương, cây xanh với công trình.

BRENNA VIKENTI (1745-1820) Kiến trúc sư kiêm họa sĩ trang trí, gốc Italia. Ông làm việc tại Ba Lan (1778-83) và Nga (1783-1802). Thực hiện trang trí nội thất cung điện ở Pavlôxcơ và Gaxin ở Pêtecua.

BREUER (1902-?) Kiến trúc sư Mỹ, người tiên phong của xu hướng Công năng. Theo học và làm việc tại Bauhause (1920-28). Công trình tiêu biểu: trụ sở UNESCO tại Paris (1953-57), cửa hàng De Bayenkoff ở Rotterdam.

BRINCKMANN, J.A & VAN DER VLUCHT, I.C. Brinckmann, J.A. (1902-49) và Van der Vlucht, I.C. (1894-1936) là hai hội viên Hà Lan đã xây dựng nhà máy Van Nelle (sôcôla và thuốc lá) gần Rotterdam (1928-29), một trong những nhà máy đẹp nhất ở Châu Âu thời đó. Trong công trình này, lần đầu tiên sử dụng tấm rèm ngăn. Cửa hàng Van Nelle de Leyde (1927), những tòa nhà ở 9 tầng ở Bergpolder và Rotterdam (1934) được xây dựng nhanh chóng do áp dụng công nghệ kết cấu thép và bloc tường đá bọt ốp lá thép mạ. Cách làm tường này được áp dụng nhiều ở Châu Âu sau đó.

BROEK & BAKEMA Broek, J.H. (sinh năm 1898) và Bakema, K.B. (sinh năm 1914) là hai kiến trúc sư – nhà quy hoạch Hà Lan cùng chịu trách nhiệm xây dựng lại trung tâm Rotterdam bị tàn phá trong Thế chiến thứ hai. Cũng thực hiện nhiều dự án về nhà ở và trang bị công cộng, vừa hiện đại, vừa bền vững. Những công trình tiêu biểu : trung tâm thương mại Lynbann, Rotterdam (1953), các tòa nhà triển lãm của Hà Lan tại Triển lãm Paris (1937) và Bruxelles (1958), các nhà thờ ở Schiedam (1957) và Nagele (1959), một số cửa hàng và công trình công nghiệp khác nữa.

BRONGNIART, ALEXANDRE-THÉODORE (1739-1813). Là tác giả của một số tác phẩm tân cổ điển Pháp. Sống tại Paris và xây dựng nhiều khách sạn đặc biệt. Các tác phẩm của ông ít trang trí rườm rà, mặt đứng chữ nhật, đường nét đơn giản. Công trình tiêu biểu: khách sạn Monaco (1774), Masseran (1787), de Condé (1781).

BROWN, LANCELOT (1716-1783). KTS và chuyên gia vườn cảnh Anh. Ban đầu cộng tác với Kent với tư cách người làm vườn (1794), sau thiết kế và xây dựng riêng những phong cảnh với quy mô hoành tráng, sử dụng nhiều mặt nước và vành đai cây xanh và thảm cỏ. Brown quan niệm rằng công trình xây dựng chỉ là một trong những thành phần cảnh quan và phải gắn kết hài hòa với hiện trường. Ông còn là một kiến trúc sư trung thành với phong cách của Croome Court, Worcestershire (1751-52) và Claremont, Surrey (1770-72). Hầu hết các dự án kiến trúc của ông đều do con rể của ông, KTS Henry Holland thể hiện.

BRYGGMAN, ERIK (1891-1955). Người tiên phong của xu hướng kiến trúc hiện đại Phần Lan, cùng với Alvar Aalto. Họ đã thực hiện Triển lãm nhân kỷ niệm 50 năm tại Turku, lễ kỷ niệm lần thứ nhất xu hướng công năng Châu Âu tại Phần Lan. Bryggman có công trình ở hầu khắp nơi trên đất nước Phần Lan với những tác phẩm hiện đại, không công kích, hơi đụng chạm đến tân cổ điển và chịu ảnh hưởng rõ rệt của KTS Thụy Điển Asplund. Tiêu biểu là các công trình : Hospits Betel (1929), trung tâm thể thao ở Turku (1933-36), thư viện của Abo Akademi (1936), nhà thờ gần Turku (1939-41) với khung bê tông cốt thép, tường trắng, gian giữa giáo đường cao vút.

BRYULOV A.P. (1798-1877) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng Hậu Cổ điển. Dày công nghiên cứu kiến trúc Italia và Pháp, thiết kế nhiều công trình lớn: nhà hát Mikhailov ở Pêtecbuga, đài thiên văn, trung tâm quảng trường Nepski.

BRUNELLESCHI FILIPPO (1377-1820) Kiến trúc sư, nhà điêu khắc và nhà khoa học Italia, một trong những người tiên phong của xu hướng Phục Hưng và lý thuyết viên cận. Trong các công trình ở St. Lôrensô, đã thể hiện được tính sáng tạo đậm tính sử thi và tính nhân bản.

BÙI VĂN CẮC (1919-1985) Tốt nghiệp kỹ sư công chính năm 1944. Là Tổng Cục trưởng ở Bộ Giao thông, Ủy viên Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy viên Ủy ban Kiến thiết Cơ bản Nhà nước, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Phó Chủ tịch thường trực Hội Xây dựng Việt Nam (khóa I), Ủy viên thường vụ Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam. Được phong học hàm Giáo sư năm 1980. Tại bất cứ cương vị nào, luôn nêu cao vai trò và phong cách lãnh đạo về khoa học kỹ thuật, cải tiến và áp dụng công nghệ mới trong xây dựng. Ông là chuyên gia xuất sắc về xây dựng, có tầm nhìn chiến lược, một trong những người chuẩn bị tiên đề và sáng lập Hội xây dựng Việt Nam (nay là Tổng hội Xây dựng Việt Nam).

BULATOV M.X. (1907-?) KTS Uzbekistan. Tác giả sơ đồ tổng thể khôi phục Samackan (1937-38), Fergan, Kokan, Kagan, Taxkent; thiết kế khôi phục đài thiên văn ở Samackan. KTS Công huân Uzbekistan.

BUNIATIAN N.G. (1878-1943) KTS Acmenia. Chú trọng nghiên cứu kiến trúc cổ Acmenia, thể hiện trong các công trình khách sạn, nhà ở trên đại lộ Lênin.

BURĐIN Đ.I. (1914-1978) KTS Nga. Quy hoạch và xây dựng Manhitogorxk (1948-52) và một số công trình khác : trung tâm truyền hình, sân bay Moxkva, nhà trienr lãm quốc tế tại Geneve (1959) và nhà ở tại Moxkva. KTS Công huân Nga.

BURGES, WILLIAM (1827-1881). KTS, nhà trang trí Anh. Năm 30 tuổi dự hai cuộc thi quốc tế về nhà thờ Lille và nhà thờ ở Constantinople nhưng không đồ án nào được thực hiện. Sau đó lại thiết kế nhà thờ ở Cork và phác thảo mặt bằng nhà thờ Chúa Ba Ngôi ở Hartford, Connecticut (1873); công trình này chỉ được xây dựng một phần. Ông còn thiết kế nhiều nhà thờ khác ở Anh, theo kiểu Pháp, kiểu gotich và trang trí nhiều nhà thờ khác. Ông là một nhà thiết kế, sáng tác được những tác phẩm phong phú và mới lạ nhưng cũng có thể đơn giản và thuần phác.

BURNHAM, DANIEL HUDSON (1846-1912) KTS và nhà quy hoạch Mỹ. Công trình đầu tay là Montauk Block (1882) là trụ sở mười tầng xây dựng trên một hệ thống sàn nổi để xử lý đất sinh lầy. Việc chống lửa cho kết cấu kim loại được giải quyết bằng cách ốp gạch đất sét. Những bề mặt nhà được xử lý đơn giản. Công trình tiếp sau đó (1886) có sân trong bao bọc toàn kính, mặt nhà là những dải cửa sổ lớn, sử dụng nhiều kính. Tòa nhà Monadnock Building (1889-91) là một trong những công trình có kết cấu gạch đá lớn. Năm 1890, Burnham chịu trách nhiệm xây dựng Nhà triển lãm Quốc tế của Colombic (1893). Trong công trình này, ông dành sức lực để nghiên cứu cả về quy hoạch. Năm 1902 ông đưa ra kế hoạch phát triển Washington, trên cơ sở nghiên cứu sơ bộ của Pierre l'Enfant. Khi công việc này thành công, ông còn lập sơ đồ phát triển nhiều thành phố khác như Cleveland, San Francisco và Manille (Philippines).

BUROV A.K. (1900-1957) Kiến trúc sư và nhà khoa học Nga, theo xu hướng của chủ nghĩa kết cấu, nghiên cứu kiến trúc tại Mỹ (1931) và châu Âu (1925, 1936). Công trình tiêu biểu: trụ sở Hội Kiến trúc sư tại phố Gorki. Là người tiên phong trong thiết kế nhà bloc lớn (1939-41) và tấm lớn (1941-49), chú trọng vật liệu siêu bền trong xây dựng.

BUTTERFIELD, WILLIAM (1814-1900) Kiến trúc sư và nhà trang trí Anh, người sáng tạo những tác phẩm mang phong cách gôthic thời Victoria. Sinh tại London, xuất thân là nhà thầu trước khi đi chu du khắp nước Anh và lục địa châu Âu. Nghiên cứu kiến trúc Trung Cổ thể hiện trong xây dựng nhiều nhà thờ: All Saint (1849), St. Alban (1850), St. Augustine (1865). Thích sử dụng xen kẽ giữa gạch và đá tạo cho khối xây có màu sắc tựa như các vữa địa chất tự nhiên và thể hiện thành công tại công trình Đại học Keble, là quần thể nhiều công trình. Chỉ đạo các dự án của Công ty Cambridge Camden trong nhiều năm. Sáng tạo nhiều bộ phận và đồ đạc nội thất cho nhà thờ.
ultraviolet radiation).

C

CAMERON CHARLES (1730-1812) Kiến trúc sư Nga, gốc Scôtlan. Theo xu hướng Cổ điển. Thiết kế tổng thể công trình thành phố Puskin, lâu đài ở Pavlôpxơ (1780-1801), lâu đài Razumôpxki (1799-1803) ở Ukraina. Sử dụng thành công các môtip của Rôma.

CAMPBELL, COLEN (1676-1729) KTS nổi tiếng Anh đầu thế kỷ 18, người xứ Êcôt. Là đại diện Ban thanh tra xây dựng những năm 1718-19. Năm 1715 ông xuất bản tập I *Vitruvius Britannicus*, trong đó những hình vẽ của ông có vai trò quan trọng trong các tác phẩm của KTS Anh đương thời. Các tác phẩm tiêu biểu : lâu đài Wanstead (1715-20), Houston Hall (1722), Stourhead (1721), một số biệt thự, trong đó phải kể tới nhà của công tước Herbert ở Whitehall (1723) thành công cả về phương diện quy hoạch đô thị.

CAMPEN, JACOB VAN (1595-1657). KTS cổ điển Hà Lan nổi tiếng. Ban đầu là họa sĩ, hâm mộ Palladio và Scamozzi khi thăm Italia những năm 1615 và 1621, sau lại chịu ảnh hưởng của Francois Mansart và Le Vau. Tác phẩm chính là Mauritshuis ở La Haye, là một công trình đặc biệt quan trọng của Hà Lan ở thế kỷ 17. Hai mặt chính của công trình có đặc điểm là sử dụng nhóm cột lớn gồm bốn cột loại thức ionic. Tác phẩm khác được biết đến là khách sạn thành phố Amsterdam (nay là lâu đài hoàng gia). Ông còn thiết kế một nhà hát, nhiều nhà ở đô thị cho tư nhân, lâu đài Rijswijk và Honselersdijk. Ông là người sáng tạo thị hiếu cổ điển Hà Lan để thay thế phong cách địa phương từ những năm 1670 và được nhiều kiến trúc sư trong nước hâm mộ.

CANDELA FEDERIC (1910-?) Kiến trúc sư Tây Ban Nha. Hoạt động thiết kế và xây dựng chủ yếu tại Mêhicô và các nước khác từ năm 1950. Xây dựng nhiều nhà công nghiệp, chợ, kho tàng, công trình thể dục thể thao, nhà thờ. Áp dụng hợp lý kết cấu vòm và thành mảnh bê tông cốt thép có độ cong phức tạp.

CANO, ALONSO (1601-1667) Họa sĩ, nhà điêu khắc hoạt động kiến trúc lỗi lạc. Tham gia công tác kiến trúc ở Séville rồi Madrid từ những năm 1624-1638, nhưng mãi đến năm 1652-1667, tại Grenade ông mới thực hiện được những tác phẩm quan trọng, đáng kể có nhà thờ lớn và nhà thờ Marie-Madeleine, với phong cách đơn giản, cổ điển, nhưng xử lý tinh tế về chi tiết làm cho các công trình này thể hiện được phong cách độc đáo.

CARLONE Họ nhà thợ xây, thợ trát giả cẩm thạch, và thợ vẽ tại vùng Côme, có một nhánh quan trọng tại Áo vào cuối thế kỷ 17.

A. SILVESTRO CARLONE (1610-71) xây dựng mặt chính nhà thờ cơ đốc Am Hof ở Viên (1662), công trình đầu tiên ở thành phố này mang xu hướng barôc. Pietro Francesco Carlone, người sáng lập dòng dõi, làm việc tại Styrie, sau đến Bắc Áo và xây dựng nhiều nhà thờ cơ đốc tại đây (1669-78). Carlo Antonio Carlone, Giovanni Battista Carlone, rồi Bartolomeo Carlone đều là những người xây dựng nhà thờ và lâu đài, cả ở Pháp nữa.

CAVARRUBIAS, ALONSO DE (1488-1570) Kiến trúc sư và nhà điêu khắc Tây Ban Nha. Các tác phẩm đầu tay của ông phản ánh sự tiến hóa về thẩm mỹ trong thời Phục Hưng: đi sâu vào trang trí, kết hợp khéo léo những chi tiết của gôtic với cổ điển. Tác

phẩm chính: công trình Alcazar de Toledo (1537), bệnh viện St. Juan Battista (1542), cổng Bisagra (1559).

CELSING, PETER (1920-1974). KTS Thụy Điển. Xây dựng nhiều nhà thờ ở thành phố, khôi phục nhà hát Opera Hoàng gia và nhà hát Hoàng gia ở Stockholm. Ông cũng xây dựng nhiều ga metro ở đây, chủ yếu là bằng bê tông. Nhà thờ thường được xây dựng theo phong cách dân gian tại những vùng cư dân mới; vật liệu chủ yếu là gạch truyền thống. Ngoài ra, sau này còn xây dựng nhiều công trình công cộng khác : nhà văn hóa, thư viện, viện điện ảnh Thụy Điển. Đặc biệt, đã có công trình xây dựng bằng bê tông, mái kim loại và lợp tấm bê tông đúc sẵn (1971).

CHALGRIN, FRANÇOIS (1739-1811) . KTS tân cổ điển Pháp. Tập sự tại Rome (1759-63), ít lâu sau trở thành một kiến trúc sư đất khách. Tác phẩm tiêu biểu : nhà thờ Saint-Philippe-du-Roule ở Paris (1774-84) là một trong những nhà thờ đẹp ở Pháp hồi đó, theo xu hướng tân cổ điển; tòa nhà Madame ở Versailles (1784), Pháp quốc học viện (1780). Ông còn sửa chữa nội thất lâu đài Luxembourg khi làm thêm đại sảnh và một cầu thang lớn tại đây. Tuy nhiên, công trình quan trọng nhất là Khải hoàn môn (1806-1837) có kiến trúc tân cổ điển, về cơ bản trung thành thiết kế ban đầu của ông.

CHAMBERS W. (1723-1796) Kiến trúc sư Anh, đại diện quan trọng của xu hướng kiến trúc “palladian” ở Anh. Là một trong những người sáng tạo công viên theo phong cách lãng mạn : công viên ở Surice (1757-62).

CHOCHOL, JOSEF (1880-1956) KTS theo xu hướng lập thể ở Praha. Công trình tiêu biểu : nhà ở tại phố Neklanova, Praha(1912), nhà riêng gần Vysehrad (1912-13). Kiến trúc của ông báo trước sự ra đời của xu hướng kiến trúc biểu hiện sau Thế chiến I.

CHURRIGUERA Một gia đình kiến trúc sư và nhà điêu khắc Tây ban Nha thế kỷ 17-18. Nổi tiếng có Hôxê Benito de Churriguera (1665-1725), người tiên phong của xu hướng Barôc Tây Ban Nha thời đó. Trang trí nhà thờ St. Essteban ở Salamanca (1693-96), lâu đài ở Madrid (1689-1974), mặt bằng quy hoạch thành phố Nuevo Bastan (1709-13).

CLASON, ISAK GUSTAV (1856-1930). KTS Thụy Điển theo xu hướng chiết trung. Học ở trường Cao đẳng công nghệ và Học viện Hàn lâm Stockholm, sau đi khảo sát, nghiên cứu tại Pháp, Italia và Tây Ban Nha. Các tác phẩm tiêu biểu: nhà bảo tàng Nordiska, Stockholm (1889), tòa nhà Bunsow (1886), lâu đài Thaveniuska (1885), lâu đài Hallwylska (1893). Là giáo sư kiến trúc tại Trường Cao đẳng công nghệ Stockholm (1890-1904).

COASTES, WELLS WINTEMUTE (1895-1958) Kiến trúc sư Nhật gốc Canada. Ban đầu là nhà báo rồi mới hành nghề kiến trúc. Là người tiên phong của trường phái Hiện đại tại Anh, sáng lập ra nhóm Mars (chuyên nghiên cứu kiến trúc Hiện đại). Thành công trong việc xử lý không gian, nhất là đối với các công trình tại Lawn Road, Hampstead (1934) và nhà xưởng riêng tại Kensington, London (1947). Ngoài thiết kế nhà ở tại Brighton, Sussex (1936) và London (1939) ông còn tham gia những dự án lớn về quy hoạch đô thị tại Canada.

COCKERELL, CHARLES ROBERT (1788-1863). KTS Anh, nhà khảo cổ, giáo sư, đại diện số một của xu hướng kiến trúc cổ điển Anh thế kỷ 19. Khoảng giữa các năm 1810-1816, khi du lịch tại Hy Lạp, ông phát hiện loại đá cẩm thạch Egine và Phigale. Công trình tiêu biểu: nhà thờ Hanovre ở phố Regent (1823-25), điện Westminster và British Fire Office (1831), thư viện đại học Cambridge (1829-40). Các bản thiết kế của ông sáng sủa, rành mạch, khoa học, chính xác, khác hẳn các nhà thiết kế đương thời.

CONTANT D'IVRY, PIERRE (1698-1777) Kiến trúc sư Pháp, gia nhập Viện Hàn lâm Kiến trúc Hoàng gia năm 1728. Tham gia chỉnh trang nhà ở Paris từ năm 1720, chịu trách nhiệm xây dựng tu viện St Vaast ở Arras (1754), thi đạt quyền xây dựng nhà thờ Madeleine và quảng trường Louis XV ở Paris. Thành công trong nghề nghiệp khi áp dụng sơ đồ Tân La Mã trong việc thực hiện các đồ án này.

CORTONE, PIERRE DE (1596-1669). Họa sĩ và KTS, một trong ba bậc thầy của xu hướng barôc La Mã. Tác phẩm đầu tiên của ông là biệt thự Pigneto (1630), đánh dấu sự phát triển của loại biệt thự barôc, có phân giữa nhô cao, được tăng cường bởi những cầu thang uốn cong vào trong. Nhà thờ Martina e Luca (1635-50) của ông là một trong những nhà thờ barôc có quy mô lớn với mặt bằng chữ thập Hy Lạp. Không phải là nhà điêu khắc song nội thất nhà thờ lại được xử lý hài hòa giữa tường và vòm, bề mặt có tranh tượng cùng với các cột thức ionic. Trong ngoài như nhau, những cột thức chạy liên tiếp nhau ở mặt chính. Phải kể thêm đồ án thiết kế S.Maria della Pace (1656-57), S. Maria in Via Lata (1658-62) của ông, nơi bắt đầu có phong cách cổ điển khi chú trọng nhấn mạnh mặt chính công trình.

COSTA LUCIO (1902-?) Kiến trúc sư Brazil, một trong những người tiên phong của xu hướng kiến trúc hiện đại trên cơ sở của kiến trúc công năng và truyền thống dân gian. Cùng với Niemeyer S.F. đã sáng tác nhiều mẫu nhà ở. Tác giả Nhà triển lãm của Brazil tại Triển lãm Quốc tế ở Niu Oóc (1939), cũng là tác giả tổng sơ đồ thành phố Brazilia (1957).

CRAM, RALPH ADAMS (1863-1942). KTS Mỹ, nổi tiếng về kiến trúc tôn giáo theo phong cách tân gôtic. Học trường nghệ thuật ở Boston và hành nghề từ năm 1889. Những công trình của Cram khác biệt ở sự cực kỳ tinh xảo ngay cả các chi tiết xoàng nhất. Các tác phẩm tôn giáo đồ sộ của ông : nhà thờ St Thomas ở New York nhà thờ East Liberty ở Pittsburgh, Pennsylvanie; tiểu giáo đường Viện Hàn lâm quân đội ở West Point (dự thi năm 1903), các nhà thờ Halifax ở Nouvelle-Ecosse, Bryn Athyn ở Pennsylvanie và ở La Havana, Cuba. Năm 1911, Cram là thanh tra xây dựng nhà thờ St John the Divine ở New York. Ông đã dự tính chuyển đổi toàn bộ công trình mang phong cách byzantin để thích ứng với gôtic Anh, thể hiện trong những cuốn sách của ông : “*Săn lùng Gôtic*” và “*Đời tôi trong kiến trúc*”

CUBITT, THOMAS (1788-1855) Nhà thầu khoán hiện đại đầu tiên đã hợp lý hóa các phương pháp nhận thầu và thực hiện xây dựng. Năm 1809 là thợ mộc ở gần London, tại đây ông đã hợp nhất các nhóm thợ và tổ chức thành công ty thầu khoán. Đã xây dựng nhiều ngôi nhà ở nông thôn, trong đó có Osborne House (1848), cơ ngơi của nữ hoàng Victoria, được thiết kế bởi hoàng tử Albert. Ông đã theo đuổi mọi công việc xây dựng từ hệ thống cống rãnh, công viên cho đến kiểm tra ống khói. Ông còn chịu trách nhiệm tổ chức Triển lãm lớn năm 1851.

CUYPERS, PETRUS J. H. (1827-1921) Kiến trúc sư Hà lan, theo xu hướng Tân gôtic. Phát triển xu hướng này tại Cologne, Paris trên cơ sở phát động cao trào xây dựng nhà thờ thiên chúa giáo La Mã (tại Eindhoven và Amsterdam năm 1859-67) với những tòa đại giáo đường có các khuôn vòm rộng, cửa sổ lớn, kết cấu nổi bật và táo bạo. Ông đặc biệt nổi tiếng tại Hà Lan khi xây dựng xong bảo tàng Rijksmuseum (1867-85) và nhà ga trung tâm (1885-89).

D

D'ARONCO, RAIMONDO (1857-1932) Kiến trúc sư Italia theo xu hướng Nghệ thuật mới. Tác phẩm chính : Nhà triển lãm Nghệ thuật trang trí ở Turin (1902), cải tạo nhà triển lãm ở Darmstadt, tu viện Galata ở Thổ Nhĩ Kỳ (1903). Sử dụng nhiều môtip trang trí lớn và trừu tượng, thể hiện được bằng kết cấu bê tông. Sau này, quay lại với phong cách Tân Cổ điển , điển hình là khách sạn ở Udine (1909).

DADACHEV X.A. (905-1916) KTS, sử gia kiến trúc Liên Xô. Tác giả một số rạp chiếu phim, nhạc viện, nhà bảo tàng ở Bacu, nhà triển lãm ở Moxkva.

DAHLBERG, ERIK (1622-1703). Kiến trúc sư Thụy Điển. Là tác giả của bộ sách ba tập về những hình vẽ kiến trúc mang tên " Sueca Antiqua et Hodierna" (1661-1703). Công trình tiêu biểu: cải tạo khách sạn thành phố Jonkping, lăng của Larg Kagg tại Sodermanland, thiết kế tổng mặt bằng Kariskrona.

DANCE, GEORGE LE JEUNE (1741-1825) KTS Pháp, theo xu hướng tân cổ điển. Xây dựng nhà thờ All Hallow, London Wall (1765-67). Nội thất có hình khối trần trụi, cột chỉ thuần túy sử dụng làm kết cấu, rất ít trang trí. Công trình Guidhall Council Chamber (1777) vẫn theo phong cách nhà thờ trên, theo phong cách Sir John Soane. Là một trong bốn kiến trúc sư đầu tiên của Hàn lâm Hoàng gia.

DAVIOUD, GABRIEL (1824-1881). KTS chiết trung Pháp. Trong thiết kế, ông chọn Cổ đại và Phục Hưng khi sáng tác đài phun nước, gôtic cho nhà thờ, Palladio cho nhà hát và pha trộn các thành phần La Mã và A Rập cho các nhà có vườn. Năm 1855-1870, ông là thanh tra kiến trúc cho Công ty giải trí và cây xanh. Ông đã xây dựng nhiều kiôt, phòng thu thuế, quán cà phê trong rừng Boulogne và trong nhiều công viên khác ở Paris. Phải kể đến nhiều đài phun nước : tại Saint-Michel (1858-60), vườn Observatoire (1874), công viên nhà hát Pháp (1864), công viên Château-d'eau (1880); các phòng biểu diễn 1700 chỗ và 3000 chỗ tại công viên Châtelet. Năm 1867, ông xây dựng nhiều cửa hàng lớn tại quảng trường République, mặt chính theo phong cách cổ điển. Sau chiến tranh 1870, Davioud là tổng thanh tra công chính của Paris. Cùng với Bourdais, xây dựng khu triển lãm (1878), rồi lâu đài Trocadéro. Phòng lớn của công trình này chứa được 4500 người, lớn nhất ở Paris thời đó; sử dụng kết cấu kim loại, ốp đá, trang trí sặc sỡ bằng đá cẩm thạch và môzaic. Đây là một ví dụ điển hình về kiến trúc chiết trung thế kỷ 19.

DAVIS, ALEXANDER JACKSON (1803-1892). KTS Mỹ. Trong những năm 1829-43 là họa sĩ, sáng tác theo xu hướng tân Hy Lạp. Thư viện riêng của ông có nhiều tài liệu nghệ thuật và kiến trúc, là nơi gặp gỡ quan trọng của nhiều nhà hoạt động nghệ thuật nghiệp dư ở New York. Sau đó, Davis lại đi theo các xu hướng thịnh hành. Ông xây dựng nhiều nhà thờ, trụ sở và nhà ở tư nhân tại ngoại thành. Đặc biệt là những tòa nhà lớn sau này ở trong thành phố, theo phong cách tân Hy Lạp, mà Stevens Palace ở New York là tiêu biểu (1845). Ông còn thực hiện xây dựng nhiều công trình tại Connecticut, Indiana, Caroline và New York trên cơ sở nhà dân gian, kết hợp với tân Hy Lạp, tân gôtic. Đồ án thiết kế mở rộng công viên Llewellyn ở New Jersey cũng là một tác phẩm có tiếng.

DEANE, SIR THOMAS NEWENHAM (18828-1899). KTS Ailen, sinh trưởng trong một gia đình kiến trúc sư, nghệ sĩ và thầu khoán. Năm 1853, họ thiết kế nhà bảo tàng

Trinity College và tham gia thi thiết kế trụ sở Chính phủ ở London, đồng thời với nhà bảo tàng trường đại học Oxford. Tác phẩm này kết hợp được những hình thức thời trung cổ với điêu khắc tả chân và đầy kính, thép. Cùng với Woodward, họ đã thực hiện tòa nhà Crown Life Assurance ở London, câu lạc bộ phố Kildare ở Dublin và nhà thờ cơ đốc giáo ở Oxford. Sau này khi Woodward qua đời, Dean còn xây dựng nhiều công trình khác, trong đó phải kể tới bảo tàng Nghệ thuật và khoa học, thư viện Quốc gia ở Dublin (1887-90).

DELANO, WILLIAM ADAMS Kiến trúc sư Mỹ đa phong cách. Sinh tại New York, theo học ở Yale và trường Mỹ thuật Paris, tốt nghiệp năm 1903. Dạy vẽ tại Đại học Columbia. Hợp tác với Holmes Aldrich (1871-1940) thực hiện nhiều công trình ở đô thị và nông thôn, tất cả đều theo phong cách của thế kỷ 17 và 18 của Anh, Pháp. Để lại nhiều công trình công cộng nổi tiếng, trong đó có sân bay La Guardia ở New York (1939), trụ sở Viện Hàn lâm quân sự Mỹ, hiện đại hóa Nhà Trắng tại Washington (1949-52).

DELORME, PHILIBERT (1510-1570) Kiến trúc sư Pháp thời Phục Hưng. Tác giả của lâu đài Orléan, Tuillerie. Người sáng tạo nên mái vòm “delorme”.

DIENTZENHOFEN Một họ các nhà kiến trúc sư Đức, Tiệp theo xu hướng Barôc Tiệp và Nam Âu.

DIOMIN V.A. (1908-?) KTS Nga. Thiết kế công trình tưởng niệm trên kênh Vonga-Đông (1951-58), tham gia thiết kế tổng thể công trình tưởng niệm trận Stalingrat (1963-67). Giải thưởng Lenin (1970).

DOBROVICH N. (1897-1976) Kiến trúc sư Secbia, là một trong những người sáng lập trường phái kiến trúc Secbia ở thế kỷ 20. Đã thiết kế nhiều công trình công cộng, công trình tưởng niệm, trụ sở văn phòng tại Bengrad.

DOBROVICH N. (1897-1976) Kiến trúc sư Secbia, là một trong những người sáng lập trường phái kiến trúc Secbia ở thế kỷ 20. Đã thiết kế nhiều công trình công cộng, công trình tưởng niệm, trụ sở văn phòng tại Bengrad.

DOESBURG, THEO VAN (1883-1931). KTS và họa sĩ Hà Lan. Thành viên kiệt xuất của nhóm De Stijl (có tạp chí riêng cùng mang tên này). Cộng tác cùng với Hans Arp xây dựng lại trung tâm giải trí Aubette ở Strasbourg (1926), cộng tác với quy hoạch gia Van Eesteren và diễn giảng tại Bauhaus.

DOMENECH Y MONTANER, LUIS (1850-1923). KTS Tây Ban Nha theo xu hướng hiện đại, cùng với Gaudi và Berenguer bảo vệ catalan quốc gia và thủ công nghiệp. Ông áp dụng vào công trình nhiều bộ phận kiến trúc của người Mo ở Tây Ban Nha: tường răng cưa, vòm gạch, cột mảnh, gổm mâu và kính. Công trình tiêu biểu: quán ăn del Parque (1888), bệnh viện S. Pau (1902-12) và lâu đài Palau della Musica Catalana (1905-08).

DOSHI, BALKRISHNA VITHADAS (1927- ?) Kiến trúc sư, nhà quy hoạch Ấn Độ, người sáng lập và là hiệu trưởng trường kiến trúc tại Ahmadabad, sau này trở thành trung tâm đào tạo kiến trúc hiện đại cho cả nước. Nhiều công trình được xây dựng tại Ahmadabad: nhà tưởng niệm Tagor (1958), Viện Ấn Độ học (1963), khu công nghiệp Baroda (1965-68), Hyderabad (1968-71) và Kalol (1971-73); và nhiều nhà ở tại Kota (1970-72).

DU CERCEAU (tk.16-17) Một họ các kiến trúc sư Pháp đã sáng tạo nhiều công trình theo kiến trúc Cổ điển và Phục Hưng Italia: Bảo tàng Louvre, nhà Flora, lâu đài Tuillerie ở Paris.

DUDOK MARINUS (1884-1974) KTS Hà Lan, có phong cách riêng. Nguyên là kỹ sư quân đội, trở thành kiến trúc sư trưởng năm 1927, và sau 10 năm ông đã thực hiện được nhiều công trình quan trọng. Trường Vendel (1928), với hình khối bằng gạch không đối xứng, cửa sổ chạy liên tục theo chiều ngang, cửa đi uốn vòng cung, v.v. làm cho mặt nhà độc đáo. Công trình quan trọng nhất của Dudok là khách sạn thành phố Hilversum, gồm những khối gạch dày đặc ghép với nhau, giữa là bể nước vườn cây, tường trang trí phù điêu, gây cho bề mặt chính có ánh sáng huyền ảo. Tại thành phố này, ông còn xây dựng các lò sát sinh, nghĩa trang, nhà tắm công cộng, cửa hàng.

DUIKER, JOHANNES (1890-1935). Thành viên nhóm De Stijl của Hà Lan. Một trong các biên tập viên chính của ấn phẩm định kỳ *De 8 en Opbouw*. Tốt nghiệp trường kỹ thuật Delft. Các tác phẩm tiêu biểu: viện điều dưỡng Zonnestraal ở Hilversum (1928), trường phổ thông Amsterdam (1930-32), nhà ở 5 tầng toàn kính.

DUSKIN A.N. (1903-1977) KTS Nga. Thiết kế các ga metro : Kropotkinxkaya, Mayakopxkaya, Abtozavodxkaya ở Moxkva (trước năm 1934). Là tác giả của nhiều nhà ga xe hỏa, cửa hàng Detxki Mir ở Moxkva. Giải thưởng quốc gia.

DUTERT, CHARLES (1845-1906). KTS Pháp. Một trong những kiến trúc sư sử dụng nhiều sắt nhất cho công trình. Ông học trường Mỹ thuật và được giải thưởng Roma. Nổi tiếng về gian cơ khí xây dựng trong Triển lãm năm 1889, kích thước mặt bằng 420x115m Trước đó, ông đã xây dựng gian trưng bày lớn tại Bảo tàng lịch sử tự nhiên với mặt chính theo phong cách truyền thống.

E

EGGERT, HERMANN (1844-1914) Kiến trúc sư Đức, theo xu hướng Tân Barôc của đế chế Phổ thứ hai. Là tác giả của 3 công trình xây dựng theo xu hướng ấn tượng rõ rệt nhất trong thời đó: Kaiserpalast ở Strasbourg (1815), nhà ga trung tâm Franfort-sur-le-Main (1879-88) và khách sạn thành phố Hanovre (1898-1909). Vòm lớn ở lối vào, tiền sảnh cực lớn và cầu thang bên trong độc đáo là đặc điểm của các công trình này.

EGOTOV I.V. (1756-1815) KTS Ukraina. Thiết kế xây dựng ga metro Kréttik, khách sạn Dniep, viện bảo tàng lịch sử tị Kiev. KTS Nhân dân Liên Xô.

EIDLITZ, LEOPOLD (1823-1908) Kiến trúc sư Mỹ, sinh tại Praha, học trường bách khoa ở Viên rồi hành nghề tại Mỹ. Tham gia thiết kế nhà thờ Ba ngôi trong công ty của R.Upjohn, rồi sau hợp tác với Blesh (kiến trúc sư Đức) trong việc thiết kế tòa nhà mới của nhà thờ St. George ở New York. Công trình mang phong cách Tân gôtic này đặc biệt thành công và có ảnh hưởng tới hầu khắp Bắc Âu. Các công trình khác: nhiều nhà ngân hàng, nhiều cửa hàng và cuối cùng là trụ sở Nghị viện Mỹ ở New York.

EIERMANN, EGON (1904-1970). KTS Đức nổi tiếng, theo xu hướng hiện đại. Là đệ tử thân cận của Mies van der Rohe. Sử dụng khéo léo các kết cấu và vật liệu hiện đại trong tác phẩm của mình. Ông thích dùng fibro-ximăng, như khi xây dựng nhà máy ở Blumberg (1951). Ông cũng nổi tiếng với nhà thờ và tháp Kaiser Wilhelm Memorial ở Đông Berlin (1963). Đây là một công trình có mặt bằng hình tám cạnh bằng bê tông và thép, sử dụng nhiều kính mờ. Cùng với hai kiến trúc sư khác, ông đã thực hiện rất thành công tòa nhà triển lãm của Đức tại Triển lãm Bruxelles năm 1958. Những công trình khác: Văn phòng mỏ than ở Essen (1960), đại sứ quán Tây Đức ở Washington (1964), tòa nhà Olivetti ở Franfort-sur-le-Main (1970).

EIFFEL A.G. (1832-1923) Kỹ sư, nhà xây dựng Pháp. Người tiên phong trong việc sử dụng kết cấu thép vào nhiều công trình lớn như cầu, cầu vượt, tháp. Nổi tiếng là tháp mang tên ông, cao 320m, được xây dựng ở khu triển lãm quốc tế năm 1889 (nhân kỷ niệm 100 năm cuộc cách mạng 1789). Tháp Eiffel có giải pháp kết cấu hoàn hảo, đã là công trình mang tính kỹ thuật và nghệ thuật cao, được lấy làm biểu tượng của Paris.

EIGTVED, NIKOLAJ (1704-1754) Kiến trúc sư Đan Mạch, một trong những nhà hành nghề kiến trúc nổi tiếng ở Copenhague hồi giữa thế kỷ 18. Các công trình tiêu biểu : cầu và các tòa nhà vào lâu đài Christianborg, bệnh viện Federik, công trình Amalienborg.

EIRMAN, EGON (1904-1970) Kiến trúc sư kiệt xuất của nền kiến trúc hiện đại Đức, môn đồ gần gũi của Mies van der Rohe. Sử dụng khéo léo các kết cấu và vật liệu hiện đại, nổi tiếng từ công trình nhà thờ (công trình hình bát giác bằng bê tông và sắt thép, cửa lắp kính mờ) tháp tưởng niệm Kaiser Wilhem ở Đông Đức (1963), tòa nhà triển lãm của Đức tại Bruxelles (1958), văn phòng khu mỏ than ở Essen (1960), đại sứ quán Tây Đức tại Washington (1964) và tòa nhà Olivetti tại Franfort-sur-le-Main (1970).

ELMES. HARVEY LONSDALE (1814-1847). KTS Anh. Nghiên cứu kiến trúc cùng với cha và chú, đoạt giải trong cuộc thi St George Hall năm 1839. Bắt đầu xây dựng từ năm 1842, công trình gồm phòng hòa nhạc ở giữa và hai bên là khán đài dân thường và khán đài hoàng gia. Mặt bằng phòng hòa nhạc có dạng vòm theo kiểu Caracalla của La Mã.

Hình khối đơn giản, sử dụng các hàng cột thức lớn đồng nhất nhưng không đơn điệu, thể hiện được đồng thời hình thức và công năng của công trình.

EMBERTON, JOSEPH (1889-1956). Một trong những KTS chịu trách nhiệm thực nghiệm kiến trúc hiện đại ở Anh, sử dụng bê tông, kính và thép không gỉ. Tác phẩm tiêu biểu : câu lạc bộ thuyền buồm Royal Corinthian ở Burnham-on-Crouch (1931), thiết kế mở rộng Empire Hall ở Olympia, trung tâm triển lãm ở London năm 1936. Công trình quan trọng xây dựng cuối cùng của ông là sòng bạc ở Blackpool, Lancashire (1939), gồm cả một nhóm các tiệm ăn bố trí trong một vỏ tròn bằng bê tông.

ENDELL, AUGUST (1871-1912). Họa sĩ Đức, thành viên nhóm Jugendstil ở Munich năm 1897. Ông thích trang trí hình hoa lá với các chi tiết có tính chất trừu tượng. Tại nhà an dưỡng trên đảo Föhr (1898), ông đã sử dụng trang trí hình kỷ hà với nhiều sắc độ và kiểu dáng khác nhau. Về sau, ông làm việc và giảng dạy ở Berlin, rồi Breslau (1910).

ENGEL, CARL LUDWIG (1778-1840). KTS Đức nổi tiếng nhờ hàng loạt công trình tân cổ điển của ông tại Helsinki. Ông theo học tại Hàn lâm viện Nghệ thuật Berlin, rồi hành nghề kiến trúc tại Tallinn, Estonia (1808-14). Trở thành kiến trúc sư lớn của Phần Lan thời đó khi được phong làm giám đốc công chính năm 1824. Dù là người gốc Đức, các tác phẩm của ông lại mang phong cách tân cổ điển Nga của Petersbourg. Các tác phẩm tiêu biểu: nhà Thượng nghị viện (1818-22), trường đại học (1836-45), thư viện đại học (1836-45) và nhà thờ giáo phái Lute (1830-40). Ngoài ra, ông còn có một số công trình khác mang phong cách Phục Hưng, Barôc (1855-84).

ERICKSON, ARTHUR CHARLES (1824-?) Kiến trúc sư Canada, hành nghề tại Vancouver, sau dạy học tại châu Âu. Các tác phẩm tiêu biểu về kiến trúc hiện đại được đánh giá cao tại Canada : trường Đại học Simon Fraser (1963), Lethebridge (1971). Năm 1970 đoạt giải thi thiết kế tòa nhà triển lãm của Canada tại triển lãm Osaka (Nhật).

EROPKIN P.M. (1698-1740) KTS Nga, theo xu hướng Cổ điển. Xây dựng lâu đài và công viên ở Preobrajenskô gần Moxkva. Chỉ đạo quy hoạch tổng thể Peterburg và thiết kế khu trung tâm.

F

FANZAGO, COSIMO (1591-1678). KTS bậc thầy Italia, theo xu hướng barôc, giảng dạy về điêu khắc ở Naples (1608). Tác phẩm S. Maria Egiziaca (1651-1717) là một trong số các nhà thờ quan trọng, có mặt bằng chữ thập Hy Lạp, rất gần với nhà thờ S. Agnese ở Roma, có bốn giáo đường giao nhau, thiết kế theo ba róc La Mã, nội thất trang trí đơn giản. Các nhà thờ khác như Ascension (1622), S. Martino (1623-31) và S. Guiseppe degli Scali (1680) đều có những đặc điểm khác biệt, nhất là về mặt chính.

FEHN, SVERRE (1924-?) KTS Na Uy. Công trình tiêu biểu: nhà dưỡng lão ở Okern, Oslo (1955), nhà bảo tàng truyền thống dân tộc ở Lillehammer (1959), đều là những công trình dài và thấp, bằng bê tông trần, tương phản với các nhà cũ ở chung quanh. Tòa nhà Triển lãm ở Bruxelles (1958) là một tác phẩm đơn giản nổi tiếng: sử dụng các xúc gỗ lớn làm dầm mái, một sân rộng có không gian mở ra ba phía.

FELTEN YU. M (1732-1801) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng Cổ điển Nga, cộng tác với V.V. Raxtreli từ năm 1760 trong việc xây dựng Cung điện Mùa Đông ở Pêtecbua. Công trình tiêu biểu : học viện Alekxandrôpki (1765-75), nhà thờ Êkaterina (1768-71) và Anna (1775-79), Errmita cũ (1771-87) ở Pêtecbua. Trùng tu nội thất Cung lớn Petergrof (1770), tham gia thiết kế Vườn Mùa Hạ cùng với P.E. Egorôvui (1771-84) tại Pêtecbua.

FERSTEL, HEINRICH (1828-1883). KTS Áo, tác giả của nhiều công trình có phong cách khác nhau ở Viên. Hoàng đế Francois-Joseph muốn thay thế một con đường đầy những thành lũy bằng một đại lộ lớn, gồm các công trình quan trọng của đế chế Áo-Hung. Công việc được triển khai năm 1858 cùng với kiến trúc sư Ludwig von Foerster. Tác phẩm chính đầu tay của Ferstel là Votivkirche (1856-79) theo xu hướng tân gôtic với những đường nét thẳng đứng, chạm khắc tinh xảo. Cũng thời đó, xây dựng nhà Ngân hàng Quốc gia (1855-60) theo phong cách Phục Hưng thế kỷ 15, nhà bảo tàng Nghệ thuật ứng dụng (1868-71) theo phong cách Phục Hưng thế kỷ 16, cuối cùng là trường đại học gần Votivkirche, theo phong cách tân barôc sơ kỳ (1873-84).

FILARETE A. (1400-1469) Kiến trúc sư Italia, nhà điêu khắc và lí luận kiến trúc. Từ năm 1447 làm việc ở Milan và xây dựng khu bệnh viện lớn Ospedale Maggiore và một số công trình khác. Tác phẩm của ông mang tính nhân bản, kết hợp với Hậu gôtic, thể hiện trong cuốn “ Kiến trúc luận” (1460-64), dự kiến sáng tạo “ thành phố lí tưởng” Xforsinda. Ông đề xuất các khái niệm về hình học, cơ học có liên quan đến việc khôi phục các công trình Cổ đại.

FINSTERLIN, HERMANN (1887-1973) Họa sĩ, thi sĩ và KTS Đức. Sau chiến tranh, chịu ảnh hưởng của xu hướng “ hữu cơ” của Otto, Doernach và Utzon. Ông trưng bày những bản vẽ của mình tại “ Triển lãm của những KTS vô danh” do Gropius, Behne tổ chức năm 1919. Ông còn chịu ảnh hưởng của các kiến trúc sư theo xu hướng tân biểu hiện như nhóm Archigram của Anh, các kiến trúc sư-nhà điêu khắc André Bloc và Jacques Couelle của Pháp. Hầu hết những thiết kế của ông sau chiến tranh đều là công trình tu sửa (1919-24), số còn lại là kiến trúc tôn giáo. Ông nổi tiếng bởi những tiểu luận: “ Ngày thứ tám”, “ Casa Nova” và “ Khởi nguồn của kiến trúc thế giới”.

FIORAVANTI A. (1420-1486) KTS Italia. Nổi tiếng ở đây về việc gia cố và di chuyển nhiều công trình lớn; tham gia xây dựng nhà thờ Uxpenki ở Kremlin, áp dụng hài hòa

kiến trúc truyền thống của trường phái Vladimir-Sudanxki kết hợp với kiến trúc Phục Hưng Italia.

FICHER, THEODOR (1862-1938). KTS Đức. Những công trình của ông đều đồ sộ, hoành tráng, đơn giản và mang tính cách bản xứ. Thiết kế nhiều công trình công cộng: các trường tiểu học ở Munich (1897), Pfullinger Hallen ở Wurtemberg (1907), Kunstverein ở Stuttgart (1909-12), trong đó kết hợp môtip cổ điển với bản xứ. Ông còn là giáo sư tại trường Bách khoa ở Stuttgart và Munich.

FISCHER VON ERLACH (1656-1723) Kiến trúc sư Áo , đại diện nổi tiếng của Barôc Áo . Xây dựng các nhà thờ Dreifaltigkeitkirche (1694-1702) và Kollegienkirche (1694-1707) ở Zansbua mang tính hoành tráng, kết hợp hình khối sinh động với không gian nội thất phức tạp, bố cục mặt chính nghiêm ngặt, điển hình là Cung Sonbrum (1692-1700) và nhà thờ Karla Bôioimeixki (1716-20) ở Viên.

FISKER, KAY (1893-1965). Tốt nghiệp Viện hàn lâm hoàng gia Đan Mạch năm 1920 sau 11 năm theo học. Là người đầu tiên lập tiêu chuẩn cho các nhà ở xây dựng mới tại Đan Mạch. Ông làm việc tại các hãng Assplund và Lewerentz , chịu ảnh hưởng về quy hoạch của Anh. Cùng với C.F. Moller và Povl Stegmann, Fisker đã đoạt giải của trường đại học Aarhus (1931) và công trình hoàn thành năm 1942. Những công trình trụ sở và nhà ở tại Copenhagen (1955) là ví dụ về sự thành công của Fisker đi theo xu hướng hiện đại.

FLITCROFT, HENRY (1697-1769). KTS Anh. Xuất thân là thợ mộc, rồi làm họa viên, đã khắc nhiều bản vẽ cho William Kent. Ông xây dựng nhà thờ St. Giles –in-the-Fields ở London (1731-33), đã thực hiện công trình đồ sộ Wentworth Woodhouse, Yorkshire (từ 1733) theo thiết kế cải biên của Campbell.

FLORIS C. (1514-1575) Kiến trúc sư Hà Lan thời Mãn Phục Hưng. Công trình tiêu biểu : tòa thị chính ở Anverpen (1561-65), nhà thờ Notre-Dame ở Turin (1568-75), kết hợp hình thức Cổ điển với bố cục tuyến thống của gôtic Hà Lan. Phong cách của Floris có ảnh hưởng nhiều đến nghệ thuật kiến trúc nửa sau thế kỷ 16 và đầu thế kỷ 17.

FLUORIT Florua canxi ở trạng thái tự nhiên. Là một loại đá kết tinh giống như kính và có phát huỳnh quang. Chủ yếu làm chất trợ dung trong luyện kim, nguyên liệu cho công nghiệp gốm, sứ thủy tinh (E: fluorine).

FOMIN I.A. (1872-1936) Kiến trúc sư Nga. Ban đầu chịu ảnh hưởng của phong cách Hiện đại. Từ đầu những năm 1990 cổ vũ mạnh cho xu hướng Cổ điển Nga, tham gia biên soạn “ Lịch sử Nghệ thuật Nga” (1911). Ông là người sáng tạo phong cách Tân Cổ điển của kiến trúc Nga: tòa nhà Polovxep (1910-16), tòa nhà Abamelek-Lazapaev (1913-15) ở Petecbua. Từ những năm 1910, tham gia thiết kế quy hoạch đô thị: xây dựng quảng trường ở đảo Golodai (1912), quy hoạch khu cây xanh Petrograf (1920-23), nhà công cộng Đinamô (1928-30), trụ sở Hội đồng nhân dân (1930), trụ sở Bộ Bưu điện (1933-36), các ga mét-rô “ Lermontovxkaya “(1935), “ Quảng trường Xverlov (1936-38), trụ sở Hội đồng Bộ trưởng Ukraina ở Kiev (1934-39).

FOMIN I.I. (1904-?) Kiến trúc sư Nga, con trai Fomin I.A. Là một trong những tác giả của các công trình công cộng và khu nhà ở lớn, các công trình tưởng niệm lớn, trụ sở Hội đồng Xô viết tại Leningrad, nhà ở tại quảng trường Gagarin ở Moxkva (1940-47), tổng thể trường Đại học tổng hợp Leningrad (1969). Viện sĩ Hàn lâm nghệ thuật Liên xô (1979).

FONTAINE PIERRE FRANÇOIS (1762-1853) Kiến trúc sư Pháp, theo phong cách Đế chế. Chuyên nghiên cứu về kiến trúc Cổ đại tại Roma (1786-92). Một trong những người

áp dụng vật liệu kết cấu gang trong xây dựng. Cùng với S. Percier xây dựng Khải hoàn môn trên quảng trường Caroussel ở Paris (1806); thực hiện nội thất của Điện Versailles và nội thất của một số lâu đài khác. Giải thưởng Roma (1800-1820) .

FONTANA C. (1634-1714) Kiến trúc sư Italia, theo xu hướng Mãn Barôc. Tham gia xây dựng một số nhà thờ tại Rôma. Chú trọng hiệu quả thẩm mỹ và không gian với bố cục kiến trúc hài hòa, tiêu biểu là mặt chính nhà thờ St. Marchello al Corsso ở Roma (1682-83). Tác phẩm của ông có ảnh hưởng đến sự phát triển của xu hướng kiến trúc Cổ điển Châu Âu thế kỷ 18 (chủ yếu là Bắc Âu). Ông còn là tác giả của nhiều bài viết về khảo cổ và kỹ thuật xây dựng.

FONTANA D. (1543-1607) KTS và nhà lý luận kiến trúc Italia, theo xu hướng Barôc. Xây dựng lâu đài Lateran ở Roma (1586-90), lâu đài Rean ở Neapol (1600-02). Xây dựng nhiều đường phố mới trong quá trình tham gia quy hoạch đô thị tại Roma.

FOSTER, SIR NORMAN (ROBERT) Sinh năm 1935, kiến trúc sư Anh. Công trình của ông nổi tiếng về sự tiếp cận với kỹ thuật mới, công nghệ phức tạp nhưng thể hiện tính thích ứng với nền văn hóa và khí hậu địa phương của nơi xây dựng công trình. Công trình tiêu biểu : Ngân hàng Hồng Kông, ngân hàng Thượng Hải tại Hồng Kông(1986), khu đầu cuối của sân bay Stated (1991), tháp thiên niên kỷ Tokyo (1991).

FOULSTON, JOHN (1772-1842) KTS Anh theo xu hướng tân cổ điển, đã xây dựng nhiều công trình tại Plymouth, Devonshire. Là học trò của Thomas Hardwick. Đạt giải thiết kế phòng họp, nhà hát và khách sạn thành phố Plymouth. Những công trình của ông thường sử dụng thức doric Hy Lạp ở mặt chính.

FREYSSINET, EUGÈNE (1879-1962). Kỹ sư Pháp, người tiên phong của bê tông ứng suất trước. Ông đã xây nhiều cầu bằng bê tông khi phục vụ trong quân đội. Trước thế chiến I, ông đã lập xưởng để khai thác sử dụng bê tông ứng suất trước, đặc biệt là trong việc xây dựng các cột tháp của đường tải điện. Ông nổi tiếng về việc thiết kế móng của ga hàng hải ở Havre. Năm 1916, xây dựng hăng ga ở Orly với vòm parabolic cao 60m, làm giới kiến trúc sư đương thời thán phục. Ông cũng là một trong những người nghiên cứu áp dụng bê tông vỏ mỏng. Tên của ông còn được đặt cho hệ thống neo và kích dùm trong bê tông ứng suất trước. Neo cốt thép gồm có vỏ neo và chóp neo. Kích Freyssinet có hai tác dụng vừa kéo căng cốt thép, vừa ấn chóp neo vào vỏ neo để ép chặt cốt thép.

FRIAZIN M. (Tk.15) Kiến trúc sư Italia. Hành nghề ở Matxcova (1487-91), tham gia xây dựng tường gạch đá và tháp Kremlin (1485-95), nhà nghị viện Granovit (1487-91).

FULLER, RICHARD BUCKMINSTER (1895-1983) Kiến trúc sư, kỹ sư Hoa Kỳ. Chuyên nghiên cứu về các kết cấu không gian nhẹ và ổn định, được cấu tạo từ những cấu kiện định hình bằng thanh hoặc ống thép (gian triển lãm ở Xiol'nik, Moxkva, 1959 và gian triển lãm Hoa Kỳ tại Triển lãm Quốc tế, 1967 tại Montréal, Canada).

FURNESS, FRANK (1839-1912). KTS Mỹ. Bắt đầu hành nghề tại thành phố quê hương từ năm 1866. Các tác phẩm chính (thường cùng với Allen Evans) được xây dựng ở Philadelphie và các vùng lân cận (1870-90), là những công trình thương nghiệp, nhà ngân hàng nhỏ, trong đó đáng kể là Provident Life và Trust Company (1876-79). Ông còn xây dựng nhiều nhà ga, trong đó có ga đường sắt lớn như Broad Street(1891-93) và thư viện đại học Pennylvanie (1887-91). Phong cách của Furness mang đậm nét chiết trung Pháp và Anh.

G

GABRIEL J.A. (1698-1782) Kiến trúc sư Pháp. Một trong những người đặt nền móng cho xu hướng Cổ điển thế kỷ 18. Công trình tiêu biểu: khôi phục nội thất lâu đài Vecxây và xây lại cánh nhà phía bắc (1734-74), trường Võ bị ở Paris (1751-75), nhà hát opéra (1748-70), quảng trường Hòa hợp ở Paris (1755-63).

GALLI DA BIBIENA Một gia đình Italia có tiếng ở thế kỷ 18, gồm các nhà nghệ thuật kiến trúc và trang trí. Là các nhà trang trí, nhà tổ chức lễ hội, kiến trúc sư và trang trí sân khấu họ được nhiều người thỉnh cầu chẳng những ở Italia, mà còn ở châu Âu nữa. **Ferdinando** (1657-1743) là họa sĩ và kiến trúc sư, trước hành nghề ở Parme, sau phục vụ triều đình tại Viên. Người em là **Francesco** (1659-1739) là kiến trúc sư ở một nhà hát nổi tiếng, chẳng những ở Vérome và Roma, mà còn ở cả Italia. Quan niệm về barôc trong sân khấu của Ferdinando, với việc nhấn mạnh phối cảnh theo đường chéo đã thể hiện rõ trong công việc của con trai ông là **Giuseppe** (1696-1757). Người ta được xem những màn vũ kịch, trong đó các bậc thang phối cảnh chạy tít ra xa, qua những hàng rào và vòm cung ở Viên, Praha, Venise, Dresden, Munich. Con của Ferdinando là **Antonio** (1700-74) cũng là một nhà trang trí sân khấu vũ kịch nổi tiếng.

GANDON, JAMES (1743-1823) Kiến trúc sư đầu tiên theo xu hướng cổ điển của Dublin. Tác phẩm mang vẻ barôc của Wren và Chambers. Năm 1769, được thưởng Huy chương vàng đầu tiên của Viện Hàn lâm Hoàng gia. Công trình tiêu biểu : các đô án County Hall tại Nottingham , Customs House ở Dublin(1781), Four Courts (1776-96).

GARTMAN V.A. (1834-1873) Kiến trúc sư Nga, một trong những người sáng lập “ phong cách kiến trúc Nga”. Là tác giả của nhiều công trình triển lãm, trong đó phát triển kiến trúc dân gian và sử dụng vật liệu gỗ là chủ yếu.

GARNIER, CHARLE Kiến trúc sư Pháp (1825-1898) , tốt nghiệp kiến trúc ở Paris, được giải thưởng lớn kiến trúc La Mã 1848. Người đoạt giải phương án xây dựng Nhà hát Opéra Paris (1681-1875). Tác giả nhiều công trình thiết kế và lí luận về kiến trúc.

GARNIER, TONY (1869-1948) Kiến trúc sư Pháp, một trong những nhà sáng lập kiến trúc Hiện đại Pháp. Sử dụng rộng rãi bê tông cốt thép trong nhiều công trình: thành phố công nghiệp 35 ngàn dân (1901-04), chợ gia súc, sân vận động Olympic, bệnh viện, nhà bưu điện và một số khu nhà ở.

GARTNER, FRIENDRICH VON (1792-1847) Kiến trúc sư Đức, theo xu hướng Tân Cổ điển, có vai trò quan trọng trong việc thành lập Viện Hàn lâm ở Munich. Công trình tiêu biểu tại đường phố Ludwigstrasse ở Munich (1829-40) có phong cách Rôman kết hợp với những mảng Phục Hưng, nội thất độc đáo, đa sắc, tráng lệ vào loại nhất của thế kỷ 19. Các công trình khác : viện người mù, trường đại học (1835-40), lâu đài hoàng gia ở Athen (1836-42), lâu đài Wittelsbach ở Munich. Phong cách của ông được giới kiến trúc hưởng ứng mạnh mẽ vào đầu những năm 1840.

GAUDI, ANTONIO Y CORNET (1852-1926) Kiến trúc sư Tây Ban Nha, người tiên phong của phong cách Hiện đại, chịu ảnh hưởng của xu hướng duy lí. Chú trọng tổ chức không gian kiến trúc, chọn vật liệu (gạch, gốm, xi măng), sử dụng kết cấu mái vòm parabôn, gối tựa nghiêng. Đồ án quy hoạch công viên Guell và nhà thờ Colonia Guell (1910) là những tác phẩm nổi tiếng của ông.

GENTZ, HEINRICH (1766-1811) Một trong những KTS tân cổ điển nổi tiếng ở Berlin trong những năm 1880. Được đào tạo ở Berlin, sau qua Italia (1790) , Pháp và Hà Lan rồi trở lại Italia (1795). Ông mau chóng nổi tiếng và trở thành chánh thanh tra xây dựng hoàng gia (1795) và giáo sư Viện Hàn lâm (1796). Công trình chính của ông là la Monnaie de Berlin (1798-1800) đáng chú ý ở hình thức lập thể đơn giản và các cửa sổ khác nhau ở mỗi tầng. Ngoài ra, phải kể tới lâu đài quận công ở Weimar (1801-03) với m lồng thang, hành lang và phòng khách lớn đều trang trí theo tân cổ điển Đức.

GEORGE, SIR ERNEST (1839-1922). KTS và họa sĩ Anh. Theo học tại Viện hàn lâm hoàng gia. Trong kiến trúc, ưa trang trí bằng gạch đỏ, gạch đất nung, hiện còn thấy ở Mount Street, Mayfair. Các công trình tiêu biểu : các cửa hàng ở South Audley Street (từ 1875), nhà ở tại Collingham Gardens và Harrington Gardens, Kensington (1881), nhà hỏa táng Golders Green (1905), Viện Hàn lâm âm nhạc trên đường Marylebone (1910),v.v.

GIBBS JAMES (1682-1754) KTS Anh, theo xu hướng Cổ điển. Công trình tiêu biểu : nhà thờ St. Marie Le Strend (1714-17), St. Marie in the Field ở London, thư viện ở Oxford.

GILBERT, CASS (1859-1934). KTS Mỹ chuyên thiết kế xây dựng công trình công cộng và công trình thương mại. Theo học tại Viện công nghệ Massachussetts (1878-1879). Sau khi qua Châu Âu trở về, ông làm việc cho McKim, Mead và White ở New York và thành tài về mỹ thuật tại hãng này. Công trình lớn đầu tiên của ông là nhà thờ có mái vòm tròn, xây dựng theo mẫu của St. Pierre của Roma. Ông còn tham gia nhiều cuộc thi thiết kế, thực hiện các dự án (1907-13) và xây dựng nhiều công trình khác nữa (đến 1933).

GILBERT, ÉMILE JACQUES (1793-1874). KTS Pháp, chuyên xây dựng bệnh viện và nhà tù. Kết thúc việc học tập với phần thưởng Roma(1822), ông bắt tay vào thiết kế xây dựng nhiều công trình công cộng với ý thức tiết kiệm và tính trách nhiệm cao. Nhà tù Mazas ở Paris (1842-50) có kết cấu đồ sộ, nhà tế bần Charenton (1838-45) với phong cách hiện đại ở thời bấy giờ là những công trình khá tiêu biểu của Gilbert.

GILL, IRVING JOHN (1870-1936). KTS Mỹ, con một nhà thầu khoán ở bang New York. Từ 1898 đến 1906, cùng với W.S. Hebbard thiết kế nhiều nhà gạch và một số nhà lợp tôn ở Rhode Island. Sau này, khi sáng tác một mình, phong cách của ông trở nên đơn giản và rõ ràng hơn; chẳng hạn, những nhà bằng bê tông ở Los Angeles (1907), thể hiện quan điểm hợp lý và kinh tế của Gill. Các công trình khác: Viện hải dương học Scripps (1908-09), khách sạn thiếu nhi, nhà thờ cơ đốc giáo ở San Diego, nhiều trường học, tất cả đều bằng bê tông. Sau này, ông còn có ước mơ xây dựng những công trình bên bờ biển. Ý tưởng này đượ thể hiện trong tiểu luận của ông “ Ngôi nhà của tương lai” xuất bản năm 1916.

GILLY, FRIEDRICH (1772-1800). KTS Đức, người có ảnh hưởng đáng kể đến việc phát triển xu hướng tân cổ điển ở Berlin. Thiết kế nhiều đồ án, nhưng nhiều công trình không được thực hiện. Là con trai KTS David Gilly, ông cùng với cha đến Berlin năm 1788 và vào học Viện Hàn lâm năm 1790. Cuộc du lịch tại Pháp và Anh đã cho ông tìm hiểu cơ bản về xu hướng tân cổ điển của Ledoux và Boullée. Trở về Berlin, ông giảng dạy tại Viện Hàn lâm xây dựng và có ảnh hưởng nhiều đến giới kiến trúc sư trẻ. Ông đã thực hiện một số công trình như biệt thự, khách sạn thành phố, kiến trúc vườn cảnh,v.v. song chỉ khi thiết kế công trình tưởng niệm Frédéric le Grand thì mới so sánh nổi với các kiến trúc sư lớn của Pháp như Boullée. Đồ án thiết kế nhà hát quốc gia ở Berlin (1798-1801) phát triển những ý tưởng của Ledoux về nhà hát: ngoại thất tiếp cận với các hình

thức kỷ hà đơn giản . Đó cũng là một ví dụ về tính chặt chẽ và nghiêm ngặt của các kiến trúc sư theo xu hướng cổ điển lúc bấy giờ.

GINZBUA M.Ya. (1892-1946) KTS Nga, một trong những nhà sáng lập Hội KTS Liên Xô (1925), đã có những đóng góp to lớn vào việc phát triển kiến trúc trên cơ sở kỹ thuật và công nghiệp hiện đại. Tác giả nhiều đồ án thiết kế nhà ở và nhà công cộng xây dựng tại Moxkva. Tác giả đồ án quy hoạch tổng thể bờ nam Krum.

GIÔNTÔVXXKI I.V.(1867-1959) Kiến trúc sư, nhà lí luận kiến trúc nhà hoạt động khoa học và nghệ thuật Công huân của Cộng hòa Liên bang Nga, chú trọng các biện pháp bố cục và môtip của kiến trúc cổ điển thời Phục Hưng. Tác giả của nhiều công trình công cộng : nhà ngân hàng (1927-29), quảng trường thành phố (1950), trường đua ngựa (1951-55) và nhiều nhà ở, biệt thự. Tất cả đều ở Moxkva. Viện sĩ danh dự Viện Hàn Lâm kiến trúc Belarutxia.

GIRAULT, CHARLES (1851-1932). KTS Pháp đầu thế kỷ 20. Trong số các tác phẩm đầu tay quan trọng, phải kể tới mộ của Louis Pasteur ở Paris (1895), liền ngay đó là Viện Pasteur, trang trí bằng những tấm lát cẩm thạch màu và mozaic mang sắc thái byzantin. Girault cũng được thực hiện một số công trình lớn ở vào thời đó: tòa nhà Triển lãm (1900), cổng chào kỷ niệm 50 năm Bruxelles (1905), viện bảo tàng Congo Bỉ ở Teruven (1904-11). Tác phẩm của ông vừa cổ điển- vững chắc theo chiều ngang với những cửa tò vò dài và hàng cột, vừa có tính cách barôc với những vòm thấp và trang trí phong phú. Kết cấu bên trong thường bằng kim loại, đôi khi có sử dụng bê tông.

GIULIO, ROMANO (1492-1546) Kiến trúc sư và họa sĩ Italia. Ông vào nghề với tư cách là người phụ việc cho Raphael, nhưng rồi sau phát triển phong cách Cầu kỳ riêng của mình. Ông sinh tại Roma. Cùng với thầy học hoàn thành những bích họa ở Vatican, khi ông này qua đời năm 1520, Giulio ở lại Roma làm việc với tư cách một kiến trúc sư cho đến năm 1524 thì đi Mantoue. Tại đây ông đã thực hiện những tác phẩm quan trọng nhất trong sự nghiệp của mình : Lâu đài mùa hè của quận công (1526-34) là một mẫu mực về kiến trúc cổ điển nhưng chi tiết thì phóng khoáng và có phong cách lãng mạn. Đặc biệt, trong việc trang trí cho gian lớn” Những người hộ pháp” (1530-32), ông đã thực hiện theo nguyên tắc mềm dịu và lịch sự hơn. Trong những công trình sau này, ông đã thể hiện phóng khoáng hơn với ngôn ngữ cổ điển và sử dụng chất mộc mạc để làm giàu kiến trúc.

GODWIN, EDWARD WILLIAM (1833-1886). KTS và họa sĩ trang trí Anh. Theo học tại nhà William Armstrong (1854). Thiết kế một số trạm thuế quan theo phong cách gotich victoria, hai khách sạn thành phố (cuối những năm 1860) và một số nhà ở khác. Năm 1862, bắt đầu quan tâm đến trang trí kiểu Nhật và năm 1865 trở về London. Chính ở đây, ông đã thiết kế nhiều ngôi nhà nhỏ khá đẹp, mà White House ở Tite Street là một ví dụ. Sau này, ông còn bị lôi cuốn vào trang phục và trang trí cho nhà hát; rồi chính Gordon Craig, con ông lại theo đuổi nghề này vào hồi đầu thế kỷ 20.

GOFF, BRUCE ALONZO (1904-?) KTS Mỹ. Những tác phẩm tiêu biểu là tòa nhà Bavinger gần Norman (1950-55), Price Studio, Bartlesville (1956-76). Những tác phẩm đầu tay của ông tại Tulsa, Oklahoma là để tưởng nhớ người thầy Frank Lloyd Wright, song tác phẩm đáng chú ý nhất lại là nhà thờ Methodist ở đại lộ Boston (1926-29). Khi thì phối hợp, khi thì mở riêng công ty, từ năm 1934 đến 1945, ông đã thực hiện nhiều loại công trình khác nhau. Năm 1947 ông trở về Oklahoma để giảng dạy tại đại học quốc gia Norman và trở thành hiệu trưởng trường kiến trúc. Năm 1955, từ chức và sau

đó về Kansas City (1964), rồi Tyler, Texas (1970). Có năm, ông đã có đến 400 đơn đặt xây dựng, nhưng chỉ hoàn thành được 130 công trình (1976).

GÔLÔXOV I.A. (1883-1945) KTS Nga. Xây dựng nhà ở và nhà công cộng theo xu hướng kết cấu, nhấn mạnh giải pháp động và các giải pháp không gian lớn (tòa nhà triển lãm công nông nghiệp toàn Nga năm 1923, tòa nhà Viễn Đông), một số nhà ở và câu lạc bộ tại Moxkva.

GÔLÔXOV P.A. (1882-1945) Kiến trúc sư Nga. Tham gia thiết kế sơ đồ quy hoạch “Moxkva mới” (1918-23), tòa báo Sự thật ở Moxkva, tác giả thiết kế quy hoạch Zenograd ở quận Rostov. Chú trọng nghiên cứu các vấn đề về thành phố vườn.

GOODHUE, BERTRAM GROSVENOR (1869-1924). KTS Mỹ, theo xu hướng chiết trung. Hành nghề 15 năm ở New York, năm 1889, là chủ công ty Cram & Renwick. Công trình tiêu biểu: các nhà thờ New Haven (1906), La Havana (1905, theo kiến trúc Tân phục hưng Tây Ban Nha), St. Thomas ở New York (1906). Goodhue hoạt động nhiều cho phong trào Nghệ thuật và Tiểu thủ công. Được đề bạt làm kiến trúc sư trưởng Triển lãm Panama-Pacific ở San Diego, California (1915). Phong cách sáng tác của ông có ảnh hưởng nhiều đến tương lai kiến trúc khu vực bờ đông. Các tác phẩm cuối cùng: nhà nghị viện ở Nebraska và thư viện công cộng ở Los Angeles (1924), đều là những công trình đơn giản pha một chút chiết trung.

GRADOV Yu.M (1934-?) KTS Nga, một trong các tác giả của những công trình trên đường Mogilevski, tiểu khu nhà ở, tổng thể khu tưởng niệm Khatin (1968-69).

GREENE, CHARLES SUMNER (1868-1957) và HENRY MATHER (1870-1954) Hai anh em người Mỹ nổi tiếng vì những ngôi nhà sang trọng và có chất lượng tốt của họ ở California có nguồn gốc từ “phong cách Bảo thủ”. Sinh tại Cincinnati, là con nhà bác sĩ và sống tại một trang trại ở Virginia trong suốt thời niên thiếu. Cả hai đều theo học trường Cao đẳng nghệ thuật công và tốt nghiệp khóa học mỹ thuật đào tạo chuyên về kiến trúc năm 1891. Các công trình tiêu biểu: nhà Culbertson (1902), nhà Bandini (1903), nhà Gamble (1908), nhà kiểu California ở Carmel (1914). Họ về hưu vào những năm 1930.

GRIFFIN, WALTER BURLEY (1876-1937). KTS Mỹ, nổi tiếng về mặt bằng quy hoạch thành phố Canberra, thủ đô Liên bang Australia. Theo học trường kiến trúc ở Illinois, tốt nghiệp năm 1899. Hành nghề thiết kế ở công ty của F.L.Wright ở Oak Park (1902), rồi ra làm riêng (1906). Đã xây dựng nhiều nhà ở ngoại thành Chicago (1912): nhà của Carter (1910), Comstock (1912). Đặc biệt, công trình Prairie School tuy có ảnh hưởng phong cách của Wright, song là tác phẩm tự tác. Năm 1912, Griffin đoạt giải trong cuộc thi quy hoạch thủ đô mới của Australia và được giao làm giám đốc dự án xây dựng Canberra. Sau này, Griffin định cư tại Melbourne, song mối quan hệ với khách hàng không được tốt, nên dời đến Sidney (1921) và thiết kế một số công trình như: nhà ở, thư viện, tòa báo, v.v.

GRIGORIAN M.V. (1900-1978) Kiến trúc sư công huân Acmênia. Thiết kế xây dựng các công trình tưởng niệm. Tham gia thiết kế trụ sở Đảng, quảng trường Lenin ở Erêvan, trụ sở Bộ bưu điện và Liên đoàn Lao động.

GRIGORIEV A.G. (1782-1868) Kiến trúc sư Nga. Tham gia khôi phục Moxkva sau vụ hỏa hoạn năm 1812. Tác phẩm chính: bảo tàng Puskin, bảo tàng Tôlxtôi, nhà an dưỡng v.v. Chú trọng các công trình có yêu cầu mỹ thuật cao.

GRIGOROVITS BAKHI (1713-1785). Kiến trúc sư Ukraina, theo xu hướng Barôc, ưa sử dụng các chi tiết của Sơ Cổ điển Nga. Tác phẩm chính: nhà thờ Pocrovski (1766), Nicolai (1772-85), nhiều khách sạn và cửa hàng ở Kiev.

GROPIUS, WALTER (1883-1969). KTS và nhà lý luận kiến trúc Đức. Một trong những người sáng lập xu hướng Công năng nhằm thể hiện kết cấu và ý nghĩa công năng ra ngoài diện. Tác phẩm tiêu biểu: nhà máy Fagus ở Alfred (1911), nhà triển lãm ở Cologne(1914), nhà Pan Nam ở New York (1960). Chú trọng tạo khả năng thiết kế kiểu dáng công nghiệp gắn liền với kiến trúc, ông đã trở thành một bậc thầy trong mỹ thuật công nghiệp. Người lãnh đạo Bauhaus từ năm 1919 và là một nhà thực nghiệm, một nhà giáo lớn.

GROSCH, CHRISTIAN HEINRICH (1801-1865). KTS Đan Mạch. Hành nghề ở Christiania (nay là Oslo). Thiết kế các công trình công cộng: nhà ngân hàng, sở giao dịch và một số trụ sở khác (1928-40) theo phong cách Roman.

GUARINI, GUARINO (1624-1683) Kiến trúc sư Italia, theo xu hướng Mãn Barôc. Trong công trình luôn kết hợp Barôc Italia với bố cục không gian nghiêm ngặt, có tính toán chính xác. Công trình tiêu biểu : Trung tâm Xanh Lôren (1668-87) và lâu đài Carimiano khởi công năm 1679 ở Turin.

GUEGUENLO A.I. (1891-1965) Kiến trúc sư Liên Xô. Chuyên nghiên cứu thiết kế các nhà công cộng hiện đại. Đặc biệt công phu trong việc thể hiện nội thất. Công trình tiêu biểu : Cung văn hóa Gorki, rạp chiếu phim Gigant.

GUENFREY V.G.(1885-1967) Kiến trúc sư Liên xô. Hoạt động đa dạng về kiến trúc xây dựng : trùng tu Điện Xmôlnui ở Leningrat, thiết kế xây dựng nhà bloc, cầu đá lớn, nhà hát kịch, khu triển lãm Matxcova, ga mét-rô “ Novokunetxkaya Mira”, quần thể công trình trên quần trường Xmôlenxk.

GUIMARD, HECTOR (1876-1942) Kiến trúc sư và họa sĩ Pháp theo xu hướng Nghệ thuật Mới. Từ năm 1898-1913 bắt đầu thể hiện những sáng tác với ngôn ngữ riêng của mình, tiêu biểu là công trình Chalet Blanc de Seaux và các ga xe điện ngầm ở Paris. Sau năm 1900 thiết kế một số nhà ở tại phố Mozart (1909), nhà thờ Do Thái ở phố Pavée(1913). Năm 1938, cùng với Jourdain, Sauvage, Roux-Splitz, v.v. thành lập nhóm “kiến trúc sư Hiện đại”.

GUINZBUA M.YA. (1892-1946) Kiến trúc sư Liên Xô, một trong những nhà sáng lập Hội Kiến trúc sư Liên Xô (1925) đã có nhiều đóng góp to lớn vào phát triển kiến trúc trên cơ sở kỹ thuật và công nghiệp hiện đại. Tác giả nhiều nhà ở và nhà công cộng được xây dựng tại Moxkva. Về quy hoạch, có đồ án quy hoạch tổng thể bờ nam Krum.



HABERLAND C. (1750-1803) Kiến trúc sư Latvia, theo xu hướng Cổ điển. Công trình tiêu biểu : quảng trường Tứ giác và quần thể nhà thờ Peter (1780-86), tòa nhà Gollender ở Riga.

HAMILTON, THOMAS (1784-1858). KTS nổi tiếng của Hy Lạp , theo xu hướng tân cổ điển. Thực hiện xây dựng trường Cao đẳng Edinbrough (1825) trên sườn dốc của đồi Calton. Kiến trúc này hài hòa với cảnh quan, vừa trang nghiêm, vừa đẹp đẽ , chứng tỏ tác giả nắm vững những nguyên tắc bố cục của Acropole ở Athènes, nơi ông chưa hề lui tới. Nhà tưởng niệm Burns ở Ayr (1820) cũng là một công trình tương tự như ở trên đồi Calton (1830) và Phòng họp của các nhà vật lý của thành phố này (1843-46) là những kiến trúc tiêu biểu.

HANSEN, CHRISTIAN FREDERICK (1756-1845). KTS Đan Mạch có nhiều tác phẩm tiêu biểu nhất cho xu hướng tân cổ điển châu Âu. Theo học ở Viện hàn lâm năm 1780 rồi du lịch thực tập tại Italia (1782-84). Từ năm 1784, ông là thanh tra xây dựng nhiều công trình dân dụng và tôn giáo, ở đô thị cũng như nhà nông thôn với tư cách là kiến trúc sư của quận Holssein (1784-1804). Năm 1804, là giáo sư Viện hàn lâm và chánh thanh tra xây dựng ở Copenhagen. Chính tại thủ đô, ông đã để lại khách sạn thành phố và trụ sở tòa án (1803-15); cả hai kiến trúc đều theo mẫu mực truyền thống của tân cổ điển. Ông còn xây dựng nhà nghị viện Viên (1873-83) theo phong cách Hy Lạp, trang trí theo tân cổ điển Hy Lạp.

HANSOM, JOSEPH ALOYSIUS (1803-1882). KTS Anh , chuyên phục vụ khách hàng theo cơ đốc giáo. Ông sáng tạo kiểu xe ngựa mang tên mình và xuất bản tạp chí Người Xây dựng (1842). Năm 1830, ông thắng thầu xây dựng khách sạn thành phố Birmingham, cùng với một đền La Mã do Hansom thiết kế phỏng theo đền Madeleine ở Paris. Dự án này vô cùng tốn kém, xe ngựa cũng như tạp chí của ông cũng không bù đắp nổi; bởi vậy ông chỉ xây dựng các công trình tôn giáo, kết hợp với người anh là Charles và hai con của ông anh. Công trình kỳ cục nhất là giáo đường ở Belvoir Street, Leicester có mặt chính cong queo.

HARDOUIN MANSART (1646-1708) Cháu của François Mansart. Từ hai mươi tuổi đã hành nghề kiến trúc, làm việc cho những gia đình quý tộc. Công trình đầu tiên là khách sạn Conti nhỏ bé tại Paris, khách sạn Noailles ở Saint- Germain và khách sạn Lorge ở Paris. Năm 1674 xây dựng nhà cho thợ săn của Hoàng gia trong rừng ở Saint-Germain, cạnh lâu đài Clagny gần Versailles. Được phong Kiến trúc sư hạng nhất năm 1683 và giữ chức tổng quản, chuyên quản lý những công trình lớn (từ năm 1699). Đã quản lý : điện Versailles (1670), Marly (1679), Triaton (1687), nhà thờ cho các Phế binh (1679), quảng trường Chiến thắng (1685) và Vendôme (1698).

HARDWICH, PHILIP (1792-1870) Kiến trúc sư Anh, sau khi tốt nghiệp, làm việc tại công ty của cha và ở Viện Hàn lâm Hoàng gia. Qua Pháp, Italia và sau lập công ty riêng tại London năm 1819. Là kiến trúc sư và là người giám sát các công trình y tế như các bệnh viện Bridewell & Bethlehem, St. Bartolomew, St. Katherine's Docks, Golsmith's

Co. Là tác giả của nhà ga chính của London và Birmingham Railway, công và công trình phụ trợ của ga Euston (1936-1939). Là thành viên của đại gia đình kiến trúc sư ở London :con của kiến trúc sư Thomas Harwick (1752-1829) và cha của kiến trúc sư Philip Charles Hardwich (1822-1892).

HÄRING, HUGO (1882-1958). KTS và nhà văn Anh. Những ý tưởng của ông về xu hướng hữu cơ có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc đương thời. Ông xây dựng ít và bắt đầu hành nghề ở Berlin năm 1912. Đến năm 1925, ông trở thành thư ký của nhóm KTS Berlin *Der Ring*, được thành lập để chống lại phương pháp phản động và phân cấp của các kiến trúc sư nhà nước. Bộ phận hạt nhân của nhóm này có : Bartning, Mies van der Rohe, Behrens, Gropius, Hilbersheimer, Mendelsohn, Poelzig, Scharoun và anh em nhà Taut. Nhóm này bị Đức quốc xã giải tán năm 1933. Haring ở lại Đức còn hầu hết chạy ra nước ngoài. Ông quản lý một trường nghệ thuật tư thục và rôi rút về tỉnh nhà, Bilberach. Công trình tiêu biểu: nhóm trại ở Garkau (1923), trong những công trình này, ông thể hiện các ý tưởng mình hằng tranh đấu và những gì cống hiến cho lịch sử kiến trúc hiện đại.

HARLEMAN, BARON CARL (1700-1753) KTS Thụy Điển, hoạt động ở nửa cuối thế kỷ 18. Cùng với Adelcrantz, ông thực hiện xây dựng lâu đài hoàng gia ở Stockholm. Chính ở đây ông đã xây dựng nhà thờ nhỏ do Tessin thiết kế và tổng giám mục hoàn thành nội thất công trình. Ông cũng thiết kế một khu kho đồ sộ cho Công ty Tây Ấn trên bến tàu Gothenburg (nay là bảo tàng). Harleman đã sáng tạo mẫu nhà nông thôn thời đó: hình khối đơn giản, nhà có hai mức sàn, có thể có gian bên hay không, với những dải đá chạy ngang có đường xoi thay thế cho các hàng cột lẩn, mái có hai phần theo kiểu dân gian Thụy Điển. Harleman cũng nhận thực hiện xây dựng các lâu đài: tại Svartsjo, ông đã thay lâu đài thế kỷ 16 (của Wilhem Boy) bằng một lâu đài thế kỷ 18 (1735, Frederik I). Ông tham gia sáng tác (1735) lâu đài Thụy Điển cùng với Taraval và Bouchardon, các KTS Pháp. Về sau, nơi này trở thành Viện hàn lâm nghệ thuật hoàng gia.

HARRISON, PETER (1716-1775). KTS nghiệp dư người Anh, còn lưu lại nhiều công trình trên đảo Rhode và ở Massachusetts, chứng tỏ một kỹ thuật bậc thầy và một hiện tượng lạ của kiến trúc Mỹ thời đó. Ông có cả một thư viện riêng về kiến trúc, thu thập được trong những năm đi du lịch, khi còn là thương gia và thuyền trưởng. Ông phóng tác theo Palladio để thực hiện Redwood Library ở Newport (1847-50), theo Gibbs cho nhà thờ King ở Boston (1749-54) và Touro Synagogue ở Newport (1759-63). Ông còn thiết kế và xây dựng nhiều công trình khác nữa, kể cả những thành lũy của thành phố Newport. Thư viện và những bản vẽ của ông bị tiêu hủy trong một cuộc bạo loạn ở Newman Haven; khi đó ông là nhân viên thuế quan.

HARRISON, WALLACE KIRKMAN (1895-?) Kiến trúc sư Mỹ. Đồng tác giả trung tâm Rockefeller (1924), tác giả công trình Hội trợ Quốc tế ở New York (1947-53), Trung tâm Lincoln (1962-68), tòa nhà Liên Hợp Quốc tại Mỹ (1947-53), Corning Glass (1959), nhà thờ Stamford (1959), tòa nhà Time-Life (1960), v.v.

HASE, CONRAD WILHEM (1818-1902). KTS Đức theo xu hướng tân gôthic. Công trình tiêu biểu: Kunstverein, Hase (1852), Marienburgh, Hanovre (1857-67), Christuskirche (1859). Công trình sau này là một nhà thờ mang phong cách bản xứ, vốn phổ biến ở vùng này cho đến khi có xu hướng biểu hiện với kiến trúc bằng gạch ở đầu thế kỷ 20.

HAUSMANN, GEORGES EUGÈNE (1809-1891) Quy hoạch gia và nhà quản lý đô thị nổi tiếng ở Paris dưới thời Napoléon III từ 1853-1870 với ba sở :nước và cống rãnh, công

viên và cây xanh, quy hoạch; có nhiều đóng góp cho việc hoàn thiện mặt bằng thủ đô Paris.

HAVILAND, JOHN (1792-1852). KTS Mỹ theo xu hướng Tân Hy Lạp. Ông sinh ở Anh và hành nghề tại cơ sở của James-Elmes, kiến trúc sư London. Năm 1816, sang Mỹ, lập trường vẽ kiến trúc cùng với Hugh Birdport. Năm 1818, xuất bản một tác phẩm gồm 3 tập: *Trợ giúp người xây dựng*. Tại Mỹ, ông có nhiều khách hàng và thực hiện nhiều công trình với đủ loại và đủ phong cách: hy Lạp, cổ điển, ai cập, gôtich, v.v. Tại Philadelphie, ông xây dựng nhiều nhà cho tư nhân.

HAWKSMOOR, NICHOLAS (1661-1736) Kiến trúc sư nổi tiếng của Anh theo xu hướng Barôc. Bắt đầu hành nghề kiến trúc năm 1679. Công trình tiêu biểu: King's Gallery, Writing School, Christ's Hospital, Queen House.

HENNEBIQUE, FRANÇOIS (1842-1921). Kỹ sư Pháp, có vai trò tiên phong trong việc sử dụng và phổ biến bê tông. Xuất thân là thợ nề, năm 1867, lập một xưởng sản xuất bê tông; trong 12 năm đã thu thập được nhiều kinh nghiệm. Năm 1879, đúc các tấm lát có cốt thép. Năm 1888 ông phát hiện vai trò đặc biệt của bê tông (nén) và thép (kéo). Năm 1892 được nhận bằng sáng tạo dầm bê tông. Những tiên đề này hữu ích cho việc xây dựng cầu (Vigggen, Thụy sĩ, 1894), silô (Roubaix, 1895) và mái có cửa trời (Saint Ouen, 1895) và nhất là các nhà công nghiệp, với phương châm “không để hỏa hoạn tàn phá”. Năm 1898, ông đóng cửa xí nghiệp và trở thành kỹ sư cố vấn, chuyên gia duy nhất của Pháp tư vấn kỹ thuật cho nhiều nước. Ông nghiên cứu kết cấu tòa nhà ở đầu tiên ở Paris bằng bê tông cốt thép, tại phố Dalton (thiết kế: KTS Arnauld). Tác phẩm nổi tiếng của ông là tòa nhà ở Bourg-la-Reine (1904).

HENSELMANN G. (1905-?) Kiến trúc sư Đức. Tác phẩm chính: nhà giáo học ở Berlin (1961-64), đại lộ Cac Mac ở Berlin (1952-56). Giám đốc trường Cao đẳng kiến trúc và tạo hình Vaima từ năm 1945.

HILDEBRANT, JEAN LUCA VON (1668-1745) Kiến trúc sư Áo, một trong những đại diện của xu hướng Barôc Áo. Xây dựng các lâu đài Đaokinxki (1713-16), Benbede Hạ (1714-16) và Benbede Thượng (1721-1722) tại Viên. Chú trọng nhịp điệu kiến trúc và tỉ lệ kiến trúc mặt chính và đối xứng nghiêm ngặt.

HITTORF, JACQUES IGNACE (1792-1867). Nhà kiến trúc Pháp theo xu hướng tân cổ điển, gần chiết trung. Ông cùng học kiến trúc với F.J. Bélanger sau năm 1811. Năm 1818, kế nghiệp Bélanger và vẽ trang trí cho công trình thời kỳ Trùng Hưng. Từ năm 1822-24, làm việc ở Italia cùng với một nhóm kiến trúc sư và nhà khảo cổ, ông đã nghiên cứu khảo sát việc trang trí các đền đài cổ điển. Trang trí nội thất nhà thờ Saint-Vincent-de-Paul ở Paris theo phong cách tân cổ điển (1833-44), sau đó tham khảo những nguồn trung cổ và phục hưng. Tại Paris, ông đã thực hiện nhiều tác phẩm khác biệt, trong đó có việc trang trí cho quảng trường Concorde (bắt đầu năm 1832). Những công trình hiện đại và va thế tục nhất đáng chú ý là: nhà hát Ambigu (1828), rạp xiếc Napoléon sau gọi là rạp xiếc Mùa đông (1852).

HLÔMAUKAX E. YU. (1927- ?) Kiến trúc sư Litva. Chú trọng tìm kiếm hình thức kiến trúc mới và sử dụng vật liệu hiện đại. Công trình tiêu biểu: trụ sở Viện thiết kế quy hoạch, bệnh viện đa khoa (1967), cung thể thao (1971), v.v. ở Vinius.

HOÀNG NHƯ TIẾP (1910-1982) Kiến trúc sư Việt Nam. Tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khóa III (1927-32). Mở văn phòng thiết kế tư tại 58 Tràng Thi Hà Nội cùng với Kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện, Nguyễn Gia Đức (1936-39). Thiết kế ngôi nhà của Tử tước Didelot tại đường Thụy Khê Hà Nội, sửa chữa rạp chiếu phim Eden ở

phố Tràng Tiền (1940). Tác giả của nhiều cửa hàng và nhà ở tại các phố Phan Đình Phùng, Phạm Đình Hồ, Thuyền Quang, Yết Kiêu (trước năm 1945). Thiết kế và chỉ đạo xây dựng cụm công trình Đại hội Đảng lần II tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang (1952), cải tạo nhà Godah trở thành cửa hàng Bách hóa Tổng hợp Hà Nội (1957). Thiết kế bảo tàng Kim Liên, Nam Đàn Nghệ An, thiết kế và hoàn thiện bảo tàng Việt Bắc ở Thái Nguyên (1962-63). Ông còn là một trong những người đặt cơ sở đầu tiên cho quy hoạch một số thành phố lớn ở Việt Nam (Vinh, Hải Phòng, Hà Nội) cũng như quy hoạch nông thôn vùng Tam Thiên Mầu, Hải Hưng. Tổng thư kí Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam (1950-56), Viện trưởng Viện thiết kế Quy hoạch Đô thị Nông thôn (sau năm 1954). Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.

HOFFMANN, JOSEF (1870-1956) Kiến trúc sư Áo, theo phong cách Hiện đại. Một trong những người sáng lập Phân hội Viên (1897), Xưởng nghệ thuật Viên (1903), v.v. Chú trọng tìm kiếm giải pháp đơn giản hợp lí, hình thức rõ rệt, đặt nền tảng cho xu hướng kiến trúc Công năng. Công trình tiêu biểu: nhà an dưỡng Purkerdorf (1903-1904), Cung Stokle ở Bruxelles (1905-1911), nhà triển lãm Berkbundt (1914).

HOLDEN, CHARLES (1875-1960). KTS Anh. Ông làm việc tại hãng London Passenger Transport và có quan tâm ít nhiều đến kiến trúc truyền thống và kiến trúc hiện đại. Năm 1898 là trợ lý của C.R.Ashbee, kiến trúc sư và nhà thiết kế mỹ thuật. Đã thực hiện nhiều tác phẩm cùng với Frank Pick và đã thiết kế hơn 30 ga metro và trụ sở cho công ty ở Wesminster. Công trình sau này khá kỳ lạ: các mặt nhà quay ra phố đều có những “giếng” ánh sáng, chính ở giữa là một tháp mọc trên ga xe điện ngầm. Những ga khác đều ở ngoài London, xây dựng bằng gạch và bê tông. Nổi tiếng có các ga Arnos Grove (1932), Sudbury Town và Park Royal. Ông còn dự kiến xây dựng trường đại học London với những nhà tháp đồ sộ bằng đá ở Portland.

HOLL, ELLAS (1573-1646). KTS nổi tiếng nhất theo xu hướng Phục Hưng của Đức. Công trình công cộng đầu tiên của ông là Arsenal (1602-07), thực hiện có sửa đổi chút ít theo thiết kế và các bản vẽ của kiến trúc sư – họa sĩ Josef Heintz. Phong cách của Holl xuất hiện cùng với mặt bằng chức năng và sự giản đơn của trường Sainte-Anne (1613-15). Tác phẩm chính của ông là khách sạn thành phố bắt đầu nghiên cứu thiết kế từ năm 1609. Mãi đến năm 1615 mới thực thi phương án thứ hai: mặt bằng chữ thập hy lạp với các cánh không đều, trong đó cánh dài bố trí các phòng máy, cánh ngắn là buồng thang, tháp ở giữa vươn lên là các phòng ở. Ông xây dựng nhiều, mà công trình cuối cùng là bệnh viện ở Saint-Esprit (1626-30), gồm các vòm nhọn cao trong các khung kiểu Phục Hưng.

HORTA, VICTOR (1861-1947). KTS Bỉ, theo xu hướng Nghệ thuật mới, chỉ trong 10 năm đã chú trọng phong cách kiến trúc mới và từ bỏ mẫu mực bố cục kiến trúc của thế kỷ 19. Trong một loạt những nhà ở tư nhân và những cửa hàng, ông đã phát triển những nguyên tắc về kết cấu kim loại lộ rõ ra ngoài của Viollet-le-Duc, phát triển những khả năng của mặt bằng tự do và thực hiện trang trí nội thất và đồ đạc hài hòa với phong cách xây dựng. Trong hoàn cảnh có nhiều thay đổi và phức tạp của các xu hướng kiến trúc mới ở những năm cuối của thế kỷ 19, Victor Horta thể hiện thành thực Nghệ thuật mới trong tòa nhà đầu tiên của mình. Năm 17 tuổi, đến Paris làm công việc trang trí, năm 1881, vào học tại Trường Mỹ thuật Bruxelles, 3 năm sau làm việc tại cơ sở của Alphonse Balat (1818-95). Tại đây, Horta có dịp làm quen với vật liệu sắt và kính khi chuẩn bị xây dựng lâu đài hoàng gia Laeken. Qua Triển lãm năm 1889 ở Paris, Horta đã học được nhiều từ những tác phẩm bằng kim loại, kể cả tháp Eiffel. Sau này, Horta tiếp tục thực hiện những kết cấu kim loại lộ rõ ra ngoài cho đến năm 1898, khi làm ngôi nhà cho

mình tại số nhà 23-25 phố Mỹ Quốc. Tuy nhiên, phải kể tới công trình đồ sộ thực hiện theo phong cách này, đó là cửa hàng Innovation (1901), La maison du peuple (bị hỏa hoạn năm 1964). Gần cuối đời, phải kể những công trình: lâu đài Mỹ thuật (1919-28), nhà ga trung tâm (1937).

HOWARD E. (1850-1928) Quy hoạch gia và nhà xã hội học Anh. Đề xuất ý tưởng “Thành phố vườn” và là người sáng tạo những thành phố vườn đầu tiên ở Anh: Lesortia (1902-1903), Welin Garden City (1920). Sáng lập viên Hội Thành phố vườn.

HOWE, GEORGE (1886-1955). Nhà thiết kế Mỹ. Là người vẽ những ngôi nhà cao tầng theo phong cách quốc tế đầu tiên ở Mỹ. Sinh tại Worcester, thường lui tới Havard và trường Mỹ thuật Paris, tốt nghiệp năm 1912. Năm 1920, hành nghề tại hãng Melor, Meigs và Howe ở Philadelphie. Xây dựng một số nhà ở nông thôn theo phong cách khác với xây dựng truyền thống của Philadelphie: High Hollow, nhà riêng (1914-16), Newbold Farm (1922-28). Năm 1929 phối hợp với kiến trúc sư Thụy sĩ là William Lescaze cùng thiết kế một trong những ngôi nhà chọc trời là Philadelphia Savings Fund Society (hoàn thành 1932). Sau này Howe cộng tác chặt chẽ với Louis Kahn và Oskar , rồi với Norman Bel Geddes. Năm 1942 được cử làm kiến trúc sư trưởng. Năm 1950-55 phụ trách nhóm kiến trúc tại Yale.

HUNT, RICHARD MORRIS (1827-1895). KTS Mỹ, là sinh viên Mỹ đầu tiên tại trường Mỹ thuật Paris. Thành công trong việc du nhập phong cách Pháp vào Mỹ. Đã theo học tại Boston và sau vào trường quân sự Thụy sĩ ở Genève, sau vào làm tại một hãng kiến trúc ở đây. Năm 1854 được cử làm thanh tra khu vực Louvre và Tuileries. Trở về Mỹ 1855 và làm việc cho T.U. Walter, chịu trách nhiệm mở rộng nhà Nghị viện Mỹ. Năm 1858, mở hãng riêng tại New York phỏng theo tổ chức của Paris. Một số công trình tiêu biểu : nhà nông thôn ở Newport, Rhode Island (1892-95) theo phong cách Phục hưng, Ochre Court ,Biltmore (1885-89), theo phong cách François I. Tại New York, ông xây dựng nhiều nhà cho khách hàng trên đại lộ số 5 với các thử nghiệm về phong cách Pháp thế kỷ 16. Cuối cùng, phải kể các công trình công cộng: nhà điều hành Hội chợ Quốc tế ở Chicago (1893), Viện bảo tàng nghệ thuật Metropolitan và bệ tượng Thân Tự do của Bartholdi.

HUỲNH TẤN PHÁT (1913-1989) Kiến trúc sư Việt Nam. Tốt nghiệp ngành kiến trúc, trường Cao Đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1938). Từ 1938-40: tập sự tại văn phòng kiến trúc sư Pháp Chouchon, 1940-43: mở văn phòng Kiến trúc sư tại đường Mayer (nay là Võ Thị Sáu) tại Sài Gòn. Năm 1941 đoạt giải nhất thiết kế và xây dựng khu trung tâm triển lãm Hội chợ Đông Dương tại Vườn Ông Thượng (vườn hoa Tao Đàn ngày nay). Trong thời gian 1941-43: thiết kế các biệt thự 151 Nguyễn Đình Chiểu, 6 Nguyễn Huy Lượng ở Sài Gòn, số 10 Lê Hồng Phong tại Hà Nội. Xây dựng kỳ đài (1945) tại Ngã tư Lê Lợi-Nguyễn Huệ Sài Gòn, thư viện Sài Gòn (cùng với Kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiệu). Trong hai cuộc kháng chiến, đã thiết kế và xây dựng nhiều công trình trong vùng chiến khu và căn cứ. Chỉ đạo và tham gia nghiên cứu sáng tác nhiều công trình tại Hà Nội : Cung thiếu nhi, Bảo tàng Hồ Chí Minh, nhà ga sân bay Quốc tế Nội Bài, trưởng ban kiêm chủ nhiệm đồ án quy hoạch chung Hà Nội. Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (từ 6.1969), phó thủ tướng Chính phủ (1976-81) kiêm chủ nhiệm Ủy Ban Xây dựng cơ bản Nhà nước (từ năm 1979). Huân chương Hồ Chí Minh.



IL CRONACA (1457-1508). Người duy trì truyền thống của Brunelleschi ở Florence vào cuối thế kỷ 15, sau trở thành người cộng tác chặt chẽ với Giuliano Sangallo. Tác phẩm tiêu biểu: nhà thờ S. Salvatore (1480-1504).

ILIN L.A. (1880-1942) Kiến trúc sư Nga, tác giả tổng sơ đồ Leningrat (1932-36), quy hoạch công viên Nagornui (1939), nhiều công trình khác tại Matxcova và Bacu.

IMHOTEP (năm 28 tCn) Kiến trúc sư Ai Cập, tác giả của pyramid giạt cấp và đền Giôxê ở Xacara.

INWOOD, HENRY WILLIAM (1794-1843). Cùng với người cha, chịu trách nhiệm xây dựng một trong những đài tưởng niệm đồ sộ nhất theo phong cách Tân hy Lạp tại Anh, nhà thờ St Pancras ở London (1819-22). Sau khi đi du lịch Hy Lạp về, ông xuất bản những nghiên cứu của mình về kiến trúc Hy Lạp. Ông còn là một nhà khảo cổ học.

IOFAN B.M. (1891-1976) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng kết cấu. Hoạt động thiết kế và xây dựng nhiều loại công trình công cộng : Tổng thể công trình Xirafimovich (gồm nhà hát, rạp chiếu phim, câu lạc bộ, nhà trẻ) (1928-31), trung tâm thể thao, viện an dưỡng, cung Xô viết, đều ở Moxkva; tòa nhà Triển lãm quốc tế của Liên Xô tại Paris.

IXACÔVITS G.G. (1931-?) Kiến trúc sư Nga. Thiết kế xây dựng một số khu nhà ở tại các thành phố Balasikha, Vôkrêxencơ, Zeczinxơ (1956-59), trung tâm quảng trường Tula (1970). Là một trong những tác giả của đài tưởng niệm Lenin ở Ulianôvxơ (1970). Đặc biệt, ông là một trong những kiến trúc sư tham gia thiết kế tổng thể Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (1970) xây dựng tại thủ đô Hà Nội, Việt Nam.

IXRĂÊLYAN R.X. (1908-?) Kiến trúc sư Nga. Thiết kế tổng thể công trình tưởng niệm Xardarapat (1918); chú trọng kết hợp kết cấu hiện đại với chi tiết truyền thống. Kiến trúc sư Nhân dân Liên Xô (1970).

J

JACKSON, SIR THOMAS GRAHAM (1835-1924). KTS Anh. Tác phẩm của ông pha trộn nhiều phong cách Phục Hưng khác nhau, đôi khi người ta gọi là phong cách "Jackson Anh". Học ở Oxford rồi làm việc cho hãng Gilbert Scott (1858), sau mở hãng riêng (1862). Công trình tiêu biểu: Trường thực nghiệm ở Oxford (1876), các nhà ở tại Hertfort, Trinity, trường Brasenose, thư viện khoa học ở Radcliffe, phòng thí nghiệm điện, một số nhà thờ, v.v.

JACOBSEN, ARNE (1902-1971) Kiến trúc sư Đan Mạch, học trò của Kay Fisker Viện Hàn lâm Hoàng gia Đan Mạch, cùng với Flemming Lassen thiết kế "Ngôi nhà Tương lai" cho triển lãm Copenhagen năm 1929, rất được chú ý. Những công trình tiêu biểu: khách sạn thành phố Aarhus (cùng với Erik Moller, 1938) và Sollerod (cùng với Lassen, 1940). Sau thế chiến II, từ Thụy Điển trở về và thiết kế nhiều nhà ở, sử dụng vật liệu truyền thống. Ông cũng thiết kế công trình công nghiệp: nhà máy Carl Christensen ở Aalborg (1956), nhà máy sản xuất sôcôla ở Ballerup (1961). Những công trình khác: Ngân hàng Quốc gia (1965-72), ga hàng không và khách sạn 22 tầng (1959).

JARDIN, NICOLAS-HENRI (1720-99). Người Pháp, giám đốc Viện hàn lâm hoàng gia Đan Mạch giữa thế kỷ 18. Jardin là một trong các kiến trúc sư có phương án thiết kế nhà thờ Marbre ở Copenhagen. Những ý tưởng về kiến trúc Pháp của ông có ảnh hưởng đến công trình ở Đan Mạch. Lâu đài Bernadorff thiết kế năm 1760 mở ra một kỷ nguyên tân cổ điển. Cũng trong thời kỳ này, ông đã chuyển sang phong cách năm 1580 của Louis 16.

JEFFERSON, THOMAS (1743-1826) Tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ và kiến trúc sư; người có công đưa xu hướng Tân cổ điển vào trong nước. Sinh tại Virginie, con một đại điền chủ. Cũng như những nhà khá giả khác trong thời đó, ông được học những cơ sở của kiến trúc và rất ham hiểu biết về lĩnh vực này. Ông đi Châu Âu để tham quan các công trình nổi tiếng. Nhà Vương ở Nimes hấp dẫn ông và đó là kiểu mẫu cho Capitole ở Virginie sau này, do Clérisseau thực hiện. Công trình này sử dụng cột thức ionic (1784-89), là tòa nhà công cộng đầu tiên của Mỹ có kiểu dáng đền đài cổ. Những bức vẽ về nhà truyền thống ở nông thôn giúp ông rất nhiều. Nói chung là nhà bằng gạch đỏ, vừa đơn giản nhưng cũng hoành tráng nếu trang trí theo kiểu Adam. Ông đã chịu ảnh hưởng của thị hiếu này khi làm ngôi nhà riêng của mình tại Monticello, gần Charlottesville (1770-1809). Một tác phẩm quan trọng khác: khuôn viên trường Đại học Virginie (1817-26) cũng là công trình ông tâm đắc với mặt bằng rất "hàn lâm".

JOHNSON, PHILIP CORTELYOU (1906-2005) Kiến trúc sư Mỹ, sinh ở Claveland, được đào tạo chính quy và có nhiều công trình được xây dựng tại Mỹ. Sáng tác lúc đầu mang phong cách quốc tế, sau chuyển sang Tân cổ điển và Hậu

hiện đại. Nhiều năm là người lãnh đạo ban kiến trúc của Bảo tàng nghệ thuật hiện đại New York. Công trình Glass House do ông sáng tác cũng chính là ngôi nhà ở của ông, xây dựng năm 1949 ở Connecticut có vị trí quan trọng trong các kiến trúc hiện đại. Ông ưa quan điểm kiến trúc của Mies van der Rohe, chú trọng kết hợp vật liệu hiện đại với hình thức kiến trúc truyền thống. Công trình quan trọng là nhà hát trung tâm Lincoln xây ở New York (1962), Seagram Building (cộng tác với Rohe, 1956), v.v. Huy chương vàng Hội kiến trúc sư Mỹ năm 1978 và giải Pritzker đầu tiên năm 1979.

JOHNSTON, FRANCIS (1760-1829). KTS Ailen, có công xây dựng nhiều công trình tưởng niệm theo phong cách Gđorgie của thành phố này: Trụ sở bưu điện trung ương (1814-18), chuyển đổi nhà nghị viện của Pearce và Gandon thành trụ sở của Ngân hàng Ailen (1802), tu sửa ngôi nhà tại công viên Phoenix làm dinh thự cho phó vương (1818). Ban đầu, làm việc cho kiến trúc sư hoàng gia Thomas Cooley, sau thành lập Viện Hibernian (1823).

JONES, OWEN (1809-1876) Kiến trúc sư và họa sĩ Anh. Sinh ở London, học trò của Lewis Vulliamy. Năm 1834 qua Cận Đông và Tây Ban Nha, sau đó xuất bản tập vẽ ghi đồ sộ “ Mặt bằng, mặt đứng, chi tiết của Alhambra” (1842-45). Là một trong ba kiến trúc sư chịu trách nhiệm nội thất của Cung Pha Lê từ năm 1851. Những màu cơ bản và tươi vui của Jones sử dụng cho Cung Pha lê rất được tán thưởng. Năm 1856, ông xuất bản cuốn “ Ngữ pháp của trang trí” . Ông có kinh nghiệm trong kỹ thuật in màu và sử dụng kỹ thuật này trong minh họa sách .

JONES, SIR HORACE (1819-1887). KTS Anh, thanh tra nghiệp đoàn thành phố London (1864-87). Ban đầu làm việc tại cơ sở của John Wallen, sau mở công ty (1846). Tác phẩm tiêu biểu: các chợ Billingsgate (1875), Leadenhall (1881) và Smithfield (1886), thư viện ở phố Basinghall (1873), đài tưởng niệm Temple Bar, trường âm nhạc ở phố John Carpenter (1885-87), cầu Tower Bridge (1886-94) cùng thực hiện với kỹ sư Barry. Tác phẩm thư viện và cầu của ông là điển hình về phong cách Anh.

JOURDAIN, FRANTZ (1874-1935). KTS và nhà văn Pháp, theo xu hướng Nghệ thuật mới. Học trường Mỹ thuật Paris (1865), hành nghề kiến trúc sư, nhà báo, nhà văn, nhà biên kịch. Bạn của Goncourt, Jules Vallès và Zola. Tác giả thiết kế cửa hàng lớn Bonheur des Dames, xuất bản cuốn Atelier Chantorel (1893) gây tranh cãi. Tác phẩm kiến trúc của ông không nhiều, đáng kể có của hàng lớn ở phố Rivoli (1905) là một công trình bằng kim loại, kết cấu trang trí tự nhiên, các mặt chính đây kính. Ngoài ra, còn một vài nhà triển lãm tại Paris (1889-90) và Moxkva (1891). Năm 1928, Jourdain bảo vệ đồ án *Le Corbusier* cho Công ty các Quốc gia tại Genève.

JUVARA FILIPPO (1678-1736) Kiến trúc sư Italia, theo xu hướng Mãn Barôc, hoạt động chủ yếu ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Đến hành nghề ở Turin từ năm 1714. Thực hiện nhiều công trình ở thành phố này, chủ yếu là nhà thờ và lâu đài: nhà thờ Carmine (1732-35), thiết kế lâu đài Madama (1718-21) ở Turin, tổng thể công trình Xuperga, pháo đài Stupinigi (1729-33).

K

KAHN, ALBERT (1896-1942). KTS Mỹ, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kiến trúc công nghiệp hiện đại. Sinh tại Đức, về Mỹ năm 1880, thoát tiên làm họa viên cho một công ty kiến trúc ở Detroit, sau lập công ty riêng tại Nettleton, Kahn và Trowbridge (1896). Tác phẩm đầu tay: phòng hòa nhạc, bể nuôi cá và một sòng bạc ở Belle Isle Park, Detroit, những công trình công nghiệp đầu tiên Boyer Machine Company (1901), nhà máy ô tô Packard (1903). Ông còn xây dựng một nhà máy đầu tiên ở Detroit bằng bê tông. Sau này, ông xây dựng một số công trình công cộng khác ở Detroit: Detroit News Building (1915), bệnh viện của Đại học Michigan (1920), Fisher Building (1927) và một loạt nhà học viện của Đại học Ann Arbor, thường theo kiểu mẫu của Anh và của Pháp. Trong những năm 1920, ảnh hưởng của Mỹ thuật bắt đầu có tác động đến những chi tiết của công trình thương mại. Đa số các công trình sau đó (1930-40) đều thực hiện cho Công ty Ford Motor: nhà trưng bày (1933 và 1939), nhà máy Sông Hồng, là công trình loại này có quy mô đồ sộ trên thế giới.

KAHN, LOUIS ISADORE (1902-1974) Kiến trúc sư Mỹ, gốc Estôni. Hành nghề kiến trúc tại Mỹ, Ấn Độ, Bangladesh. Tác phẩm chính: đồ án khu dân cư Carver(1942), nhà trưng bày nghệ thuật tạo hình tại Đại học Yale (1953), trung tâm nghiên cứu Y học Richard (1961) và quy hoạch thủ đô Dacka của Bangladesh (1962).

KALLIKRATES (Thế kỷ 5 tCn) Kiến trúc sư Hy Lạp. Tham gia xây dựng Trường thành ở Aphin (457-445 Tcn).

KARMI, DOV (1905-1962) Kiến trúc sư Ixraen, sinh tại Nga nhưng ở Palestin từ năm 1921, học ở Jérusalem, rồi Bỉ. Đầu những năm 1930, ông trở về Palestin, ở Tel-Aviv. Karmi là người tiên phong, cùng với Aryeh Sharon đưa kiến trúc hiện đại vào Palestin. Ông chịu ảnh hưởng của Le Corbusier. Những tác phẩm tiêu biểu chủ yếu là công trình công cộng và nhà văn phòng: trụ sở Hiệp hội lao động quốc gia (Histadrut), tòa nhà El Al, rạp hát Cameri và Hội trường Mann, tất cả đều ở Tel-Aviv; nhà hành chính (Sherman) và hội trường Wise của trường đại học Do thái ở Jérusalem.

KAZAKOV M.F. (1738-1812) Kiến trúc sư Nga, là một trong những người sáng lập xu hướng kiến trúc Cổ điển Nga ở thế kỉ 18. Tác giả thiết kế Cung lớn Kremli (1768-74). Trong quy hoạch xây dựng Matxcova đầu thế kỉ 19, đã nghiên cứu áp dụng không gian lớn và quy mô hợp lí.

KEN YEANG Kiến trúc sư Malaysia, người đứng đầu Công ty Kiến trúc T.R. Hamzah & Yeang Sendinan Berhard. Tiến sĩ kiến trúc Đại học Cambridge và là trợ lý phân ban nghiên cứu kỹ thuật Đại học này. Chuyên nghiên cứu về môi trường ứng dụng trong thiết kế và xây dựng. Kết quả công bố trên nhiều báo chí quốc tế như Architecture Record và Progressive Achitecture. Tác giả sách” Designing With Nature” và nhiều công trình xây dựng thực nghiệm theo quan điểm kiến trúc sinh thái của ông tại Malaysia cũng như ở nước ngoài.

KENT R. (1882-1971). Kiến trúc sư, họa sĩ, nhà văn, nhà hoạt động xã hội Mỹ. Chú trọng phát triển truyền thống của chủ nghĩa Hiện thực ở Mỹ. Ủy viên Hội đồng Kiến trúc sư Quốc tế.

KENT, WILLIAM (1685-1748). Họa sĩ Anh, người tạo mẫu đồ nội thất và phong cảnh gia. Trở thành kiến trúc sư dưới sự bảo trợ của công tước Burlington. Được cử đến Roma để họa vẽ, được thực hiện những bích họa của lâu đài Kensington, sau đó tiếp tục vẽ cho những ngôi nhà ở nông thôn (những năm 1720). Các công trình tiêu biểu : một số đồ án mới của Nhà nghị viện, kho bạc ở London (1734), Horse Guards (1751). Đóng góp lớn của Kent là về nghệ thuật phong cảnh. Đó là những thể hiện tại công trình ở Rousham, Oxfordshire và Stowe.

KENZO TANGE (1913-2005) Kiến trúc sư Nhật Bản. Ban đầu mới chỉ là người kết hợp truyền thống nghệ thuật Nhật với kiến trúc châu Âu thế kỷ 20, sau chịu ảnh hưởng nhiều của Le Corbusier . Từ năm 1945, ông là một đại diện quốc tế nổi tiếng của xu hướng Thơ Mộc: công viên Hòa Bình ở Hirôshima (1951-52), nhà Hội đồng quận Kagava ở Takamasu (1955-58), tòa thị chính ở Karaxiki (1958-60). Trong những năm 1960, hàng loạt “ công trình tương lai” phát triển trong lòng đô thị ra đời : tổng thể công trình Olympic ở Tokyo (1961-64), trung tâm thông tin đại chúng Quận Yamachi ở Kofu (1962-67), thiết kế khôi phục Tokyo (công bố năm 1960), v.v.

KEYSER, HENDRICK DE (1568-1621) KTS, nhà điêu khắc Hà Lan. Được phong là kiến trúc sư và nhà điêu khắc của thành phố Amsterdam năm 1594. Nhiều tác phẩm điêu khắc nổi tiếng, trong đó có mộ của Guillaume I ở Delft (1614). Hầu hết công trình xây dựng đều ở Amsterdam : Zuiderkerk (1606-14), những công trình phụ của thành lũy (1606), Bourse (1608), Westerkerk (1620-38) và nhiều ngôi nhà có hồi. Các tác phẩm của ông đã được Salomon de Bray ghi lại trong cuốn *Kiến trúc Hiện đại* (1631).

KLENZE, LEO VON (1784-1864). KTS Đức, người có vai trò tiên phong trong các xu hướng Tân hy lạp và Tân phục hưng Đức thế kỷ 19, nổi tiếng bởi những công trình công cộng. Bắt đầu hành nghề kiến trúc từ năm 1804, nhanh chóng trở thành một kiến trúc sư được mến mộ dưới triều đại Bavière. Công trình Glyptothèque (1816-31) ở Munich có mặt chính của ngôi đền iôníc đồ sộ , với nội thất có một hành lang điêu khắc phong phú , là tác phẩm đầu tay quan trọng của ông. Một số công trình Tân phục hưng sau này: Alte Pinakothek (1826-36), Leuchtenberg Palatz (1826-36), trụ sở bộ Chiến tranh (1824-30). Ông còn thực hiện công trình ở nước ngoài như bảo tàng St Petersburg (1839-52). Công trình cuối cùng là Ratisbonne (1830-42) có hình thức của một đền Hy Lạp xây bên bờ sông Danube, mang tính biểu cảm.

KHRIAKOV A.F. (1903-1976) Kiến trúc sư Nga. Một trong những tác giả của khu nhà ở tại Leningrat (1922-28), và các công trình tại Moxkva: tổng thể các công trình đại học (1953-56), sân vận động Lênin (1955-56), rạp chiếu phim “Ukraina”, nhà “ “Borodino” (1958-60). Giải thưởng Lênin (1959).

KLENZE L.V. (1784-1864) Kiến trúc sư Đức. Người tiên phong của xu hướng Hậu Cổ điển . Tác giả bảo tàng Ecmitagior tại Pêtecbuga. Quy hoạch quần thể kiến trúc tại quảng trường và đường phố của Munkhen và Aphinax.

KLERK, MICHEL DE (1884-1923) người đứng đầu trường phái Amsterdam, chịu ảnh hưởng của Berlage , chuyên nghiên cứu vật liệu địa phương, truyền thống Hà Lan để thể hiện trong xây dựng nhà ở. Ông đã thiết kế xây dựng nhiều căn nhà ở khu nam Amsterdam. Nổi tiếng nhất là công trình của xu hướng Biểu hiện (1921) Eigen Haard de Zaanstraat với mái cong lợp ngói, tường bao bằng gạch và cửa sổ nhô ra ngoài.

KORB, HERMANN (156-1735). Trở thành kiến trúc sư dưới sự bảo trợ của quận công Anton Ulbrich de Brunswich-Wolfenbuttel. Công trình tiêu biểu : lâu đài Salzdahlum (bắt đầu 1688) và thư viện Wolfenbuttel (1706-10). Công trình thứ nhất theo phong cách barôc Đức; công trình thứ hai có mái vòm tròn, tách biệt hẳn với các công trình khác và có mặt bằng phòng đọc chính hình bầu dục.

KRAK DES CHEVALIERS (*kttg*) Pháo đài nằm bên rìa của sa mạc Syrie vùng Cận Đông, trên một ngọn núi đá thấp. Các chấn là nó có từ trước năm 1096, khi quân Thập tự chinh Thiên chúa giáo tới đây. Pháo đài có mặt bằng tròn đồng tâm, với công sự có dạng vòng tròn kép, xây tường trong trước rồi mới xây tường ngoài (khoảng thế kỷ 12 đến đầu thế kỷ 13). Cổng chính ở phía đông, nằm trên sườn đá dốc , có mái che hình vòm, với những lỗ ném giữa tường trong và tường ngoài. Mặt phía nam còn kiên cố hơn với bức tường thành bằng đá cao 10m chạy theo sườn dốc, cắm đứng thẳng xuống hào. Bên trong, các bộ phận khác như đại sảnh, hàng hiên có mái che và Gian thờ đều rất sang trọng. Pháo đài chứa được 2000 người. Sau năm 1271, pháo đài trở thành Thánh đường Hồi giáo.

KUBICKI YA (1758-1883) Kiến trúc sư Ba Lan, sống và hành nghề tại Italia. Thiết kế lâu đài Benvêdexki tại Vacsava trên cơ sở khai thác truyền thống cổ điển thế kỷ 18.

KURDYANI A.G. (1903-?) Kiến trúc sư Liên Xô. Thiết kế sân vận động Đinamô (1933-37), đài truyền hình Tbilixi. Chú trọng áp dụng các mô típ truyền thống.

L

LABROUSTE, HENRI (1801-1875). KTS Pháp, một trong những tín đồ của xu hướng duy lý cổ điển ở Pháp. Học tại trường Mỹ thuật, được giải thưởng lớn Roma (1824). Chỉ đạo một xưởng Mỹ thuật (1830-56), ưu tiên phổ biến những nguyên tắc của phong cách duy lý. Ông đã xây dựng hai thư viện lớn tại Paris: Sainte-Genève và thư viện quốc gia. Công trình thứ nhất là tòa nhà đồ sộ hình chữ nhật, hai tầng, lối vào thẳng phòng đọc chính. Hình thức bên ngoài biểu hiện được công năng nội thất, sử dụng khung vòm kim loại và kính. Công trình thứ hai thể hiện rõ hơn việc sử dụng kết cấu kim loại trong phòng đọc lớn của thư viện; mặt chính là khá phong phú, do Labrouste cải tiến từ những hình thức của kiến trúc đế chế thứ hai.

LAFEVER, MINARD (1798-1854) Kiến trúc sư Mỹ, người cố xúi mạnh mẽ cho kiến trúc Hy Lạp tại New York ngay từ đầu thế kỷ thứ 19 trên công trình cũng như trên báo chí. Sinh ở New Jersey, từ năm 1928 là họa sĩ ở New York. Ông đã xuất bản cuốn sách đầu tay “Chỉ dẫn chung cho người xây dựng trẻ” rồi sau đó là cuốn “Cẩm nang xây dựng hiện đại” (1833) và “Cái đẹp của kiến trúc Hiện đại” (1835). Các tác phẩm của ông được phát hành rộng rãi và được đánh giá cao. Ông quan tâm nhiều đến cách ứng dụng các yếu tố cổ điển Hy Lạp vào kiến trúc Mỹ. Các công trình của ông xuất hiện muộn như những nhà thờ Tân gôtic Thánh Ba Ngôi (1847) và Chúa Cứu Thế (1844) ở Brooklyn, nhà thờ theo phong cách Ai Cập Whaler’s ở Sag Harbor, Long Island, New York. Ông cũng thực hiện theo phong cách Phục Hưng đối với công trình Học viện và Ngân hàng Tiết kiệm Brooklyn (1847). Ông còn có cuốn sách “Cẩm nang kiến trúc” được xuất bản sau khi mất.

LADOVSKI N.A. (1881-1914). KTS Nga. Thiết kế xây dựng các ga metro: Dzerzhinskaya (1934-35), Lermantovskaya (1935), nghiên cứu sơ đồ quy hoạch “thành phố mở rộng” (1929).

LAJTA (1873-1920) Kiến trúc sư Hungari, theo xu hướng Hiện đại và Công năng. Trong thiết kế chú trọng các giải pháp hợp lý và đơn giản về kết cấu; đã thể hiện thành công trong nhiều công trình công cộng tại Budapest (1911-1912)

LAMÉ (1795-1870) Nhà khoa học Pháp, là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu về sức bền vật liệu; nhiều công thức tính toán được mang tên Lamé như phương trình tìm giá trị các ứng suất chính của một trạng thái ứng suất, hình elipsoit các ứng suất chính, v.v.

LANGBARD I.G. (1822-1951) Kiến trúc sư Belarux. Trong thiết kế thể hiện hình khối bên ngoài đơn giản với các trang trí và bố cục hợp lý. Công trình tiêu biểu: trụ sở tòa án, nhà hát opera và balaet (1934-37), trụ sở Viện Hàn Lâm Belarux ở Minsk (1935-39), một số công trình tưởng niệm khác, v.v.

LANGHANS, CARL GOTTHARD (1732-1808) Có vai trò quan trọng trong việc đưa phong cách kiến trúc tân cổ điển vào Berlin, điển hình là cổng Brandebourg. Trước khi về hành nghề ở Berlin, ông đã qua các nước Italia, Pháp, Hà Lan và Anh (1768-75). Là kiến trúc sư trưởng các công trình công cộng Berlin, hiện vẫn còn trừ cổng Brandebourg (1789-93) là bị phá hủy vào cuối thế chiến thứ II. Cổng này thiết kế phỏng theo Propylées

ở Athenes, là một trong những công trình tương tự xuất hiện vào đầu thế kỷ 19 ở nhiều nước châu Âu.

LASDUN, SIR DENYS LOUIS (1914-?) Một trong những người đi tiên phong trong việc sử dụng bê tông. Ban đầu, công tác với Welles Coates (1935-37), sau với nhóm Tecton (1938), rồi với Fry, Drew và Drake (1952) để mở một công ty chuyên xây dựng tại Đông Phi. Năm 1960, thành lập công ty riêng để thực hiện chương trình nhà ở tại Bethal Green, London. Đó là một nhóm nhà ở 14 tầng bố trí hình ngôi sao, nối liền với tháp trung tâm bởi các hành lang, giao thông theo chiều đứng. Ngoài ra còn có: nhà ở hạng sang ở St James Park, trường cao đẳng vật lý ở Regent's Park (1958), khối các phòng làm việc và một hội trường lớn, v.v. Ngoài việc đóng góp nhiều công trình xây dựng phục vụ giáo dục đại học, ông cũng quan tâm đến thiết kế và xây dựng nhà hát nữa.

LASSUS, JEAN-BAPTISTE ANTOINE (1807-1857) Nhà tiên phong của Tân gôtic Pháp, người khôi phục Sainte-Chapelle và Notre -Dame-da-Paris (1839 và 1845) cùng với Viollet-le-Duc. Những nhà thờ của ông khá thành công ở sự phối hợp nghiêm ngặt phong cách của thế kỷ 13 với sự phô trương đường nét thẳng đứng: nhà thờ Saint-Nicolas de Nantes (1843-69) và Saint-Jean- de- Belleville ở Paris (hoàn thành năm 1858).

LATROBE, BENJAMIN HENRY (1764-1820). Nhân vật kiệt xuất của kiến trúc Mỹ đầu thế kỷ 19. Sinh ở Anh, học ở Đức từ năm 11 tuổi, rồi trở thành kỹ sư ở London và hành nghề tại cơ sở của S.P. Cockerell (1787). Ra làm riêng từ năm 1791, xây dựng nhiều ngôi nhà cho tư nhân trước khi đi Philadelphie tham gia thiết kế công trình nhà ngân hàng tại đây (1798). Công trình này trang trí thức Hy Lạp lần đầu tiên tại Mỹ. Năm 1801 thực hiện xây lắp công trình thủy lợi ở Philadelphie trên sông Schuulkill với trách nhiệm là kỹ sư trưởng. Công trình tiêu biểu sau thời gian này: Markoe house ở Philadelphie (1810), tòa nhà Sedgely, ngôi nhà gôtic đầu tiên ở Mỹ (1799), nhà thờ Baltimore (1804-18), v.v.

LAURANA LUCIANO (1420-1479) Kiến trúc sư Italia thời Tiên Phục Hưng, người áp dụng sáng tạo các thành tựu của kiến trúc dạng thức Florenxia ở thế kỷ thứ 15. Kết hợp khéo léo hình thức kiến trúc hợp lý với bố cục tự do.

LAUWERIKS, J.L. MATHIEU (1864-1932). KTS. Hà Lan. Những công trình của ông chịu ảnh hưởng phong cách biểu cảm của nhóm Stijl. Đã làm việc trong nhiều công ty có phong cách tân gôtic. Thành viên của hội thông thần học từ năm 1894, chủ trương hướng việc hành nghề, thẩm mỹ cũng như tinh thần theo một hệ thống đơn giản, dựa trên triết học bi truyền. Từ 1904 giảng dạy tại trường nghệ thuật ứng dụng Dusseldorf. Trong trang trí, cũng chịu ảnh hưởng của các kiến trúc sư những năm 1920, như Oud và Gropius.

LE CORBUSIER (1887-1965) Kiến trúc sư Pháp, gốc Thụy sĩ, nhà lý luận kiến trúc nổi tiếng, người khởi xướng chủ nghĩa Công năng trong kiến trúc với quan điểm : “hình thức đơn giản, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến “. Nêu lên 5 đặc điểm của Kiến trúc Hiện đại. Các hoạt động của ông có ảnh hưởng lớn là thiết kế nhà ở và quy hoạch đô thị . Chú trọng biện pháp tổ hợp không gian, nêu cao vai trò của ánh sáng, không khí và cây xanh trong kiến trúc-quy hoạch, giải quyết tốt giao thông đô thị. Đã thiết kế phương án quy hoạch các thành phố: Xaopaolô, Riô đơ Janây rô, Buênôt Airet, Môngtêđêo. Là người đầu tiên đưa ra đô án thành phố 3 triệu dân từ những năm 20 của thế kỉ này. Công trình kiến trúc nổi tiếng: các biệt thự xanh ở Gacnô và Xavao, đơn vị nhà ở tại Macxây, nhà thờ Rông Săng, trụ sở Liên hợp quốc ở Niu Yooc.

LEBEDEV V.V. (1909-?) Kiến trúc sư Công huân CHLB Nga. Một trong những tác giả của khách sạn Sovietskaya (1950-52), chợ Leningrad (1961), trụ sở Đảng (1074) và một số khu nhà ở tại Moxkva.

LEBLOND J.B.A. (1679-1719) Kiến trúc sư Pháp, hành nghề tại Pháp và Nga. Thiết kế qui hoạch Pêtecua (1717), tham gia xây dựng cung điện Petegrof, công viên Mùa Hạ tại Pêtecua. Hoàn thiện giáo trình kiến trúc của S.Đavin viết năm 1691.

LECHNER, ÖDON (1845-1914) . KTS theo xu hướng chiết trung nhưng các tác phẩm chính lại có phong cách gôtic (bảo tàng Nghệ thuật trang trí ở Budapest, 1891-96). Ông có ý đồ khôi phục phong cách điển hình nhà gạch gôtic của Hung, vừa pha trộn nguồn dân dã, Thổ Nhĩ Kỳ và các phong cách khác của thế kỷ 18. Công trình tiêu biểu: Viện địa chất Budapest (1896-98), quỹ tiết kiệm Kerckemet (1900-01).

LEDOUX CLAUDE NICOLAS (1736-1806) Kiến trúc sư Pháp. Chú trọng áp dụng nghiêm túc hình thức của phong cách Đế Chế, tiêu biểu là nhà hát Besançon.

LEFUEL, HECTOR MARTIN (1810-1880). KTS cổ điển Đế chế II. Năm 1853, kế thừa L.T.J.Visconti để triển khai mở rộng Louvre, đặc biệt là hai cánh phía bắc và nam của lâu đài. Ông đã đáp ứng thị hiếu đương thời theo chiết trung và quốc gia, đồng thời chiều ý thích của Napoléon III bằng cách trang trí mặt chính thật phong phú : những đường nét ngoằn ngoèo, môtip huy chương, kết tràng hoa,v.v.

LÉONARD DE VINCI (1452-1519) Nghệ sĩ vĩ đại nhất thời Phục Hưng. Ông không hành nghề kiến trúc, song ông quan tâm sâu sắc đến những người đồng thời, đặc biệt là Bramante, về phương diện tinh thần khoa học cũng như về ý tưởng. Từ năm 1482 đến 1499, họ cùng đi thăm Milan, tại đây đã tìm kiếm và thu thập được những sơ đồ , những lý thuyết có liên quan đến các tỉ lệ lý tưởng của con người, những công trình ở trung tâm giữa con người và vũ trụ,v.v. Ông đã nghĩ tới kiến trúc ba chiều và chứng minh được trong các hình vẽ của ông từ thời đó. Ông phát triển các hình dạng từ thể tích hình học đơn giản, chi tiết hóa các mặt bằng, đôi khi cả phối cảnh, hình cắt và mặt đứng. Ông phát hiện các ý tưởng trong mặt bằng nhà thờ S. Maria della Consolazione de Todì (1504), ngay cả ở những hình vẽ ban đầu của Bramante về nhà thờ Saint-Pierre ở Roma. Ông đã vẽ mái vòm cầu nhà thờ Milan, mà trong đó có rất nhiều chi tiết kết cấu.Ông nắm vững những thiết kế thành phố bố trí theo tầng bậc mà ngày nay mới thực hiện được.

LEONIDOV LI (1902-1959) Kiến trúc sư Nga, tốt nghiệp học viện nghệ thuật Moxkva (1927),từ 1928-1930 là giảng viên của học viện, là người khởi xướng và lãnh đạo nhóm kiến trúc sư theo xu hướng Hiện đại. Là tác giả của nhiều đồ án thiết kế công trình công cộng : thư viện Lênin, trụ sở Công đoàn, nhà văn hóa công nhân,v.v. Kiến trúc của ông có kết cấu mới, bố cục tự do, vượt ra ngoài khuôn khổ nề cổ thịnh hành thời đó.

LESCOT PIERRE (1500-1578) Kiến trúc sư Pháp thời Phục Hưng. Các tác phẩm sử dụng nhiều cột thức, chi tiết tinh tế, chú trọng trang trí điêu khắc. Công trình tiêu biểu : thiết kế Louvre, một bộ phận trung tâm St. Germain ở Paris (1542-44).

LEVAU, LOUIS (1612-1670) Kiến trúc sư Pháp. Một trong các đại diện của xu hướng Cổ điển Pháp. Công trình của ông thường có mặt bằng phức tạp, trang trí nội thất cầu kỳ: lâu đài ở Vecxây, pháo đài Vôle-Vicông (1651-61).

LEVERTON, THOMAS (1743-1824). KTS và nhà trang trí Anh, học trò của Adam, Joseph Bonomi và Flaxman, có phong cách gần gũi với Adam. Tham gia thiết kế Quảng trường Bedford ở London và trang trí một số nhà ở tư nhân.

LEVIN L.M. (1936-?) Kiến trúc sư Belarus. Công trình chính: Công viên “ 50 năm chính quyền Xô viết” (1954-60), nhà triển lãm thành tựu kinh tế Belarus (1968), đài tưởng niệm ở Minsk (1969). Giải thưởng Lenin (1969).

LEWERENTZ, SIGURD (1885-1975). KTS Thụy Điển, chuyên về nhà thờ. Theo học viện hàn lâm hoàng gia ở Stockholm. Làm việc với Gunnar Plund từ năm 1913 và đã thiết kế nhà thờ lớn Forest Crematorium ở Stockholm, sau lại hợp tác cùng Lallerstedt và Helden (1944) , nhận giải hai kỳ thi thiết kế nhà hát ở Malmö. Ông thiết kế nhiều nghĩa trang, nhà hỏa táng và nhiều cơ sở công nghiệp (đến 1944). Nhà thờ Saint-Marc de Sparnack, Stockholm (1955) là tác phẩm chính của ông, gần 65 năm ông có mặt trên công trường của nhà thờ này. Nằm trong khu rừng, giống như một pháo đài, công trình này đơn giản về cả đường nét và hình khối bên trong cũng như bên ngoài, được xây bằng gạch trần, mạch to.

LOMBARDO, PIERRO (1435-1515). Nhà điêu khắc và KTS Italia. Hành nghề tại Venice từ 1467. Phong cách của ông pha trộn phong cách của Mauro Conducci (1440-1504), có tính cách của kiến trúc thành Venice thời Thịnh Phục Hưng của Sansovino. Ông xây dựng nhiều nhà thờ: S. Maria dei Miracoli , S. Michele ở Isola (1469), S. Salvatore (1507). Ngoài ra, còn phải kể đến lâu đài Vendramin Calegi (1500) vừa truyền thống, vừa theo xu hướng Florentin.

LOOS ADOLF (1870-1933) Kiến trúc sư Áo, hoạt động ở Áo, Mỹ, Pháp. Từ cuối thập kỷ 90 của thế kỷ 19, đối lập với xu hướng Hiện đại; trong kiến trúc chỉ chú trọng truyền thống dân gian, nhấn mạnh về vật liệu. Sau này có biểu hiện của xu thế Tân Cổ Điển.

LÔVAYKÔ I.I. (1906-?) Kiến trúc sư Nga. Công trình tiêu biểu : khách sạn Sovietzkaya ở Moxkva (1950-52), nhà ở tại đại lộ Mir (1952-55), chỉ đạo quy hoạch và xây dựng nhiều khu nhà ở khác (1978-80). Viện sĩ Hàn lâm Kiến trúc Liên Xô (1983).

LUBETKIN, BERTHOLD (1901-?) KTS gốc Nga, làm việc ở Paris và sau này chỉ đạo nhóm Tecton ở Anh để thực hiện xây dựng nhiều công trình kiến trúc hiện đại đầu tiên tại đây. trong những năm 1930, nhóm Tecton đã xây dựng tại Anh nhiều công trình theo xu hướng phát triển của Bauhaus hoặc Le Corbusier. Học ở Moxkva, rồi ở Paris cùng với Auguste Perret. Cùng với nhóm Tecton, ông đã thực hiện tác phẩm đầu tiên: tòa nhà ở Highpoint Flats, Highgate, London (1935). Tòa nhà thứ hai (1938) càng biểu hiện rõ xu hướng hình thức chủ nghĩa của nhóm . Sau thế chiến II, nhóm này không hoạt động thêm nữa.

LURÇAT, ANDRÉ (1894-1070) Kiến trúc sư và nhà lí luận kiến trúc Pháp. Trong thiết kế nhà ở và nhà công cộng thể hiện mặt bằng rõ nét, bố cục không gian hài hòa : tổng thể Trường Cac Mac ở Vinjufer (1931-33), khôi phục khu Saint Denis ở Paris (1946-62). Ông đã viết cuốn *Hình thức, bố cục và luật hài hòa* (1937-44), nhìn nhận nghệ thuật trên quan điểm vừa duy tâm, vừa duy vật.

LUTYENS, EDWIN LANDSEER (1869-1944) Kiến trúc sư hàng đầu Anh. Chú trọng kiến trúc truyền thống, hoạt động nhiều trong lĩnh vực xây dựng đô thị (quy hoạch Niu-Đeli, 1912), xây dựng nhiều công trình tưởng niệm Thế chiến (1914-1920). Ông là một kiến trúc sư Anh cuối cùng chuyên về nhà ở nông thôn. Lutyens không thêm một từ vựng mới nào trong lĩnh vực này, song không ai có thể xử lý hơn ông về hình thức, vật liệu, đường nét trang trí. Nội thất hợp lý và rành mạch, ông biết làm cho các chi tiết thêm sinh động. Tên tuổi ông nổi bật , có ảnh hưởng lớn tại Anh và thực sự đóng góp từ vựng mới về kiến trúc hiện đại trong thời kỳ đó.

LVOV N.A. (1751-1804) Kiến trúc sư, nhà lí luận kiến trúc Nga. Chú trọng đến điều kiện khí hậu địa phương trong thiết kế; hay sử dụng hình thức mái cupôn. Thiết kế nhiều công trình gắn với sân vườn. Cha đẻ của “ phong cách nghệ thuật nhà vườn Nga”.

M

MACHUCA, PEDRO (?- 1550) KTS Tây Ban Nha, người đầu tiên ở Tây Ban Nha theo xu hướng cổ điển Italia. Ông đã qua Italia một thời gian và cùng nghiên cứu với Michel-Ange. Lâu đài ở Grenade của ông là một tác phẩm rất đặc biệt, có sự tham vấn ý kiến của các nhà thông thái Vitruve, Bramante, Raphael và các kiến trúc sư theo xu hướng cổ điển.

MACKINTOSH, C.R. (1868-1928), Kiến trúc sư Scotlen, đại diện của xu hướng Hiện đại. Trong thiết kế, đặc biệt chú trọng khối kỷ hà trong biểu hiện kiến trúc, khối tích và hoa văn bề mặt (Trường nghệ thuật tại Glaxgow 1898-1909, Hill-house ở Hêlenzboro 1910). Sáng tác của ông có ảnh hưởng đến sự phát triển xu hướng lãng mạn dân tộc và hình thành xu hướng Công năng ở Anh, Đức và Áo.

MADERNO CARLO (1556-1629) Kiến trúc sư Italia, theo xu hướng Barôc. Chú trọng trang trí với không gian hoành tráng và nguy nga, sử dụng cột thức lớn (Trung tâm Santa Susana, 1596-1606; lâu đài Bacberini, 1625). Chỉ đạo xây dựng nhà thờ Pie từ năm 1603, thay đổi mặt bằng của Mikenlangelo và kéo dài mặt ngoài công trình.

MAEKANWA KUNIO, NIGATA (1905-?) Kiến trúc sư Nhật Bản, trong những năm 1928-30 đã làm việc với Le Corbusier. Là một thủ lĩnh của xu hướng duy lý Nhật trong thời kỳ 1940-50. Tiếp đó là thời kỳ khai thác truyền thống dân tộc và những khả năng thẩm mỹ của bê tông cốt thép để sáng tác một loạt công trình tiêu biểu của kiến trúc Nhật Bản.

MAIANO (1432-1490) Một họ nhà kiến trúc và điêu khắc thời Sơ Phục Hưng. Trong kiến trúc chú trọng trang trí, giải pháp không gian phức tạp : lâu đài Spannocki ở Siena (1473), nhà thờ ở Fayanax (1474-86).

MANSARD, FRANÇOIS (1598-1666) Kiến trúc sư Pháp.Sáng tác theo truyền thống kiến trúc Pháp và một bộ phận kiến trúc Phục Hưng đã được đặt nền móng từ kiến trúc Cô điển đầu thế kỉ 17. Công trình tiêu biểu : lâu đài Maison Lafitte ở gần Paris (1642-51), khách sạn Carnavale (1660-61). Đặc điểm công trình: trang trí phong phú, bố cục không gian rành mạch. Là tác giả của “ Tầng măng xac”, (tức phòng bất kỳ xây dựng dưới mái dốc cao). *Cx. Mái măng xac.*

MARKELIUS S. (1889-1972). KTS Thụy Điển. Chú trọng áp dụng kiến trúc truyền thống trên cơ sở các nguyên tắc của xu hướng Công năng (nhà Hội đồng ở Stockholm, 1935). Tác giả tổng sơ đồ Stockholm trên cơ sở hai vùng đô thị có dải cây xanh phân cách (1944-54).

MARX, ROBERTO BURLE (1909-?) Nhà thiết kế phong cảnh Brazil. Các tác phẩm của ông có ảnh hưởng nhiều đến nhiều kiến trúc sư Brazil cùng cộng tác.Cách sử dụng màu và sắc độ trong hội họa để thể hiện cỏ cây nhiệt đới, hòa hợp với phong cảnh tự nhiên đã tạo cho vườn cảnh của ông nổi tiếng trên thế giới. Học trường Mỹ thuật quốc gia ở Paulo, và ngay khi đã được biết là nhà phong cảnh nổi tiếng thế giưới, ông vẫn tiếp tục thực hiện các tác phẩm hội họa, vẽ trên vải và trên đồ trang sức. Tác phẩm vườn đầu tiên của ông là vườn thành phố Recife (1936), thể hiện sự hợp lý của tỷ lệ cây cỏ và kiến

trúc, sau này ông còn thiết kế nhiều vườn cảnh khác: Kronforth ở Rio de Janeiro (1938), các vườn nhà tư nhân tại thành phố này (1940), những vườn tại Plavinil-Elclor Building ở Sao Paulo (1951), thiết kế sơ phác mặt bằng vườn bách thú và vườn bách thảo Sao Paulo.

MATTHEW, SIR ROBERT HOGG (1906-1975). KTS, nhà quy hoạch, giáo sư Êcôt, nổi tiếng thế giới về kiểu mẫu và bố cục kiến trúc, đặc biệt khi ông đã là kiến trúc sư của Hội đồng hạt London (1946-53). Chính tại đây ông đã thực hiện được những công trình: nhiều ngôi nhà ở tại Roehampton, Tây London (1952-57), tòa nhà Royal Festival Hall, London (1951). Sau khi tốt nghiệp ở Edinbourg, ông vào cơ quan nhà nước và trở thành kiến trúc sư trưởng và nhà quy hoạch khu vực Êcôt. Khi rời nơi đây, ông trở về Edimbourg giảng dạy kiến trúc (1953-74) và lưu lại đây, một trường đại học quan trọng, nơi mà kiến trúc có quan hệ chặt chẽ với quy hoạch và môi trường. Trong thời gian sau này, ông cùng với một số giáo sư và đối tác thành lập trường đại học York (bắt đầu 1963). Một công trình quan trọng khác là trụ sở Niu Dilon tại London (1963). Ông còn hoạt động cho Hiệp hội kiến trúc sư quốc tế mà ông là chủ tịch từ 1961 đến 1965.

MAY, HUGH (1622-1684) . KTS Anh, người du nhập vào trong nước một phong cách đơn giản và kinh tế : xây gạch ốp đá theo các kiến trúc tiền bối của Hà Lan mà ông đã từng thấy ở thời kỳ Thị trường chung. Elham Lodge (1663-64), dinh thự của Berkeley ở Piccadily (1664-66), Buckingham House của William Winde (1703-05) là những tác phẩm điển hình hoặc gần gũi với phong cách Hugh May.

MAYBECK, BERNARD (1862-1957). KTS Mỹ, theo phong cách riêng của mình, là một trong những kiến trúc sư Mỹ thuần chất. Năm 17 tuổi, học việc trong một xưởng đồ gỗ của cha, rồi được gửi sang Paris, học trường Mỹ thuật. Năm 1886, trở lại Mỹ, hành nghề cùng với Thomas Hastings. Trong công việc, Maybeck luôn khám phá những khả năng đặc biệt của các vật liệu, chẳng hạn khả năng làm việc của dầm gỗ. Những công trình tiêu biểu: Town and Gown Club House (1899), Outdoor Art Club House (1905) và nhiều ngôi nhà khác.

MAZMANIAN M.D. (1899-1971) Kiến trúc sư Công huân Acmêni. Tham gia thiết kế tổng sơ đồ Êrêvan (1955-70), khu nhà ở Liên hợp cao su tổng hợp tại Kirov (1932), nhà sách (1935-40), khu nhà ở Saumianxki tại Êrêvan (1055-65).

MCKIM, MEAD & WHITE . Các KTS New York cộng tác với nhau từ 1879 đến 1906, gồm có: Charles Follen McKim (1847-1909), William Rutherford Mead (1846-1928) và Stanford White (1853-1906). Là một công ty lớn và nổi tiếng nhất hồi đó, với 785 hợp đồng xây dựng, trong đó 350 là công trình quan trọng. Tác phẩm của họ rải khắp Bắc Mỹ, song tập trung ở New England và New York, thường theo phong cách cổ điển hoặc từ 1880 đến 1940, theo phong cách quốc gia châu Mỹ. McKim, Mead & White tìm kiếm một phong cách kiến trúc dựa trên đặc điểm địa phương và con người ở đó. Muốn vậy, họ chọn cổ điển, pha một chút chiết trung , khai thác thêm Phục hưng theo truyền thống kiến trúc Mỹ. McKim, Mead & White đã trình bày và thực hiện quy hoạch và xây dựng một cách khỏe khoắn, rộng rãi và tạo hình phóng khoáng.

MELENXKI A.I. (1766-1833), kiến trúc Ukraina, theo xu hướng Đế chế. Nghiên cứu thiết kế quy hoạch Kiev (1808-09), chỉ đạo quy hoạch các đường phố lớn tại Kiev (1809-1810), tác giả thiết kế một số nhà thờ và tu viện.

MELNIKOV K.X. (1890-1974), Kiến trúc sư Công huân CHLB Nga. Giảng dạy tại các trường đại học Kiến trúc và Xây dựng Moxkva (1921-51). Chú trọng thiết kế điển hình với các hình thức cơ động, giải pháp kết cấu và bố cục hợp lí. Công trình tiêu biểu : tòa nhà và gian hàng Liên Xô tại Triển lãm quốc tế về Nghệ thuật và Công nghiệp ở Paris

(1925) và một số công trình công cộng khác. Là một trong những người ưa thích không gian cơ động trong ngôi nhà khi thiết kế công trình.

MENDELSON ERICH (1887-1953) Kiến trúc sư Đức, chịu ảnh hưởng của xu hướng Hiện đại, rồi Biểu hiện. Hành nghề tại Đức, Anh, Mỹ. Các công trình kiến trúc thể hiện đặc điểm: kết hợp tính cơ động giữa hình thức và mặt bằng nghiêm ngặt (cửa hàng ở Niubec Stutgat, 1926-1928; bệnh viện San-Francisco, 1946-1950). Trong giai đoạn sáng tác sau này, chịu ảnh hưởng của xu hướng Hữu cơ.

MENELAX A.A. (1753-1831) Kiến trúc sư Nga gốc Anh. Hành nghề tại Nga từ năm 1784. Chỉ đạo xây dựng nhà thờ Torzk và Mogilov theo thiết kế của Lvov N.A. Quy hoạch nhiều công viên, trong đó có công viên ở Petrogof, Alekxandrovski với “Tháp Trắng” (1930).

MESSEL, ADOLF (1853-1909). KTS Đức. Sử dụng phong cách barôc một cách tự do, kết hợp với các thành phần theo chiều đứng của gôtic; điển hình là kiến trúc bảo tàng ở Darnstadt (1892-1905) và cửa hàng lớn của ông tại Berlin (1896-1901). Ông sử dụng vật liệu hiện đại và biết tổ chức, khai thác thích hợp. Cửa hàng Werrthem ở Berlin là kiểu mẫu cho nhiều cửa hàng khác xây dựng ở Trung Âu. Công trình của ông rất đa dạng: từ biệt thự, trụ sở cơ quan, khách sạn đến nhà ở của công nhân.

MEYER, HANNES (1899-1954). KTS Thụy Sĩ, là người kế nghiệp Gropius lãnh đạo Bauhaus ở Đức. Là con một kiến trúc sư, ông theo học đại học kỹ thuật ở Bâle, rồi Berlin. Cộng tác với nhóm Bauhaus từ năm 1927 và trở thành một trong những giáo sư nổi tiếng ở đây. Sau ông được cử làm giám đốc khi Gropius nghỉ năm 1928. Ông tổ chức trường Nghiệp đoàn Đức ở Berlin (1928-30) rồi làm việc sáu năm tiếp đó tại Liên Xô. Năm 1936 mới trở về Đức.

MEZENSEV B.X. (1911-1970). KTS Nga. Công trình tiêu biểu nhà cao tầng ở quảng trường Lermontov (1947-53), nhà hành chính ở vùng Tây-Nam Moxkva (1954-61), trụ sở Hội đồng bộ trưởng Uzbekistan ở Taskent (1965-68), công trình tưởng niệm Lênin ở Ulyanovsk (1967-70). KTS Công Huân CHLB Nga, Giải thưởng Lênin (1972).

MICHELANGELO BUONARROTI (1475-1564) Nhà điêu khắc, họa sĩ, kiến trúc sư, một trong ba nghệ sĩ vĩ đại nhất của thời Phục Hưng Italia. Về điêu khắc có các tác phẩm nổi tiếng: David, người nô lệ hấp hối, v.v. Về hội họa có: trần nhà giáo đường Sixtine, Ngày phán xử cuối cùng, v.v. Về kiến trúc có: mái vòm của giáo đường Saint Peter ở Roma, thư viện Midicis, v.v.

MICHELLOZZO DI BARTOLOMEO (1396-1472) Kiến trúc sư Italia thời kỳ Sơ Phục Hưng. Mở xưởng trang trí kiến trúc (1433-38), xây dựng nhiều nhà thờ, công trình tưởng niệm, biệt thự gần Flôrenxia.

MICHELUCCI, J. (1891- ?) Kiến trúc sư Italia, đại diện của xu hướng Duy lý, phát triển đến kiến trúc Hữu cơ. Công trình tiêu biểu: ga trung tâm ở Flôrenxia (1930-36), trung tâm Xanh Jôvani (1964).

MIDÔYAN A.A. (1909-1966) Kiến trúc sư Nga. Xây dựng các nhà ở cao tầng tại quảng trường Vokpitanie (1950-54), Cung Đại hội điện Kremli, thiết kế xây dựng nhà trên đại lộ Kalinin (1964-69), trụ sở SEV (1969), rạp chiếu phim Tháng Mười (1967), nhiều cửa hàng và nhà ăn khác.

MIES VAN DER ROHE, LUDWIG (1886-1969) Kiến trúc sư Đức, là người tiên phong của xu hướng Tân Cổ điển (1910), cộng tác với Rait và Berlag, có chú trọng xu hướng Công năng, sau lại chịu ảnh hưởng của nhóm Still (Hà Lan). Thiết kế thí điểm nhiều công trình có hình thức gây ấn tượng (1919-24), các mẫu nhà ở khung thép (khoảng các

năm 20) có mặt bằng chuyển đổi được. Trong thiết kế nhà Tughenhatt ở Brno (1930) đã sử dụng các vách ngăn trong không gian duy nhất. Từ năm 1938 làm việc tại Mỹ. Đề xướng “kiến trúc vạn năng”, nghĩa là một không gian duy nhất sec cho nhiều khả năng bố cục nội thất (khoảng các năm 40-50), xây dựng nhà cao tầng, hình khối đơn giản tại Chicago (1957), nhà học khoa kiến trúc Học viện Illinois (1955), Chigem Building ở New York (1956-58), trung tâm Dominion ở Toronto (tường kính, khung kim loại, 1967). Các sáng tác của ông trong thời kỳ này có ảnh hưởng đến giới kiến trúc sư ở Mỹ và Tây Âu.

MIKHAILOV A.A. (1773-1849). KTS Nga, đại diện của xu hướng Cổ điển thế kỷ 19; tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc của kiến trúc Cổ đại. Chỉ đạo xây dựng Peterburg (1816), tham gia thiết kế nhà thờ Ixaakievki ở Peterburg (1820-24), nhà hát lớn ở Moxkva. Nghiên cứu thiết kế các mẫu nhà ở tư nhân.

MILLS, ROBERT (1781-1855). Một trong những bộ mặt nổi trội của phong cách Tân Hy Lạp tại Mỹ. Học kiến trúc ở trường đại học tỉnh nhà rồi làm việc cho kiến trúc sư Ailen James Hoban, cùng với Thomas Jefferson. Tác phẩm đầu tay: nhà thờ tròn ở Charleston (1804), Sansom Street Baptist (1808) và Octagon Unitarian (1813). Từ 1808 đến 1817, ông làm việc tại Philadelphie và xây dựng nhà tù ở Burlington, cầu Upper Ferry trên sông Schuylkill (là một cửa ngõ thế giới quan trong khi đó), đài tưởng niệm Washington ở Baltimore (1815-29) có dạng một cột đoric duy nhất, nhà thờ First Baptist và nhiều công trình khác ở Baltimore. Năm 1820, Mills được cử làm ủy viên Hội đồng công chính tại Nam Caroline. Trong những năm 1830, ông được gọi về Washington để thực hiện nhiều công trình của chính phủ với tư cách là kiến trúc sư về công trình công cộng: nhà kho bạc (1836), cơ quan sáng chế (1836-40), nhà bưu điện (1839). Công trình nổi tiếng là đài tưởng niệm Washington ở thủ đô, hoàn thành năm 1884.

MINCU ION (1852-1912) Kiến trúc sư Rumani. Cha đẻ của kiến trúc Dân tộc và kiến trúc thời Trung kỷ. Công trình tiêu biểu: Buphêton ở Bucarest.

MINKUX M.A. (1905-1963) Kiến trúc sư Nga. Cùng với các tác giả khác thiết kế nhà ở và trụ sở cao tầng tại quảng trường Xmolenxk (1948-52) và Cầu Đá (1936-38) ở Moxkva, nhà Đại diện Thương mại Liên Xô ở Niu Đêli (1956-59).

MISURIN L.F. (1700-1763) Kiến trúc sư Nga. Lập tổng sơ đồ thành phố Moxkva (1731), tham gia khôi phục nhà thờ Nôvôyêruxalimxk và chuẩn bị xây dựng tháp chuông Trôixe-Xecghêva. Tác phẩm của ông chú trọng kết hợp các cột thức cổ điển với hình thức kiến trúc thời Tiên Pêtrôvsk.

MOHR (1835-1918) Giáo sư kỹ thuật Đức, người phát minh nhiều phương pháp họa đồ để giải các bài toán về sức bền vật liệu. Ví dụ: phương pháp xác định các trục quán tính chính và các mômen quán tính chính dựa trên hai trục trục giao bất kỳ, cách vẽ đường tròn Mohr để tìm các ứng suất chính tại một điểm ở trong trạng thái chịu ứng suất pháp và ứng suất tiếp. Định lý Mohr để xác định góc xoay và độ võng của dầm dựa vào tải trọng ảo là tải trọng có dạng như biểu đồ mômen uốn thực tế.

MØLLER, C.F. (1898-?) KTS Đan Mạch. Học tại Hàn lâm viên hoàng gia Copenhagen, chủ yếu theo xu hướng lãng mạn. Công trình tiêu biểu : trường đại học Aarhus. Hầu hết công trình của ông trước chiến tranh đã bị hư hại vì bom đạn. Những công trình sau này của ông sáng tác trên cơ sở hình thức kiến trúc truyền thống Đan Mạch, với gạch màu vàng và trang trí bằng gờ bê tông nổi, nội thất đẹp đẽ tráng lệ bậc nhất ở thời đó.

MONGE, GASPARD (1746-1818) Nhà toán học nổi tiếng người Pháp, học tại trường quân sự Mézières, sau trở thành giáo sư toán học tại đây. Ông để lại nhiều công trình về hình học, trong đó giáo trình hình học họa hình in năm 1795 là tác phẩm nổi tiếng nhất.

Là người sáng lập ra trường Đại học Bách khoa Paris. Phương pháp hình chiếu thẳng góc mang tên ông là chuyên ngành quan trọng, là cơ sở để thiết lập các bản vẽ kỹ thuật.

MONTFERRAND AUGUST RICARD (1786-1858) Kiến trúc sư Nga gốc Pháp, hành nghề tại Pêtechua, theo xu hướng Cổ điển, sau chuyển sang Duy lý. Công trình tiêu biểu: Nhà thờ Ixaakievski, tháp chuông Alekxandropxki, nhà Lobanov-Rotovxki (1817-20). Xây dựng “ Gian Tròn” của Cung điện Mùa Đông (1827-30).

MONTUORI, EUGENIO (1907-?). KTS Italia, hành nghề ở Roma và vùng phụ cận. Chỉ đạo một nhóm kiến trúc sư khôi phục nhà ga Termini ở Roma (1950). Đây là một công trình theo xu hướng biểu cảm, mặt chính trang trọng với dải cửa sổ băng và lối cửa vào dùng nhôm kính. Năm 1934, được cử làm kiến trúc sư và nhà quy hoạch của thành phố Sabaudia, do Mussolini mới thành lập trong khu đầm lầy Pontins.

MORĐVINOV A.G. (1896-1964) Kiến trúc sư Nga. Là người sáng tạo phương pháp xây dựng nhà ở theo dây chuyền nhanh tại Moxkva trên phố Gorki (1937-40) và các phố khác. Một trong các tác giả thiết kế khách sạn cao tầng Ukraina (1957). Chỉ đạo quy hoạch xây dựng khu trung tâm vùng Cheremuxki (1956-64), đại lộ Komxômolxki (1958-65). Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Liên Xô (1950-55). Giải thưởng Quốc gia (1941, 1949).

kiện nối có: mối nối đối đầu so le, mối nối đỉnh, mối nối góc, v.v. (E: joint mosaic).

MOSER, CARL (1860-1936). KTS và giáo sư Thụy sĩ, nổi tiếng về các kiến trúc nhà thờ. Theo học trường trung cấp kỹ thuật ở Zurich và trường Mỹ thuật ở Paris. Từ 1915 giảng dạy kỹ thuật ở Zurich. Công trình tiêu biểu: nhà thờ Saint-Antoine ở Bâle (1926-27), lâu đài nghệ thuật ở Zurich (1910), nhà ga ở Bâle (1912), trường đại học Zurich (1914). Ông còn là chủ tịch đầu tiên của Công hội kiến trúc sư hiện đại quốc tế (CIAM), thành lập năm 1928.

MOUNTFORD, EDWARD WILLIAM (1855-1908). KTS Anh, người thay đổi xu hướng từ Tân Phục hưng sang Tân barôc. Học việc ở hãng Habershon & Pite (1872) và vào nghề từ 1881. Ban đầu, xây dựng nhiều nhà ở ngoại thành phía đông-nam London, trong đó phải kể: thư viện công cộng Battersea trên đồi Lavender (1888), trường Bách khoa Battersea, khách sạn thành phố Battersea (1891-94), và hai nhà thờ. Thời gian sau này ông xây dựng và khôi phục nhiều công trình khác, đáng kể có tòa án và sân hình sụ của Old Bailey, London (1902). Đây là công trình tiêu biểu của barôc Anh.

MURADOV S. (1880-1957) Kiến trúc sư, họa sĩ, nhà hoạt động nghệ thuật Công huân Uzbêkixtan. Phát triển nghệ thuật trang trí truyền thống nhằm áp dụng trong thiết kế nhà ở (1895-1910), thiết kế nhà triển lãm của Uzbêkixtan và Turmêni ở Moxkva cùng với các kiến trúc sư khác (1938), một trong các tác giả trang trí cho nhà hát opêra và balet Navôi ở Taxkent (giải thưởng Lênin, 1947), lăng Khămza-Khakimzat (1949).

MURANO, TOGO (1891-?). KTS Nhật Bản. Một trong những người chịu ảnh hưởng bởi những trào lưu hiện đại đang phát triển ở châu Âu vào những năm 1920. Cửa hàng lớn Sogo ở Osaka (1925) là công trình hiện đại đầu tiên ở thành phố này và cả ở Nhật Bản. Tác phẩm này của ông tham khảo khách sạn của Frank Lloyd Wright và một tác phẩm khác của Antonin Raymond. Các tác phẩm nổi tiếng khác của Murano: nhà thờ cơ đốc giáo ở Hiroshima (1955), hội trường thành phố Yonago (1960), khách sạn Miyako ở Tokyo (1960) và nhiều công trình thương mại, thị chính và giáo dục khác nữa.

MYLNE, ROBERT (1734-1811). Ông có khả năng của một kỹ sư hơn là một kiến trúc sư, là người cổ súy cho phong cách Tân cổ điển Anh, tiếp theo thế hệ của Adam và Chambers. Ông qua Paris để học kiến trúc, rồi làm việc 4 năm ở Italia, thiết kế những

đền đài hy lạp tại Sicile. Năm 1759, trở thành người Anh đầu tiên được được tặng thưởng huy chương của Viện hàn lâm Saint-Luc ở Roma. Trở về London 1759, và chính năm này dự án thiết kế cầu Blackfriars trên sông Thames được chấp nhận. Ông còn xây dựng nhiều cầu và cảng khác. Ông trở thành kỹ sư của công ty New River và thanh tra xây dựng nhà thờ St Paul và Canterbury.

N

NASH, JOHN (1752-1835). KTS Anh, có các tác phẩm gắn liền với tổng sơ đồ quy hoạch mới vùng Cận tây London và thiết kế công viên Regent. Học việc tại các phòng làm việc rất cổ điển của Sir Robert Taylor, ít lâu sau ông đã tự hành nghề một cách mau chóng và thành công. Năm 1812, Nash đã xây dựng đến bốn mươi ngôi nhà ở nông thôn theo phong cách gô-tích, cổ điển hoặc Italia, tại những vùng đảo Anh. Năm 54 tuổi, ông được cử làm kiến trúc sư quản lý rừng (1806). Trong những năm sau đó, ông còn thực hiện quy hoạch phát triển vùng bắc Porland, London, xây dựng trang trại Marybone. Năm 1812, ông tham gia xây dựng hàng loạt ngôi nhà đầu tiên ở Công viên Regent bằng gạch và thạch cao sơn giả đá. Chính tại đây, ông đã thể hiện được tài năng của một chuyên gia thiết kế phong cảnh.

NASOLI, NICOLAU (1691-1773). KTS Italia, hành nghề ở bắc Bồ Đào Nha và ứng dụng kiến trúc truyền thống Italia tại đây. Ông trở thành họa sĩ và kiến trúc sư ở Sienne. Từ 1725 đến Porto và lưu lại đây đến cuối đời. Không thể xem ông là một kiến trúc sư barôc được chỉ vì ông sử dụng nhiều chi tiết trang trí trong công trình của mình. Ông mô phỏng phong cách truyền thống florence, nói đúng hơn là Buontalenti, khai thác triệt để sự tương phản của đá granit xẫm với thạch cao trắng. Bên cạnh việc xử lý bề mặt, kiến trúc của Nasoni rất cổ điển, tuy là chậm với Italia nhưng lại mới lạ ở Bồ Đào Nha. Ông chưa bao giờ xa rời những nguyên tắc của cổ điển trong những tác phẩm của mình.

NAXVITIXU (1928-?) Một họ các nhà kiến trúc sư Litva. Thiết kế khôi phục các nhà công cộng và nội thất. Công trình tiêu biểu : quán café và khách sạn (1960), nhà bưu điện (1969), nhà hát kịch Litva (1981), tất cả đều ở Viniux. Giải thưởng Lênin (1983).

NAZAROV E.X. (1747-1822) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng Cổ điển. Từ 1768 làm việc trong đoàn nghiên cứu Điện Kremli, tham gia xây dựng một số công trình lớn ở đại lộ Mir, nhiều nhà ở khác tại quảng trường Tròn ở Petrozavodsk (1775).

NERVI, PIER LUGI (1891-1979) Kiến trúc sư và kỹ sư Italia, người sáng tạo kết cấu bê tông cốt thép. Đã tiến hành nhiều công trình thí điểm về vật liệu kết cấu hiện đại trong sáng tác của mình, tìm kiếm những tính năng đặc biệt để thể hiện trong nghệ thuật kiến trúc. Đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc thể hiện bố cục không gian lớn (sân vận động ở Florenxia, 1929-32); nghiên cứu hệ thống kết cấu vòm lớn lắp ghép nhiều nhịp bằng các bộ phận bê tông cốt thép hình trám (hãng ga máy bay ở Orbetto, Orbetello, 1935-40). Ông đã thực hiện nhiều công trình bằng ximăng lưới thép và bê tông cốt thép với tính toán kết cấu chính xác, giải pháp không gian hoàn hảo (Cung Lao động ở Turin 1961, tòa nhà UNESCO ở Paris 1957 cùng với các kỹ sư khác). Tòa nhà 32 tầng của hãng Pirelli ở Milan (1956-60) cũng là một trong những công trình tiêu biểu của Nervi.

NEUMANN, BALTHASAR (1687-1753). Một trong những kiến trúc sư nổi tiếng của hậu barôc ở Áo và Đức. Con một gia đình thợ đúc chuông, trước năm 1714, học việc tại xưởng đúc, rồi sau phục vụ tại đội pháo binh của giám mục. Ông phục vụ suốt đời trong quân đội, lên đến hàm đại tá (1741). Từ 1724 đến 1730, Neumann đã tham gia khôi phục, trang trí, xây dựng mới nhiều công trình: nhà ở, pháo đài, nhà thờ, v.v. Trong những năm 1730, ông đã khẳng định được phong cách của mình qua những kinh nghiệm, những cuộc viếng thăm khảo sát ở Praha và Viên. Trong những năm 1740, ông càng thể hiện rõ khả năng của mình: xây dựng ba nhà thờ nhỏ có mái vòm tròn rất đẹp và nhận xây dựng bốn nhà thờ lớn khác, tiếc rằng chưa thực hiện được.

NEUTRA, RICHARD JOSEF (1892-1970). Kiến trúc sư Áo, tốt nghiệp Đại học kỹ thuật Viên (1912) và làm trong xưởng của Adolf Loos, một kiến trúc sư nổi tiếng theo xu hướng Công năng. Trong thế chiến I, ông là một sĩ quan pháo binh; chiến tranh kết thúc, ông sang Đức làm việc cùng kiến trúc sư Erich Mendelsohn. Năm 1923 sang Hoa Kỳ hành nghề. Năm 1924, ông gặp Frank Lloyd Wright, và sau này cùng trở thành các thủ lĩnh của trường phái kiến trúc Hữu cơ. Ông đặc biệt coi trọng coi trọng thiên nhiên quanh công trình kiến trúc và quan niệm rằng hiểu kỹ địa điểm xây dựng sẽ quyết định sự thành công của tác phẩm. Năm 1925, mở hãng thiết kế riêng ở Los Angeles, 1927-1929: xây dựng nhà an dưỡng Lowell tại Los Angeles, năm 1928 thành lập trường nghệ thuật “Viện hàn lâm nghệ thuật hiện đại”, năm 1932 thiết kế xây dựng Research House ở Siver Lake, năm 1936 xây dựng ngôi nhà tháo lắp được bằng gỗ dán và ngôi nhà Joseph Von Sternberg ở San Fernando Valley từ 1936-54 thiết kế xây dựng nhiều công trình, đặc biệt là từ 1949 cộng tác với Robert E. Alexander thiết kế nhà ở cho đến tận cuối đời.

NGÔ HUY QUỲNH (1920-2004) Kiến trúc sư Việt Nam. Năm 1938, thi đậu vào cả hai khoa Mỹ thuật và Kiến trúc của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Hành nghề kiến trúc khi còn là sinh viên năm thứ ba. Tác phẩm đầu tay: biệt thự 84 Nguyễn Du, Hà Nội. Đạt giải thi thiết kế “Đài trận vong chiến sĩ” (1942) cùng với nhà điêu khắc Trần Văn Lắm. Tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật (1943), làm việc tại văn phòng thiết kế của KTS Võ Đức Diên (tác giả nhà Thủy tạ bên Hồ Gươm). Ông nổi tiếng vì việc xây dựng lễ đài Độc Lập (1945), tác phẩm được thiết kế và thi công chỉ trong một ngày đêm và tồn tại rất ngắn, nhưng đi sâu vào lòng người: nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập. Sau này, ông còn tham gia thiết kế Quảng trường Ba Đình, một số phương án thiết kế nhà Quốc Hội và Lăng Bác, giúp nước bạn thiết kế quy hoạch và chỉ đạo xây dựng thành phố Khang Khay, nhà Hội đồng Chính phủ, biệt thự của Hoàng thân Suvana Phuma. Ông tham gia đào tạo đại học và sau đại học, viết nhiều sách về lý luận kiến trúc, quy hoạch. Ông được nhận giải thưởng Nhà nước với cụm tác phẩm “*Lịch sử kiến trúc Việt Nam*”. Là Vụ trưởng vụ Quy hoạch Đô thị nông thôn, Ủy viên Ủy Ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước. Được phong giáo sư đợt 1 năm 1984.

NGÔ VIẾT THỤ (1926-2000) Kiến trúc sư Việt Nam, tốt nghiệp đại học kiến trúc Paris (1950-55). Năm 1958 nhận Giải thưởng Lớn Rôma, từ năm 1960 làm việc tại Saigon (thành phố Hồ Chí Minh) cho tới khi qua đời. Các công trình đã thực hiện: Hội trường Thống Nhất (tức Dinh Độc Lập ở Saigon năm 1962-67), Viện hạt nhân Đà Lạt (1962-65), Khu đại học Thủ Đức (1962), Trường sư phạm Huế, khách sạn Hương Giang I, chợ Đà Lạt (khoảng các năm 1962-65), trụ sở Hàng không Việt Nam ở Saigon (1970), Đại học Nông-Lâm-Súc ở Thr Đức (1974), khách sạn Hương giang II (1985), v.v. Ông nỗ lực học tập và nghiên cứu để trở thành tài năng lớn của giới kiến trúc, rất tận tụy với nghề nghiệp, có tâm hiểu biết văn hóa sâu rộng.

NGUYỄN AN (khoảng cuối thế kỷ 14 - năm 1460) Kiến trúc sư Việt nam, từ nhỏ bị quân nhà Minh bắt sang Trung Quốc. Lớn lên, có tài, được trọng dụng trong việc xây dựng. Đã xây dựng 9 cửa lầu cùng với 9 cầu đá ở 9 cửa và lầu thành Bắc Kinh (1437-1439). Khôi phục 3 điện Phụng Thiên, Hoa Cái, Cảnh Thân và xây dựng mới 2 cung Kiến Thành, Khôn Ninh (1417-21). Năm 1440 xây cất lại 3 điện này sau khi bị hỏa hoạn (tức là tiền thân của 3 điện Thái Hòa, Trung Hòa và Bảo Hòa của Cố Cung ngày nay). Sửa chữa và xây dựng lại mặt ngoài thành nội Bắc Kinh bằng gạch (trước kia đắp đất) vào năm 1445. Có công trong việc trị thủy sông Bồ Cầu (1444) và sông Tái Dương (1456); ngoài ra còn chỉ đạo xây dựng nhà Thái học. Tác phẩm thơ nói về thành đạt trong xây dựng công trình kiến trúc “Doanh kiến kỳ thành”.

NGUYỄN CAO LUYỆN (1907-1987) Kiến trúc sư Việt Nam. Tốt nghiệp khóa III Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1927-32). Giai đoạn 1939-45: thiết kế nhiều biệt thự, cửa hàng ở Hà Nội, Nam Định, Lạng Sơn. Những công trình ở Hà Nội chủ yếu là các biệt thự và nhà ở tại phố Lí Thường Kiệt, Hàn Thuyên, Phan Huy Chú, Đội Cấn, Thuyền Quang, trong đó tiêu biểu là biệt thự ở phố Lí Thường Kiệt (nay là đại sứ quán Cu Ba). Hai tác phẩm đầu tay của ông hiện còn là một bệnh viện nhỏ và một trường học tư thục 2 tầng tại phố Ngõ Trạm và Phụng Hưng, Hà Nội. Giai đoạn 1936-39: đưa ra áp dụng các đồ án nhà ở kiểu “Ánh sáng” dành cho người nghèo, tòa nhà tại phố Nguyễn Thái Học, tòa nhà số 7 Thuyền Quang, 215 Đội Cấn và 38 Bà Triệu. Từ sau 1954, trực tiếp chỉ đạo và tham gia thiết kế Hội trường Ba Đình, khu biệt thự Trung ương Hồ Tây và nhà Triển lãm 25 năm thành lập nước VNDCCH tại Bạch Mai Hà Nội, trụ sở UBND tỉnh Nghĩa Lộ (1960), Bảo tàng cổ vật Nam Định. Công trình của ông đạt tới sự nhuần nhuyễn giữa dân tộc và hiện đại. Tác phẩm : Từ những mái nhà tranh cổ truyền (1977), Chùa Tây Phương – một công trình kiến trúc cổ độc đáo (1987). Thứ trưởng Bộ Kiến trúc từ năm 1954, Cố vấn Hội kiến trúc sư Việt nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 về văn học nghệ thuật.

NGUYỄN NGỌC CHÂN (1911-1990) Kiến trúc sư Việt Nam. Tốt nghiệp kiến trúc sư khóa VII (1931-36) trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Từ 1936-1945: làm việc tại Nha Thương chính, Nha Công chính Đông Dương, rồi trưởng Phòng thiết kế đô thị và công trình ở Đà Lạt . Là một trong 8 kiến trúc sư sáng lập Đoàn Kiến trúc sư Việt nam (1948). Công trình tiêu biểu: thiết kế quy hoạch thị xã Thanh Hóa (1954), các gian hàng triển lãm của Việt Nam tại Hội chợ Quốc tế Poznan (Ba Lan), Plovdiv (Bungari) và Leipzig (Đức) (1955-56), trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, trường Ngân hàng, trường Công đoàn, trụ sở Bộ Nội vụ, trụ sở Bộ Xây dựng và nhiều trụ sở các cơ quan lãnh đạo thuộc Hà Đông, Kiến An, Ninh Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, v.v. Từ năm 1969-75 tham gia thiết kế Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, có phương án gần gũi nhất với phương án được chọn. Đồng tác giả Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh với các kiến trúc sư Liên Xô. Nhiều năm làm Viện trưởng Viện Thiết kế Dân dụng, Bộ Xây dựng.

NGUYỄN VĂN NINH (1908-1975) Kiến trúc sư Việt Nam . Tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khóa II (1926-31). Năm 1932, cùng với Kiến trúc sư Lagisquet cải tạo tòa nhà nay là Câu lạc bộ Ba đình, Hà Nội . Từ năm 1933 hành nghề ở Huế, Sài Gòn và Đà Lạt. Thiết kế nhà nghỉ của Bảo Đại ở Đà Lạt cùng nhiều biệt thự khác, nhà ngân hàng, đồn điền ở Sài Gòn và Đà Lạt (1936-39). Tác giả lễ đài Ba Đình và đài liệt sĩ Ba Đình Hà Nội (1955), nhà sàn Bác Hồ (1957), lễ đài Ba Đình chính thức bằng vật liệu kiên cố (1960). Có khả năng thiết kế thành công các loại công trình, từ kiểu truyền thống, cung đình cho đến kiểu Pháp, nắm vững đặc điểm kiến trúc truyền thống

của Việt Nam và Á Đông, đặc biệt qua công trình “ nhà sàn Bác Hồ” ông đã vận dụng thành công những nguyên tắc và kinh nghiệm thiết kế nhà ở dân gian vào một công trình có quy mô nhỏ những có ý nghĩa trọng đại.

NICCOLINI, ANTONIO (1772-1850). KTS Italia. Ông vẽ mặt chính nhà hát nổi tiếng San Carlo ở Naples (1810-12). Bắt đầu hành nghề ở Florence, rồi làm họa sĩ trang trí nhà hát tại Naples. Công trình nhà hát nêu trên thực là một đài kỷ niệm về Tân cổ điển Italia gây ấn tượng thời đó. Niccolini còn thực hiện việc trang trí khôi phục nội thất cho nhiều lâu đài, biệt thự (1816-20).

NIEMEYER SOARES FILHO, OSCAR (sinh 1907). KTS Brazil, một trong những người sáng lập trường phái kiến trúc Hiện đại Brazil (nhà triển lãm Quốc tế tại Brazil, 1939). Nghiên cứu kết cấu bê tông cốt thép nhằm áp dụng trong kiến trúc, đảm bảo thẩm mỹ, giải pháp mặt bằng tự do, hình thức sinh động và biểu cảm. Đã thể hiện trên nhiều công trình: tổng thể công trình TDTT ở gần Borizonti (1942-43), nhà trẻ, khách sạn ở Rio de Janeiro (1970), viện bảo tàng nghệ thuật ở Caracas, Venezuela (1955-56). Trong đồ án thiết kế thành phố Brasilia, đã thể hiện nhiều hình thức độc đáo của công trình công cộng. Từ những năm 1960,1970, thiết kế xây dựng nhiều công trình khác tại Liban, Pháp, Italia, Angiêri. Giải thưởng Hòa bình Lênin (1963).

NYROP, MARTIN (1849-1921). KTS Đan Mạch, đại diện của xu hướng lãng mạn Đan Mạch. Ông phát triển và làm thay đổi hẳn cả một phong cách bản xứ. Công trình tiêu biểu : khách sạn thành phố Copenhagen (1893-1902) phỏng theo nhiều công trình tương tự của châu Âu.





OCTENBERG, O.U. (1925-?) Kiến trúc sư Nga. Thiết kế xây dựng rạp chiếu phim Ortobrix (1960), cửa hàng Rota (1968), khu tưởng niệm chống phát xít tại Xala Xpilxa (1961-67). Giải thưởng Lenin 1970.

O'GORMAN, JUAN HOAN (1905- ?) Kiến trúc sư Mêhicô, theo xu hướng Công năng. Thiết kế xây dựng 20 trường học (1932-35). Công trình của ông có bố cục khoáng đạt, sử dụng môtip Mêhicô để trang trí; cũng hay dùng mozaic để trang trí mặt ngoài công trình. Những công trình xây dựng trong những năm 50 như Đại học thư viện tại Mêhicô có biểu hiện của xu hướng Hữu cơ.

OHISSON, EDWARD . KTS Thụy Điển cuối thế kỷ 19, sáng tác cùng với Erric Josephson và những người khác ngôi nhà điển hình của giới tư sản Thụy Điển, Ngoài ra còn có: tòa nhà ngân hàng Amalfi và một nhà thờ quy mô lớn đều ở Saltsjobaden.

OLBRICH, JOSEPH MARIA (1867-1908) Kiến trúc sư Áo ,theo xu hướng Hiện đại. Chú trọng các giải pháp kết cấu hợp lý kết hợp với công năng công trình và trang trí. Thay dần các khối gạch đá bằng hình thức kết cấu nhẹ như kính, tường nhẹ. Công trình tiêu biểu: nhà triển lãm ở Damaste (1899), nhà Hội nghị ở Viên (1897-98), nhà các Hoạ sĩ (1899-1901),v.v.

OLIVEIRA, MATEUS VICENTE DE (1710-1786). Công trình tham gia: tu viện ở Maфра, lâu đài hoàng gia ở Queluz (1747-52). Mặt chính của công trình sau này được thể hiện theo rococo Bồ Đào Nha.

OLMSTED, FREDERICK LAW (1822-1903). KTS phong cảnh Mỹ, có vai trò quan trọng trong việc sáng tạo cảnh quan kiến trúc đô thị ở châu Mỹ. Ông theo học kỹ sư xây dựng, tập sự tại một trang trại ở New York, rồi được gửi sang Trung Quốc. Muốn trở thành trại chủ, Olmsted đã học tập rất nghiêm túc về nông nghiệp ở Yale và làm việc như một trại chủ của nhà nước ở New York. Năm 1857, ông được cử làm giám đốc công viên trung tâm ở New York. Được kiến trúc sư người Anh là Calvert Vaux mời cộng tác thi thiết kế công viên và đồ án của họ đã được giải nhất và thực hiện xây dựng. Việc tiếp tục cộng tác thiết kế xây dựng công viên tại Chicago, Bufalo, Montréal, San Francisco và những thành phố khác đã tạo nên một hướng đi quyết định cho việc xây dựng các công viên công cộng ở thế kỷ 19. Sau năm 1872, Olmsted điều hành công ty riêng của mình và đã xây dựng nhiều công viên ở New York, Washington, Boston, các vườn của trường đại học và của khu triển lãm, v.v. Ông có công đào tạo và khẳng định nghề kiến trúc sư phong cảnh tại châu Mỹ.

OPPENORD, GILLES-MARIE (1676-1742) KTS Pháp, con một thợ đóng đồ gỗ Hà Lan. Ông học việc trong xưởng của Hardouin-Mansart ở Versailles và nghiên cứu tại Rome (1692-1699). Ông thể hiện được khả năng nắm bắt thị hiếu của các kiến trúc sư đương thời. Trở về Paris, ông chủ yếu kinh doanh đồ thờ, phục vụ các nhà thờ và phòng trưng bày lớn. Ông cũng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và trang bị cho lâu đài hoàng gia (1715-21).

ORCAGNA A. (1343-1368) Kiến trúc sư kiêm họa sĩ Italia, theo xu hướng Florenti. Tham gia xây dựng nhà thờ tại Orvieto (1359-62) và Florentia (1357-67).

ORLOV G.M. (1901-1985). KTS Nga. Thiết kế tổng thể công trình thủy điện; thể hiện thành công công năng công trình qua hình thức kiến trúc. Tham gia thiết kế khu nhà ở tại Laporozi, chỉ đạo thiết kế vùng Khakhôvka và nhiều công trình thủy điện trên sông Dniep, Volga và Neman (1955-61).

ØSTENBERG, RAGNAR (1866-1945). Xu hướng lãng mạn Thụy Điển đang thống trị thời đó. Ông là họa sĩ, nhà thiết kế và nhà điêu khắc. Công trình kiến trúc quan trọng nhất của ông là khách sạn thành phố Stockholm (1911-23). Nằm bên bờ hồ, chung quanh vô số đảo nhỏ, công trình này lúc nào cũng soi bóng nước. Mặt bằng thiết kế theo kiểu trang trại truyền thống, có sân nhỏ và lớn và nhiều tháp ở các góc, to nhỏ khác nhau. Công trình được trang trí rất phong phú, tường gian lớn giát vàng và mozaic. Ngoại thất thì pha trộn nhiều phong cách khác nhau. Công trình tiêu biểu: trường nam học sinh (1910), trụ sở Bộ sáng chế (1921), bảo tàng lịch sử hàng hải (1934) tất cả đều ở Stockholm, trường học ở Kamar (1935), bảo tàng Zoorn ở Mora (1939) và nhiều nhà tư nhân. Ông còn khôi phục phòng cố vấn của lâu đài Uppsala và là giáo sư khoa nghệ thuật của Stockholm (1922-32).

OTTO, FREI (1925-?). Công trình sư Đức về kết cấu treo và kết cấu mới. Là con và cháu những nhà điêu khắc, ban đầu ông làm thợ nề, nhưng về sau lại quan tâm đến những tấm mỏng phát lên khung nhẹ của mô hình tàu lượn. Sau chiến tranh, trở lại trường đại học kỹ thuật Berlin, với tư cách là phi công học kiến trúc, và khi thăm Mỹ năm 1950, ông nghiên cứu những mái treo. Từ đó, Otto tập trung vào việc làm thế nào che phủ diện tích mặt đất được nhiều mà chỉ phải dùng ít vật liệu nhẹ, cố định hay lưu động. Kết cấu đầu tiên thuộc loại này của ông là một kiốt nhạc ở Kassel (1955), mang bởi một cột duy nhất và những dây cáp. Tiếp đó là một phòng nhảy ở Cologne (1957) và tòa nhà Triển lãm Thụy sĩ tại Lausanne (1964) có hình bóng của một con nhím.. Tòa nhà triển lãm của Đức tại Montréal (1967) gồm một dãy những đường lượn cong khi sử dụng các cột có chiều cao khác nhau để đỡ màng mỏng được chằng giữ bởi dây cáp. Kết cấu này đã bao phủ được diện tích 8.000m². Mái màng mỏng ở sân vận động Olympic tại Munich (1972) bao phủ một diện tích 34.000m², song đó là những diện tích nhỏ bên cạnh kết cấu bơm hơi của Otto, có cáp hoặc không. Phải kể đến một đồ án cho các kho hàng ở Brême có bề mặt che phủ gần 55 ha. Ông sử dụng những mái treo cho một khách sạn ở La Mecque tại Ả-rập Xê-út và một trung tâm hội nghị (1966-75) khi cộng tác với Gutbrod.

OUDE JACOBUS JOHANNES PIETER (1890-1963). Thành viên quan trọng của nhóm De Stijl Hà Lan, là người tiên phong trong quy hoạch Hà Lan. Được đào tạo ở Amsterdam và Delft, ông giúp việc cho Theodor Fisher ở Đức một thời gian ngắn, sau được cử làm kiến trúc sư thành phố Rotterdam (1918-33). Chịu ảnh hưởng của kiến trúc Anh bản xứ thế kỷ 19. Các tác phẩm tiêu biểu: quán cà phê Unis ở Rotterdam (1925), tham gia dự án nhà ở tại Weissenhof, chịu trách nhiệm ba dự án khác về nhà ở và quy hoạch Rotterdam (1919) và nhiều công trình khác. Sau năm 1935, ông hơi ngả về xu hướng công năng, thể hiện trong công trình Shell ở La Haye (1939-46).

P

PAINE, JAMES (1716-1789). KTS Anh. Sống và làm việc ở London, thường liên hệ với Viện hàn lâm St Martin's Lane. Ông xây dựng ở miền bắc nước Anh. Thiết kế nhóm nhà thờ và miếu vạn thần ở Kedleston, Derbyshire (1760), thực hiện xây dựng gian phòng Ai Cập, với khán đài vòng cung ở Worksop (bắt đầu năm 1763). Các công trình khác: pháo đài Wardour (1769-76) Mansion House (1745-48).

PALLADIO ANDREA (1508-1580) Kiến trúc sư, nhà lí luận kiến trúc Italia. Thuở nhỏ làm thợ nề và tạc đá, sau cầm đầu nhóm thợ tại thị trấn Vicenze, xây dựng nhiều công trình cho các nhà quyền quý. Từ năm 1540 chuyên nghiên cứu nhiều công trình tại Roma và tiếp xúc với các tác phẩm lí thuyết kiến trúc của Vitruvius rồi sau đó viết bộ sách “ Bốn cuốn sách về kiến trúc” xuất bản ở Venetia, Italia năm 1570. Đã thực hiện nhiều thể loại công trình: Tòa thị sảnh Publico (Brazilica, 1549), Carita ở Venetia 1560, Rendentore 1576, Le Zitelle 1580; các nhà hát Olympia ở Vicenze 1580, Scanmozzi 1585, các biệt thự Trissimo ở Croli 1536, Piovene ở Lonedo 1542, Pizani ở Bagnolo 1558, Cornado ở Piombino 1560, cầu gỗ qua Cismone, 1567, cầu đá qua Bakignone.

PALUI B.V. (1924-?) Kiến trúc sư Nga. Tham gia thiết kế và xây dựng khu Tây-Nam Moxkva (1951-58), là một trong các tác giả của Cung thiếu nhi và học sinh (1959-63). Từ những năm 1970-1984 thiết kế các công trình : Trung tâm lưu trữ, Đại sứ quán Bungari, nhà làm việc tại quảng trường Dzecjincki, tất cả ở Moxkva; sứ quán Liên Xô tại Mali, lãnh sự quán tại Iran và Nhật.

PAPWORTH, JOHN BUONAROTI (1775-1847). Được biết ở Anh khi ông làm việc tại thành phố Cheltenham. Ông công bố nhiều kết quả nghiên cứu về bệnh khô ruộng kết cấu. Ông đã xây dựng các kho hàng kết cấu kim loại và những mặt trước của cửa hàng lắp toàn kính, cần có phương pháp sản xuất mới. Ông xây dựng nhiều nhà ở nông thôn, biệt thự ở thành phố và hàng loạt nhà công hữu ở ngoại thành London. Phải kể thêm những tòa nhà chất lượng cao ở Cheltenham, Gloucepsellier (1825-26). Công trình cuối cùng là trùng tu miếu vạn thần, một công trình có hàng cột vuông vây xung quanh.

PARLER P. (tk. 14-15) Một họ nhà kiến trúc sư Đức hành nghề tại Tiệp, trong đó có Henrich I.P. (sinh 1310) chuyên xây dựng các nhà thờ, trong đó có nhà thờ Strasbourg (1383).

PARLERGE (1332-1399) Kiến trúc sư và nhà điêu khắc Tiệp gốc Đức. Người sáng lập ra trường phái nghệ thuật Mãn gôthic tại Tiệp. Xây dựng nhà thờ Praha (1356-99) sử dụng vòm nhẹ, cầu Karlov ở Praha (1357-78), nhà thờ ở Kolina (1360-78)

PATOUT, PIERRE (1879-1960). KTS Pháp, đại diện cho xu hướng kiến trúc trung dung giữa kiến trúc hiện đại và hàn lâm. Học mỹ thuật tại xưởng của Pascal (1897-1903). Các công trình đã thực hiện: một nhà trong khu Triển lãm Nghệ thuật trang trí (1925), nhà riêng của họa sĩ Lombard (1928), nhà Voisin (1928), các tòa nhà ở tại phố Docteur-Blanche (1928), cổng Champeret, tòa nhà trên đại lộ Victor ở Paris (1929-34), v.v. Patout còn thực hiện trang trí nội thất cho các thương thuyền : Ile-de-France (1926), Atlantique

(1928-30) và Normandie (1934-35). Là kiến trúc sư trưởng công trình khôi phục thư viện ở phố Nationale.

PASSER A. (?-1637) Kiến trúc sư Hà Lan, làm việc tại Talin. Xây dựng một số công trình có mặt ngoài trang trí kiểu Hà Lan truyền thống tại Talin.

PAXTON JOSEPH (1803-1865) Người sáng tạo công trình có mái răng cưa do có khả năng quan sát nhạy bén và sáng tạo trong quá trình xây dựng, thực nghiệm nhà kính trồng rau tại Chatsworth (Anh). Năm 1851, ông được nhận giải thưởng về dự án làm nhà kính tại Hội chợ triển lãm quốc tế London. Công trình có quy mô rất lớn với mặt bằng hình chữ nhật 124x564m, trong nhà nơi thông tầng cao đến 22,3m, toàn bộ ngôi nhà lắp bằng 3220 cột gang đúc, 2141 dầm rỗng cũng bằng gang, tường và mái đều lắp kính, xây dựng trong 17 tuần, gọi là “ Cung Thủy tinh”. Công trình này đã mở đường cho loại công trình có không gian lớn tràn đầy ánh sáng tự nhiên, được dựng từ kim loại và kính, xây dựng với tốc độ kỷ lục.

PEARCE, SIR EDWARD LOVET (1699-1733). KTS Ailen, làm việc cho kiến trúc sư Thomas Burgh, xây dựng nhà nghị viện mới, nhà công xã sử dụng phong cách Palladio thời Phục hưng.

PEARSON, JOHN LOUGHBOROUGH (1817-1897). KTS, nhà trang trí Anh, chuyên về nhà thờ. Công trình đầu tay: một số nhà thờ vào loại đẹp nhất ở Anh và một số nhà khác ở nông thôn. Học trò của kiến trúc sư Ignatius Bonomi, sau được Salvin và P. Harwick đào tạo, trước khi có công ty riêng năm 1843. Công trình tiêu biểu: lâu đài Old English ở Salvin và Quar Wood (1857), nhiều nhà thờ (sau 1860), trong đó nổi tiếng là Holy Trinity (1849); bốn nhà thờ gôtic khác là St Peter (1861), St Augaustine (1871), St John Evangelist (1875) và St Michel (1880). Tác phẩm cuối cùng của Pearson là nhà thờ Truro (1880) gồm nhiều tháp bằng granit xám-vàng vươn lên giữa thành phố. Bên trong là những vòm gờ lớn theo kiểu nhà thờ Pháp thế kỷ 13.

PEI, MING IEOH Sinh năm 1917, kiến trúc sư Mỹ gốc Trung Quốc, tốt nghiệp ngành kiến trúc tại học viện công nghệ Massachusetts ở Mỹ năm 1939, làm việc cho một số hãng ở Boston và đến năm 1955 mở văn phòng riêng. Nhiều lần được giải thưởng quốc gia Mỹ về kiến trúc. Có nhiều công trình nổi tiếng xây dựng ở trong và ngoài nước: mở rộng Viện bảo tàng nghệ thuật hiện đại Hoa kỳ ở thủ đô Washington D.C, khách sạn hiện đại ở Bắc Kinh thủ đô Trung Quốc, công trình cải tạo và mở rộng bảo tàng Louvre ở thủ đô Paris (1985-90) và rất nhiều công trình khác.

PENNETHORNE, SIR JAMES (1801-1871). KTS và nhà quy hoạch Anh theo xu hướng cổ điển lãng mạn của Nash. Làm việc ở công ty của Nash tại London (1820), học tập tại đây và du lịch châu Âu. Năm 1845 đứng ra làm việc riêng, hợp tác với Cục quản lý nước và rừng. Từ năm 1840, phụ trách ban thu thuế đất. Trở thành trợ lý của Nash trong mười năm sau này và thực hiện nhiều công trình công cộng, đường phố và công viên.

PERCIER CHARLES & FONTAINE, PIERRE-LÉONARD. Percier (1764-1838), Fontaine (1762-1854) là những kiến trúc sư ,những người sáng tác và trang trí nội thất theo phong cách Đế chế được Napoléon ưu ái. Sinh tại Pháp, họ học ở trường Mỹ thuật (1786) rồi cùng sang Italia học kiến trúc trong 3 năm . Trở về Pháp, họ trang trí nội thất nhà hát vũ kịch và các dinh thự tư nhân. Từ năm 1799, phục vụ Napoléon. Các công trình tiêu biểu: Malmaison, lâu đài Compiègne, lâu đài ở Chaillot (1811). Họ cũng xây dựng khải hoàn môn ở Carrousel trên đường vào lâu đài hoàng đế ở Tuileries (1806-08). Đây là công trình kiến trúc được đặc biệt chú ý thời bấy giờ, cũng như khải hoàn môn ở quảng trường Ngôi sao của Chalgrin. Ngoài ra, phải kể đến nhiều ngôi nhà xây dựng trên

các phố Rivoli và Castiglione ở Paris (bắt đầu 1801) có phong cách Tân cổ điển, hay việc tu bổ nội thất Louvre (1818-25) và vẽ nhà thờ giải oan (1816-26) có mặt bằng chữ thập Hy Lạp, cũng theo phong cách thuần túy Tân cổ điển.

PERETIAKOVITS M.M. (1872-1916) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng Tân cổ điển. Đặc điểm công trình của ông: hoành tráng, chịu ảnh hưởng của kiến trúc Phục Hưng (nhà Ngân hàng ở Leningrat-1912) hoặc kiến trúc Đế chế Nga (nhà Ngân hàng Quốc gia ở Rostov-na-Đôn-1947).

PERRET, AUGUSTE (1874-1954) Kiến trúc sư Pháp hành nghề ở Paris. Đi sâu nghiên cứu kết cấu công trình, là người đầu tiên thiết kế xây dựng nhà khung bê tông cốt thép có mặt bằng và không gian cơ động tại Paris. Tác phẩm tiêu biểu : nhà ở tại đường phố Franklin (1903), gara ô tô ở đường Ponthieu (1905), nhg hát Champs Elysées (1911-13), bảo tàng những công trình công cộng ở Paris (1937), các đồ án tái thiết Amiens và Le Havre (1949-56), hãng ga máy bay ở Marseille (1950).

PERUZZI BALDASSARE (1481-1536) Kiến trúc sư Italia, cùng với Bramante và Raphael xây dựng nhà thờ Pie tại Roma. Trong sáng tác, tuân theo những nguyên tắc của Tiên Phục Hưng kết hợp với xu thế của Tân Phong Cách. Thiết kế biệt thự Famezin (1509-11), lâu đài Maximo tại Roma.

PIACENTINI (1596-1669) Kiến trúc sư Italia, đại diện của xu hướng Tân Cổ điển . Tiếp thu có hệ thống kiến trúc Cổ điển trong bố cục nhịp điệu của các hàng cột, tháp nhiều tầng. Công trình tiêu biểu : trường đại học thành phố, triển lãm Quốc tế xây dựng tại Roma (1937), Vittoria tại Breche (1932).

PIETRO DA CARTONA (1881-1960) Kiến trúc sư kiêm họa sĩ Italia, đại diện của Mãn Barôc chịu ảnh hưởng của Michenlangello, Raphael. Công trình tiêu biểu: lâu đài Barberini ở Roma (1633-36); xây dựng phòng khán giả sử dụng ánh sáng tự nhiên.

PIRANESE, GIOVANI BATTISTA (1720-1778) Kiến trúc sư và họa sĩ Italia, chịu ảnh hưởng của xu hướng kiến trúc Cổ đại và nghệ thuật Barôc. Trong thiết kế xây dựng chú trọng tạo không gian lớn, sử dụng điêu khắc trong trang trí kiến trúc, màu sắc tương phản. Kiến trúc của ông đã gây được ảnh hưởng tới phong cách Đế chế.

PISANO N. (1220-1284) Kiến trúc sư và nhà điêu khắc Italia. Một trong những người sáng lập Đối Phục Hưng. Công trình để lại : nhà thờ Sien, chịu ảnh hưởng của gôtic Pháp.

PITE, ARTHUR BERESFORD (1861-1934). KTS Anh, theo xu hướng Tân phục hưng. Theo học đại học và Viện hàn lâm hoàng gia, sau làm việc ở văn phòng của John Belcher (1881-1897). Tác phẩm đầu tay: nhà thờ cơ đốc giáo ở Brixton, theo phong cách Byzantin (1898). Các công trình khác: mặt chính cửa hàng Pagani, nhà thờ Kampala theo phong cách gôtic Italia. Giảng dạy tại Trường Nghệ thuật hoàng gia (1900-23), làm trưởng khoa kiến trúc tại trường xây dựng ở Brixton, sau còn giảng dạy ở Cambridge.

PLECNIK I. (1872-1957) Kiến trúc sư Xlôvacki, người sáng lập trường phái kiến trúc Xôvacki thế kỷ 20, cải biến từ xu hướng Lãng mạn dân tộc sang xu hướng Công năng. Công trình tiêu biểu : nhà Zakhelov (1905), Dukha (1911), thư viện đại học ở Liublianhit. Khôi phục khu Gradchan ở Praha (1920).

PNIEWSKI B. (1897-1965) Kiến trúc sư Ba Lan, một trong những người sáng lập trường phái kiến trúc Ba Lan thế kỷ 20, kết hợp Tân Cổ Điển với Công năng Các công trình của ông như nhà ở tại phố Klonôva (1937), nhà nông thôn (1957-65) có hình thức thích hợp, hình khối khoáng đạt.

POELART, JOSEPH (1817-1679). KTS tại tòa án Bruxelles. Theo học Francois Huyot, một kiến trúc sư theo phong cách Tân cổ điển. Công trình tham gia đầu tiên là nhà thờ gôthic Notre-Dame ở Laeken (1854-72). Trụ sở tòa án cũng là một công trình khá lớn của thế kỷ 19, ông phải mất gần 20 năm để xây dựng (1866-83). Đây là một ví dụ điển hình về kiến trúc công sở thời bấy giờ, biểu hiện được quyền lực và sự vững bền của Nhà nước. Giữa thế kỷ, Poelart có xu hướng ngả về chiết trung: một sự pha trộn giữa cổ điển Hy-La với Ai Cập phương đông, thể hiện ở những công trình có khối vuông nặng nề, cầu thang và hành lang rộng.

POELZIG HANS (1869-1936) Kiến trúc sư Đức, có xu hướng Lãng mạn, sau pha chút Ấn tượng, có ảnh hưởng đến thế hệ Kiến trúc sư sau này của Đức. Công trình tiêu biểu: nhà hát lớn Berlin (1919).

POKHÔKHIN M.B. (1910-?) Kiến trúc sư Nga. Tham gia khôi phục Moxkva, áp dụng di sản kiến trúc cổ điển, công trình có hình khối không gian rành mạch, nghiên cứu xây dựng nhà tắm lớn và nhà khung (cuối thập kỷ 50). Xây dựng Cung Đại hội điện Kremli (1961), xây dựng đường Kalinin và tổng thể công trình SEV (1964-69), triển lãm quốc tế ở Montreal và Osaka (1967-70). Viện sĩ Hàn lâm Kiến trúc Liên Xô.

POKROVSKI B.A. (1871-1931) Kiến trúc sư Nga. Công trình tiêu biểu: đền tưởng niệm Leipzig (1912-13), nhà kho bạc Moxkva (1914), ngân hàng ở Gorki (1913). Tham gia thiết kế nhà máy thủy điện trên sông Vonga (1926). Chú trọng kết hợp kiến trúc dân gian với phong cách hiện đại.

POLLACK MICHAEL (1773-1855) Kiến trúc sư Hung, theo xu hướng Cổ điển. Tác phẩm chính: Viện huấn luyện quân sự (1829-35), bảo tàng quốc gia (1837-47). Công trình mang tính chất hoành tráng, có mặt chính khoáng đạt, sinh động.

POLYAKOV L.M. (1906-1965) Kiến trúc sư Nga. Thiết kế nhiều loại công trình dân dụng. Chú trọng về hình thức trang trí, đôi khi xem nhẹ yêu cầu công năng. Công trình tiêu biểu: nhà hát tại Arbat các ga metro Kurxkaya (1938), Oktyabrskaya (1950), Arbatxkaya (1953), khách sạn Leningradskaia, tất cả đều ở Moxkva. Tham gia xây dựng kênh đào Vonga-Don.

POLYANSKI A.T. (1928-?) Kiến trúc sư Nga. Công trình của ông có bố cục đa dạng, nhịp điệu và hình thức nghiêm ngặt: tòa nhà Triển Lãm Liên xô tại Bruxen (1958), tổng thể công trình Artek và khách sạn bên bờ Hắc Hải, tổng thể Cung Olympic Thanh niên ở Moxkva (1981). Viện sĩ Viện Hàn lâm Kiến trúc Liên Xô. Giải thưởng Quốc gia (1967).

POLYKLEITOS (Tk. 4 tCn) Kiến trúc sư Hy Lạp. Thiết kế nhà hát 14 ngàn chỗ (350-330 tCn). Công trình được giải quyết tốt về âm thanh, bố cục hài hòa, gắn liền chặt chẽ với cảnh quan.

POLYME (vl) Chất hình thành do sự kết hợp với nhau của những đơn vị hóa học đơn giản cơ bản trong một mẫu hình đều đặn. Thường dựa trên cơ sở hệ cacbon hoặc dựa trên các nguyên tử silic và ôxy (E: polymer).

POMERANTSEV A.N. (1848-1918) Kiến trúc sư Nga Xây dựng cửa hàng tại Moxkva (nay là GUM), đền tưởng niệm Nevski ở Sochi (1904-12). Công trình sử dụng kết cấu thép khẩu độ lớn, kết hợp với hình thức trang trí hài hòa.

PONTI, GIO (1891-1979) Kiến trúc sư và họa sĩ Italia, theo xu hướng “Siêu nghệ thuật” với quan điểm thống nhất mọi hoạt động của con người trong việc sáng tạo môi trường nghệ thuật ở xung quanh, chịu ảnh hưởng của xu hướng Tân Cổ điển. Công trình tiêu biểu: nhà văn phòng của Công ty Pirelli ở Milan (1956).

POPPELMANN MATTHAUS DANIEL (1662-1736) Kiến trúc sư Đức, hành nghề tại Dresden từ năm 1686. Tác phẩm chính : lâu đài Svingle ở Dresden (1772). Chú trọng mặt bằng theo kiến trúc Cổ điển, kết hợp với hình khối cơ động của Barôc. Đôi khi đưa vào các chi tiết trang trí của Rôcôcô.

PORTA, GIACOMO DELLA (1540-1602) Kiến trúc sư Italia . Học trò Mikenlangelo, là người cải biên kiến trúc Phục Hưng. Chỉ đạo xây dựng nhà thờ Pie (từ 1573), đưa mái cupôn elip vào sử dụng. Tham gia xây dựng quảng trường Capitol (1563), xây dựng trường đại học ở Roma và một số biệt thự khác.

POST, GEORGE BROWNE (1837-1913). KTS Mỹ, sinh tại New York, có đóng góp lớn vào việc phát triển kiến trúc thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Tốt nghiệp kỹ sư xây dựng tại trường đại học New York (1858) và làm việc ở văn phòng của Richard Morris Hunt. Năm 1860, vào quân đội và kết thúc chiến tranh thì mở công ty riêng của mình. Ông là kiến trúc sư cố vấn về xây dựng của công ty bảo hiểm nhân thọ Gilman & Kendall ở New York (1868-70). Công trình tiêu biểu : tòa nhà lớn Williamsburg của ngân hàng tại Brooklyn (1874), các tòa nhà New York Produce Exchange (1881-85), Western Union (1873-75), Cotton Exchange(1886) Havemeyer (1991-93) và New York Stock Exchange (1904). Khách sạn Statler Hotel ở Cleveland (1911) là một trong những công trình quan trọng cuối cùng của ông.

POST, PIETER (1608-1669). KTS Hà Lan, theo xu hướng cổ điển Hà Lan. Làm việc cho công ty Frédéric Henri ở Hà Lan (1637-51). Công trình tiêu biểu : Huis ten Bosch (1645), tòa thị chính ở La Haye (1652-58), khách sạn thành phố Maastricht (1659-64) và nhiều tòa nhà ở khác ở La Haye, Gouda,v.v.

PRANDTAUER, JACOB (1658-1726). KTS barôc nổi tiếng của Áo. Như cha mình, ban đầu là thợ nề, nhưng sau trở thành nhà điêu khắc (1689). Ông theo học thiết kế khi có yêu cầu khôi phục nhà thờ (1702-14) , tu viện (1714) và nhiều công trình khác.

PROUVÉ, JEAN (1901-?). Nhà sáng tạo Pháp các kết cấu tiền chế. Sinh sống gần Nancy và hành nghề thợ sắt, sau làm trong xưởng sản xuất tôn và thép xây dựng. Do có sự đặt hàng các cấu kiện bằng thép của các kiến trúc sư Mallet-Stevens, Beaudouin, Lods,v.v. và Le Corbusier tại đây, ông đã trở thành người tiên phong trong việc sản xuất nhà bằng kim loại có thể di chuyển được. Về sau, Prouvé đã tập hợp được các kiến trúc sư trẻ và cộng tác viên cùng làm việc trong xưởng của mình. Trở thành kỹ sư cố vấn (1953).

PRYIMAK B.I. (1909-?) Kiến trúc sư Nga. Thiết lập tổng sơ đồ Kréatik, nhà ở tại quảng trường Tôlxtoi. Trung tâm bưu điện, khách Moxkva (1954-61), ga xe điện ngầm “ Zavod Bolchevitx” (1963) và “ Nivki” (1972).

PUGET P. (1620-1694) Kiến trúc sư, nhà điêu khắc Pháp, đại diện của xu hướng Ba rôc, hoạt động tại Italia và Pháp. Trang trí mặt ngoài các công trình ở Toulon (1656-57). Louvre (1670-83), bao tàng Lonchan ở Marseilles (1655).

PUGIN, AUGUSTUS WELBY NORTHMORE (1812-1852). Nhà văn, học giả, kiến trúc sư Anh. Ngay khi còn trẻ, đã vẽ những ngôi nhà với chi tiết kiến trúc để minh họa trong sách của người cha, chẳng hạn :cuốn “ Các ví dụ về kiến trúc gôtic”(1828-38), “đồ đạc gôtic” (1827). Sau này ông được đặt vẽ” đồ đạc trong lâu đài Winsor”(1827). Năm 1829-31, ông chỉ đạo xưởng riêng của mình, chuyên sản xuất đồ đạc và tượng trong kiến trúc bằng đá và gỗ. Nhiều cuốn sách mang tính chất giáo khoa vềkiến trúc của ông đã được xuất bản:” Đồ đạc gôtic theo phong cách thế kỷ 15” (1835), “ Các chi tiết của nhà gỗ thời xưa” (1836), “ Thiết kế chi tiết để làm bằng sắt và đồng”(1836), “Thiết kế

chi tiết để làm bằng vàng và bạc”(1836), “Những nguyên tắc chính trong kiến trúc cơ đốc giáo” (1841), v.v. Ông còn là người xây dựng nhiều nhà thờ nhất (1839-52).

Q

QUARENGI, GIACOMO (1744-1817) Kiến trúc sư Nga, gốc Italia. Theo xu hướng cổ điển cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19. Thiết kế nhiều công trình công cộng ở St. Petersbourg, trong đó có nhà Ngân hàng quốc gia (1783-88), viện Hàn lâm khoa học (1783-87), học viện Catherine (1806-07), nhiều lâu đài, đặc biệt nổi tiếng là Viện Xmôlnui (1806-08) với các giải pháp mặt bằng rành mạch, bố cục hình khối phân minh, hình thức hoành tráng.

R

RAINALDI, CARLO (1611-1691). Là một trong những KTS quan trọng nhất theo xu hướng kiến trúc barôc Roma. Con của một kiến trúc hành nghề ở bắc Italia. Ông xây dựng nhiều nhà thờ, trong đó thường sử dụng giải pháp mặt chính có nhiều nhóm cột lớn, bên trong được chiếu sáng trên tập trung từ mái vòm tròn, chẳng hạn nhà thờ S. Maria ở Campitelli.

RAFFAELLO, SANZIO (1483-1520). Một trong bốn nhà sáng tạo lớn nhất của kiến trúc Phục hưng Italia, là KTS và họa sĩ. Ông thiết kế các nhà thờ Saint Pierre (1509), Saint Eligio (1514), lâu đài Pandolfini ở Florence (1520), biệt thự Madama (1517). Cùng với Romano Giulio, trang trí hoàn toàn mái vòm tròn bằng phù điêu thạch cao trắng, phỏng theo môtip Nhà Vàng ở Néron.

RAIT, WRIGHT FRANK LLOYD (1896-1959) Kiến trúc sư Mỹ, người sáng lập và lãnh đạo trường phái kiến trúc Hữu cơ. Những công trình đầu tay có mặt bằng đối xứng, tiếp sau đó là các giải pháp có tính lãng mạn-ấn tượng : nhà Charli ở Chicago (1891) Sau năm 1893 xu hướng lãng mạn biểu hiện rõ nét hơn. Từ khi hành nghề độc lập đã xây dựng hàng loạt nhà ở có vườn ở ngoại thành, nhà ở tại bang Illinois (1902). Chịu ảnh hưởng của kiến trúc truyền thống Nhật, lần đầu tiên thực hiện “ hệ thống thống nhất không gian bên trong” (nhà Robi ở Chicago, 1909). Trong những công trình này thường có dải cửa sổ nằm ngang, có sân thượng, gắn liền với cảnh quan bên ngoài. Hình thức kiến trúc gắn liền với việc sử dụng hợp lý vật liệu và kết cấu (nhà Công ty Larkin ở Buffalo, 1905). Đầu thế kỷ 20, đã xây dựng nhà bloc bê tông cốt thép chia mặt nhà bởi các cấu kiện tiêu chuẩn (nhà Milliard ở bang California, 1923). Trong những năm 30, là người lãnh đạo trường phái kiến trúc Hữu cơ (nhà thác nước ở Pensivani, 1936 dựa trên hình thức mô phỏng thiên nhiên). Kết cấu nhà thân tụ bằng bê tông cốt thép có các nhánh sàn công xon (tháp Price ở bang Oklahoma, 1953-56), hàng loạt nhà mở cửa ở góc 60-120°, nhà tổ ong ở California (1937), bảo tàng Gugenheyma ở New York (thiết kế:1943-46, xây dựng : 1956-59).

RASTRELLI BARTOLOMEO (1700-71). KTS Nga gốc Italia, đại diện chính của xu hướng Barôc Secbia thế kỷ 18. Lâu đài Biron ở Ruanda (1736-40), Elgava (1738-40). Quan điểm thiết kế: xét lại truyền thống Barôc Châu Âu theo văn hóa nghệ thuật Nga. Sử dụng mái nhỏ, cột nhỏ, chọn màu sắc tường, môtip trang trí truyền thống (nhà thờ Andreevskaya ở Kiev, 1747), xây dựng Cung Lớn ở Petergof (1747-52). Trong các năm 1750-60, chú trọng nhịp điệu hàng cột, không gian, hình bóng, mặt bằng nghiệm ngặt , thường có hình chữ nhật, như lâu đài Puxkin, Vêronxov (1747-57) và những công trình khác ở Peterburg. Cung điện Mùa Đông và tu viện Xmolnui ở Peterburg là những quần thể kiến trúc lớn ở đô thị mà ông đã tham gia xây dựng.

REIDY, AFFONSO EDUARDO (1909-1964). KTS Brazil, tác giả của một số công trình đẹp nhất ở xứ này. Sinh ở Pháp và tốt nghiệp ở Rio de Janeiro (1930). Trở thành trợ lý của G. Warchavchik, giáo sư kiến trúc. Ông đã hành nghề và giảng dạy thiết kế nhiều loại công trình (những năm 1940-50). Xây dựng nhiều công trình, trong đó có nhà hát

Herme ở Rio (1950), viện bảo tàng Nghệ thuật ở Sao Paulo (1951), viện bảo tàng Nghệ thuật hiện đại ở Rio (1954), v.v.

RENNIE, JOHN (1761-1821). Kỹ sư xây dựng Êcôt, nổi tiếng trong lĩnh vực xây dựng cầu. Ông cũng thực hiện nhiều cầu dẫn nước, kênh, cảng, kho bãi, v.v. Sau khi tốt nghiệp đại học Edimbourg, ông mở phòng thiết kế cùng với Boulton và Watt ở Birmingham về trang bị điện công nghiệp. Công trình tiêu biểu: cầu đá ở Kelso, cầu Waterloo (1817), cầu sắt Southwark (1819) và cầu London.

RENEWICK, JAMES (1818-1895). KTS Mỹ. Công trình nổi tiếng là nhà thờ St Patrick ở New York. Tốt nghiệp đại học Columbia năm 1836. Kỹ sư giám sát xây dựng cầu dẫn nước và hồ chứa nước Croton ở New York. Đã đoạt giải nhất cuộc thi thiết kế nhà thờ Grace ở New York theo phong cách Tân gôtic Anh (1846), được xem là dấu ấn quan trọng của Tân gôtic trong thời kỳ này. Những công trình khác: nhà thờ St Patrick ở đại lộ 5 (1879), học viện Smithsonian (1844-46) và phòng tranh Corcoran (1859) ở Washington, gian lớn của đại học Vassar ở New York (1860), một số trụ sở, nhà hát khác nữa.

RENZO PIANO Sinh năm 1937 ở Genova (Italia), tốt nghiệp khoa kiến trúc đại học Bách khoa Milano năm 1964. Kiến trúc sư là người sáng tạo nhiều công trình kiến trúc rải rác khắp nơi trên thế giới, từ Tòa tháp đa năng ở Sydney (Australia), nhà ga cuối tuyến bay của cảng hàng không Kansai trên vịnh Osaka (Nhật Bản) đến quy hoạch tổng thể cải tạo quảng trường Potsdam ở Berlin (Đức), hay viện bảo tàng quỹ tài trợ Bayeler ở Basel (Thụy Sĩ). Các tác phẩm của Renzo Piano không chỉ gồm nhà ở gia đình, căn hộ chung cư, văn phòng, trung tâm thương mại, bảo tàng, mà còn cả nhà máy, nhà ga hàng không và nhà ga đường sắt, nhà hát, nhà triển lãm, nhà thờ. Chưa hết, ông còn sáng tác cả cầu, tàu thủy, thuyền, xe hơi cũng như thiết kế đồ án quy hoạch đô thị. Các tác phẩm chính của Renzo Piano: tòa nhà văn phòng cho B & B ở Como, Italia (1973), Trung tâm Văn hóa Georges Pompidou và Viện nghiên cứu âm học IRCAM ở Paris (1977), đồ án khôi phục các trung tâm lịch sử Oranto, Italia (1979), nhà ở cho khu Rigo, Perugia Italia (1982), khôi phục các nhà máy của Schlumberger ở Paris (1984), viện bảo tàng sưu tập Menil, Houston, Mỹ (1987), sân bóng đá San Nicola, Bari Italia (1989), các ga xe điện ngầm cho Ansaldo, Genova Italia; trung tâm thương mại Bercy, Pháp (1990), tàu thủy Cruise cho P & O, Mỹ (1991), phòng họp và hòa nhạc Lingotto, Torino, Italia, cảng hàng không quốc tế Kansai Osaka, Nhật bản (1994), trung tâm doanh nghiệp Torino, Italia (1995), v.v. Hàng loạt công trình của ông đã gây sự chú ý về mục tiêu và bao quát về tính đa dạng của quy mô, vật liệu và hình thức, phản ánh sự tổng hợp của nghệ thuật, kiến trúc và kỹ thuật, giải quyết vấn đề sâu rộng, có thể xếp ngang hàng với các nghệ sĩ bậc thầy đồng hương của ông như Leonardo da Vinci và Michelangelo. Kiến trúc sư Renzo Piano đã nhận được nhiều Giải thưởng và Danh hiệu vinh dự từ nhiều nước châu Âu, châu Mỹ, châu Á và UNESCO (từ năm 1978 đến 1997).

REWELL VILJO (1910-1964) Kiến trúc sư Phần Lan, người tiên phong của xu hướng Duy lý ở Phần Lan. Chú trọng bố cục, cấu trúc rõ rệt, thể hiện tính hợp lý về công năng và kết cấu. Phối hợp các bộ phận hình chữ nhật và hình cong một cách hợp lý (tòa thị chính ở Toronto năm 1958, nhà thờ ở Vax năm 1964).

RIBERA, PEDRO DE (1683-1742). KTS Tây Ban Nha, theo xu hướng rocôcô Tây Ban Nha. Bắt đầu hành nghề tại Madrid, dưới sự bảo trợ của tử tước Vadillo, nhà cải tạo đô thị. Ribera là một nhà sáng tạo kiến trúc, thể hiện ở giáo đường Hospicio S. Fernando ở

Madrid (1722), giáo đường Nuestra Senorra ở nhà thờ S. Antonio ở Avila (1731), nhà thờ S. Caetano ở Madrid (1722 và 1737), viện bảo tàng ở Virgen del Puerto (1718),v.v.

RICHARDSON HENRY HOBSON (1838-1886) Kiến trúc sư Mỹ, theo phong cách Lãng mạn. Công trình tiêu biểu: nhà thờ Trinititi ở Boston (1873-77), cửa hàng Marchal Field ở Chicago.

RIETVELD, GERRIT (1884-1964). KTS và thợ đóng đồ gỗ Hà Lan, thành viên của nhóm De Stijl cho đến năm 1931. Làm trong xưởng gỗ của cha từ nhỏ; tại đây đã thiết kế đồ gỗ cho trạm gác lâu đài Zullen từ những tấm ván đơn giản. Từ 1911, mở xưởng riêng và theo học lớp kiến trúc ban đêm . Chính trong thời gian này, Rietvelt đã sáng tác các mẫu đồ gỗ, và chiếc ghế bành “xanh-đỏ” (1924) tại nhà của Schroder . Đó là một mẫu đặc biệt quan trọng, đã minh họa được những nguyên tắc thiết kế màu nêu ra của nhóm Stijl, từ ba màu cơ bản kết hợp với ba màu “ không sắc” là đen, trắng và xám. Rietvel đã cộng tác chặt chẽ với nhiều kiến trúc sư khác trong các đồ án khác nhau (1923-32). Năm 1928, ông là một trong các sáng lập viên của Công hội kiến trúc hiện đại thế giới (CIAM).

RINALDI ANTONIO (1709-1794) KTS Italia, theo xu hướng Barôc và Rococo rồi chuyển sang Cổ điển, hành nghề tại Nga trong những năm đầu của triều đại Catherine II. Tác giả của lâu đài Piôtr III (1758-62), lâu đài Trung Hoa (1762-68), lâu đài ở Gatchin (1766-81), lâu đài Cẩm thạch ở Peterburg (1768-85).

ROBSON, EDWARD ROBERT (1836-1917). KTS Anh, chuyên gia về kiến trúc trường học. Là kiến trúc sư cố vấn của Bộ giáo dục (1889-1904). Xây dựng hàng trăm trường tiểu học, nhất là ở London theo đúng quy chuẩn xây dựng trường học của Anh. Ông xuất bản tập sách ” *Kiến trúc trường học*” vào năm 1874. Robson còn là thanh tra xây dựng nhà thờ Durham và xây dựng một số công trình khác như nhà ở, trụ sở, lâu đài.

ROCELLINO (1409-1464) Một gia đình kiến trúc sư và điêu khắc Italia thời Sơ Phục Hưng, trong đó nổi tiếng là Berardo R. và Antonio R. trong xây dựng Cung Ruchenlai tại Florenxia (1446-51). Tác phẩm chính : quy hoạch và xây dựng thành phố Pienca (từ 1459), lần đầu tiên thể hiện tư tưởng nhân đạo về” một thành phố lí tưởng “: Cung Picolomini, Pienca (1460-64).

RODRIGUEZ, VENTURA (1717-1785). KTS Tây Ban Nha nửa sau thế kỷ 18.

ROJIN I.E. (1908-?) Kiến trúc sư Công huân CHLB Nga. Thiết kế xây dựng ga metro “ Novokuznetxkaya” (1943) và “ Elektrozavodxkaya”(1944), trụ sở sứ quán Liên Xô tại Vacsava (1954-56), tổng thể sân vận động trung ương Lênin (1955-56) và tượng đài Tretyakov (1982) ở Moxkva.

ROOT, JOHN WELLBORN (1850-1891). KTS Mỹ, là cộng tác viên của Daniel Burnham trong việc xây dựng hàng loạt nhà văn phòng lớn tại Chicago. Tốt nghiệp kỹ sư xây dựng ở New York (1869). Làm việc tại công ty Carter, Drake & Wight (1871) ở Chicago. Đơn đặt hàng quan trọng đầu tiên là Montauk Block, Chicago (1882) liên quan đến vấn đề bất động sản văn phòng. Root chuyên viết và nghiên cứu về vấn đề này và đã thiết kế nhiều công trình loại này cho công ty. Các công trình tiếp theo là The Rookery (1886) và Monadnock Building (1889-91). Đặc điểm của kết cấu được thể hiện rõ bởi những bức tường gạch không trang trí nhiều, có độ nghiêng thay đổi như kiến trúc cổ đại Ai Cập. Ông cũng làm một loạt công trình thương mại có kết cấu kim loại : Rand-McNally Building, Women’s Temple và Masonic Temple, đều ở Chicago.

ROSSI KARL IVANOVITCH (1775-1849) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng Mãn Cổ điển. Là một trong những người sáng tạo những quần thể tượng đài lớn ở Pêtecbuga trên

cơ sở sơ đồ quy hoạch tổng thể rộng lớn của thành phố, xây dựng lâu đài vườn Epaghina (1818-22), lâu đài Mikhailovxki (nay là Viện bảo tàng Nga), thể hiện tài năng về nghệ thuật trang trí. Quy hoạch xây dựng quảng trường Cung điện, thay đổi hướng phố Biển về trung tâm Cung điện Mùa Đông, tạo nên một trong những quần thể kiến trúc lớn tại Pêtecbua. Các công trình khác : nhà Xenata và Xinoda, quản trường Xênat (1824-34). Rosi là một trong những nhà sáng tạo của xu hướng Đế chế, đặc trưng ở giải pháp lớn, chi tiết nội thất phong phú, kết hợp hài hòa giữa điêu khắc với giải pháp kết cấu.

ROZANOV E.G. (1925-?) Kiến trúc sư Nga. Một trong những tác giả thiết kế chính của quảng trường Lênin ở Taskent (1975), ở Tyula và Vladivostok (1983-84), viện bảo tàng Lênin ở Taskent (1970) và Kubuxev (1980), nhà hát ở Orrla (1967) và Kurxk (1983), tổng thể nhà an dưỡng ở Exentuka (1967), Urman (1972), Krum (1980), cung Hữu nghị các dân tộc tại Taskent (1981), nhiều nhà ở tại Lunda, Angola (1985). Viện sĩ Hàn lâm Kiến trúc Liên Xô (1983).

ROUSSEAU, PIERRE (1751-1810). KTS Pháp . Học kiến trúc trường của Pháp tại Roma. Công trình còn lại duy nhất của ông là khách sạn Salm, nơi đã gây chú ý cho Thomas Jefferson khi đến thăm Paris. Đây là một trong những công trình tiêu biểu cho xu hướng tân cổ điển Pháp, có khoảng sân rộng vây quanh bởi hàng cột ionic thấp, tương phản với hàng cột thức đồ sộ của hành lang nhìn thấy rõ từ ngoài đường phố do mặt chính mở rất thoáng.

RUBANENKÔ B.P. (1910-1985) Tiến sĩ, kiến trúc sư Liên Xô. Công trình chính : khu nhà ở tại Malui Okhta , Leningrad (1936-41), quy hoạch và xây dựng quảng trường ở Minxk (1947), khu đô thị mới của thành phố Togliatti (1967-72), tổng sơ đồ thành phố Brejnev. Viện sĩ Viện Hàn lâm Kiến trúc Liên Xô (1979).

RUDNEV L.V. (1885-1956) Kiến trúc sư Nga. Tham gia thiết kế quy hoạch công trình tưởng niệm “ Chiến sĩ cách mạng” ở Leningrad (1917-19), trụ sở Viện huấn luyện quân sự Frunzê (1937), nhà hành chính phố Sapônikov (1934-38), nhà ở (1947-48), tổng thể trường Đại học trên đồi Lenin (1949-53) tại Moxkva, Cung văn hóa và khoa học ở Vacsava (1952-55). Giải thưởng Quốc gia (1949).

S

SAARINEN, EIEL (cha, 1873-1950) và SAARINEN , EERO (con, 1910-1961). Là hai trong số các kiến trúc sư có ảnh hưởng đáng kể tại vùng bán đảo Scandinavie. Người cha sinh ở Phần Lan, học kiến trúc tại Đại học Bách khoa Helssinki. Công trình đầu tiên có tiếng là nhà triển lãm ở Paris (1900) và sau đó là một loạt kiến trúc nhà ở tại Helsinki. Đạt giải thiết kế nhà ga chính ở Helsinki (1904). Công trình được xây dựng với mái vòm cuốn bằng bê tông (1910-14). Từ năm 1923 sang làm việc tại Mỹ và thực hiện các công trình của Viện Hàn lâm Crandbook ở Michigan (1925) và làm giáo sư tại đó. Từ năm 1937 cùng với con trai thực hiện nhiều công trình quan trọng: nhà hòa nhạc Kleinhaus ở Buffalo (1938), nhà thờ công giáo ở Columbus , Indiana (1942). Saarinen con sinh ở Phần Lan, sang Mỹ cùng với gia đình (1923), học ở Paris và trường đại học Yale rồi đạt giải thưởng về công trình tưởng niệm Jefferson ở St Louis (18=948), thực hiện công trình Trung tâm kỹ thuật của General Motors ở Michigan (1955) và nhiều công trình khác gây ấn tượng mạnh như nhà thi đấu khúc côn cầu trên băng của Đại Học Yale (1959) và ga hàng không Kennedy ở New York (1962).

SACCONI, GLUSEPPE (1855-1905). KTS, tác giả đài tưởng niệm Victor-Emmanuel ở Roma sau khi đã đạt giải quốc tế năm 1884. Đây là một trong những công trình lớn của thế kỷ 19.

SAKAKURA, JUNZO (1904-1974). Cùng với hai KTS Nhật Bản khác (Kunio Maekawa và Kenzo Tange) sáng tạo một phong cách mới sau thế chiến 1939-45. Phong cách này dựa trên việc ưu tiên sử dụng bê tông, chịu ảnh hưởng nhiều của Le Corbusier, người ông đã cùng làm việc nhiều năm (1929-37) sau khi tốt nghiệp đị học Tokyo. Trong thời gian ở Paris, ông đã thiết kế tòa nhà Nhật Bản của Triển lãm quốc tế Paris (1937). Những ngôi nhà lớn của Sakakura ở Nhật đều là công trình thương nghiệp và công nghiệp . Cũng có một số công trình công cộng : bảo tàng nghệ thuật ở Kamakura (1952), khách sạn thành phố Hajima (1959), và ở Kure (1962). Quảng trường nhà ga Shinjuku ở Tokyo (1967) là công trình được đánh giá cao về phương diện quy hoạch đô thị .

SALVI, NICOLA (1687-1751). Người thiết kế đài phun nước Trevi ở Roma. Trong một phần tư thế kỷ 18, ông đã có nhiều đóng góp đáng kể cho bộ mặt đô thị Roma. Đó là những đường bậc thang kiểu barôc Tây Ban Nha Francesco de Sanctis (1723-26), quảng trường Sant' Ignazio (1727-28).

SANGALLO Một gia đình kiến trúc sư và điêu khắc Italia thời Phục Hưng, nổi bật có Gianbecti (1445-1516); ông là kiến trúc sư, kỹ sư, nhà điêu khắc, đã phát triển truyền thống của F. Brunellexki. Các tác phẩm chủ yếu: biệt thự ở Pozzo-a-Cayano gần Florenxia (1485), trung tâm Santa Maria ở Prato (1484-95) là một trong các đền thờ mái cúpôn thời Sơ Phục Hưng.

SANSOVINO C.A. (1460-1529) Kiến trúc sư và nhà điêu khắc Italia thời Tân Phục Hưng. Công trình của ông thể hiện phong cách Cổ điển kết hợp với Gôtich.

SANSOVINO T.Y. (1486-1570) Kiến trúc sư và nhà điêu khắc Italia thời Thịnh và Mãn Phục Hưng. Xây dựng nhiều công trình ở Vênexia : lâu đài Corner (1532), thư viện San-Marco (1536-54),v.v.

SANT'ELIA, ANTONIO (1880-1916). KTS Italia , theo xu hướng tương lai của Marinetti. Theo học Mỹ thuật ở Bologne, tốt nghiệp với huy chương vàng (1912). Bắt đầu hành nghề ở Milan. Các tác phẩm đầu tay chịu ảnh hưởng của Aronco và Olbrich. Đã thể hiện quan niệm về thành phố hiện đại của mình trong các thiết kế cho tương lai (1912-14), nhiều đồ án đã được trình bày ở Triển lãm của nhóm Nuove Tendenze ở Milan (1914). Xuất phát điểm của ý tưởng này căn cứ vào các thành phố của Mỹ và công nghệ, ông cho rằng các công trình hiện đại phải là “những cỗ máy khổng lồ” và đòi hỏi tòa nhà ở phải có bố cục động và nhiều cấp bậc khác nhau.

SAUVAGE, HENRI (1873-1932) . KTS cấp tiến Pháp. Học và làm việc tại xưởng của Jean-Louis Pascal (1837-1920) cùng với Jourdain. Công trình đầu tay: biệt thự Majorelle ở Nancy (1898), hai tiệm cà phê ở Paris (1899), Triển lãm quốc tế năm 1900. Sau năm 1903, Savage cùng với Sarazin lập “công ty ẩn danh xây dựng nhà ở sạch và rẻ”. Ông còn xây dựng nhiều công trình, thể hiện xu hướng Nghệ thuật mới. Từ năm 1922-1931, Sauvage đi sâu nghiên cứu nhà tiền chế sản xuất hàng loạt, đặc biệt là khôi phục lại nhà ở đô thị: nhà bằng thép (1927), nhà bằng ống (1929-30). Chính ông đã xây dựng tường bao của một công trình 8000m², hoàn toàn lắp ráp chỉ trong 100 ngày. Ông còn giảng dạy về nghệ thuật trang trí (1928-31).

SCHAFER, KARL (1844-1908). Nhà lý luận và nhà giáo theo xu hướng Tân gôtic. Ông giảng dạy và thể hiện tinh thần của kiến trúc gôtic đích thực. Tác phẩm độc đáo của Schafer là công trình bản xứ bằng gỗ phổ biến ở miền trung nước Đức thế kỷ 15-18. Trường đại học Marburg an der Lahn (1872-91) và nhiều nhà ở khác cũng xây dựng theo phong cách tân bản xứ này.

SCHAROUN HANS (1893-1972) Kiến trúc sư Đức, theo xu hướng kiến trúc Biểu cảm, rồi sau là Hữu cơ: nhà hát ở Tây Berlin (1956-63), nhà ở mang tên Romeo & Juliet ở Stuttgart (1955-59).

SCHINDER, RUDOLF M. (1887-1953). KTS Mỹ. Sinh tại Viên và theo học trường Nghệ thuật thành phố. Otto Wagner là một trong những giáo sư có ảnh hưởng lớn đến những tác phẩm đầu tay của ông. Schinder đã thành lập câu lạc bộ nghệ thuật mang tên Bühnenverein ở Viên từ khi còn là sinh viên. Sau khi tốt nghiệp (1914), ông làm việc ở công ty Ottenheimer, Stern & Reichel tại Chicago. Đã từng làm việc với Adolf Loos, Frank Lloyd Wright và đến 1920, được Wright gửi đi Californie để giám sát công trình xây dựng Barnsdall House . Chính tại đây ông thực hiện đề tài về nhà ở tư nhân, có tính quyết định con đường hành nghề sau này của mình. Khi đứng ra làm việc riêng, Schinder xây dựng ngôi nhà của mình tại phía đông Hollywood bằng bê tông , là loại vật liệu ông ưa thích. Trong công trình tiêu biểu của mình là Lovell Beach House (1926), ông đã thực hiện những không gian nội thất cơ động, những hàng hiên sử dụng bê tông và kính. Ông còn nghiên cứu “những ngôi nhà tối thiểu” dành cho người nghèo và những nhà xây tại vùng sâu, vùng xa.

SCHINKEL, KARL FRIEDRICH (1781-1841). KTS Đức theo xu hướng tân cổ điển, sau sáng lập trào lưu Berlin hiện đại . Được đề bạt vào một vị trí quan trọng của Bộ công chính năm 1810, trở thành kiến trúc sư trưởng (1815) và tổng giám đốc (1831). Các công trình kiến trúc gôtic tiêu biểu: lăng mộ của nữ hoàng Louise (1810), nhà thờ lớn ở Berlin (1819), Berlin Neue Wache (1817), nhà hát Schauspielhaus (1819-20), NikilaiKirche ở Posdam (1829-37),v.v. Dù cho Schinkel được biết như một kiến trúc sư tân cổ điển, song thị hiếu về gôtic của ông vẫn thể hiện trong một vài công trình như lâu đài nhỏ ở Babelsberg (1834). Ông còn thực hiện nhiều đồ án công trình tưởng niệm nữa.

SCHULUTER ANDREAS (1660-1714) Kiến trúc sư và nhà điêu khắc Đức, đại biểu nổi tiếng của xu hướng Barôc tại Đức. Tác phẩm : nội thất lâu đài ở Berlin (1698-1706), biệt thự Camay ở Berlin (1711-12) cùng nhiều tác phẩm điêu khắc gắn liền với công trình kiến trúc, cầu ,v.v. Từ 1713, làm việc tại Pêterburg, có ảnh hưởng tới Barôc Nga thế kỷ 18 : trang trí Cung Mùa Hạ (1713-14), thiết kế lâu đài Mon Plaisir.

SCHUMACHER, FRITZ (1869-1947). KTS và nhà quy hoạch Đức, được biết với các công trình đơn giản, hoành tráng, sử dụng vật liệu trong nước, thường là bằng gạch. Kiến trúc sư thành phố Hambourg (1909-31). Công trình tiêu biểu: bệnh viện các bệnh nhiệt đới (1912), Waddorferschule(1929), đều có xu hướng hiện đại theo nghĩa rộng. Schumacher trở thành khuôn mẫu kiến trúc sư và nhà quy hoạch chính thống của Đức.

SCHWECHTEN, FRANZ (1841-1924). KTS Đức tài ba cuối thế kỷ 19. Ông được biết tiếng khi sử dụng gạch nhiều màu cho nhà ga Anhalt ở Berlin (1875-80) và mặt chính rất rộng của kho chứa. Các tác phẩm nổi tiếng: Kaiser-Wilhem-Gedachtniskirche ở Berlin (1889-95) và Kaiserschloss ở Posen (1905-10) .

SCOTT, SIR GEORGE GILBERT (1811-78) . KTS Anh chuyên về nhà thờ, người hưởng ứng đầu tiên và là người phát ngôn của trào lưu Tân gôtic dưới triều Victoria . Ông đã tham gia vào việc sáng tạo, chuyển đổi, khôi phục hàng trăm công trình và là nhân vật có ảnh hưởng đến các nhà xây dựng thời đó. Sau thời gian dài học việc ở nhiều nơi, từ năm 1840 ông mới bắt tay vào nghiên cứu nghiêm túc về công trình gôtic và tự xây dựng một trong những nhà thờ đầu tiên: St Giles Camberwell ở phía nam London (1841-43), rồi tu viện Westminster (1849). Sau đó ông khôi phục nhiều nhà thờ và đoạt giải Saint-Nicolas ở Hambourg. Các tác phẩm tiêu biểu: St mathias ở Richmond, nhà thờ cổ St George ở Doncaster, St Mary Abbots ở Kensington,v.v. Giữa các năm 1850 và 1897, ông đã xuất bản 5 cuốn sách, trong đó có cuốn “ *Hồi ký về con người và nghề nghiệp*” (1879). Hai con và cả các cháu ông sau này cũng đều là kiến trúc sư.

SEIDLER, HARRY (1923-?) . KTS người gốc Áo nhưng sống và hành nghề tại Ôxtralia từ 1954. Ông là kiến trúc sư quan trọng ở Sydney. Sau khi học ở Havard và đại học Manitoba ở Canada, ông làm việc cùng với Marcel Breuer và Oscar Niemeyer. Sân vận động Olympic ở Melbourne với mái treo, nhiều công trình thương nghiệp và các bloc nhà ở tại Sydney (1965), công viên Ôxtralia (1967) là những tác phẩm của kiến trúc sư bậc thầy về phong cách kiến trúc quốc tế. Ngôi nhà riêng của ông bằng bê tông cốt thép ở ngoại thành Sydney là ví dụ về sử dụng địa hình hiểm trở một cách thông minh.

SEKANAUKAX V.A (1930) Kiến trúc sư Litva. Công trình tiêu biểu : khu nhà ở Lazdinai (1967-70), Cung triển lãm nghệ thuật (1968), trụ sở trung ương Đảng Cộng sản Litva,(1982), tất cả đều ở Vinhius. Viện sĩ Viện Hàn lâm Nghệ thuật Liên Xô (1979).

SEMPER GOTTFRIED (1803-1879) Kiến trúc sư Đức, nhà lí luận kiến trúc và nghệ thuật. Chú trọng tổ chức mặt bằng, nội thất, sử dụng môtip trang trí Phục Hưng và Barôc kết hợp với nội dung công trình. Tác phẩm lí luận : “ *Thẩm mỹ học thực hành*” (1860-63) với quan điểm phong cách là sự kết hợp các hiện tượng lịch sử.

SERNISHOV X.E. (1881-1963) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng kết cấu chủ nghĩa. Copong trình tiêu biểu : học viện Mac-Lê trên quảng trường Xôviết ở Moxkva (1924-27), tham gia lập tổng sơ đồ khôi phục Moxkva (1935), xây dựng nhà cao tầng của trường Đại học trên đồi Lênin (1949-53). Kiến trúc sư trưởng Moxkva(1934-41). Tổng thư kí Hội kiến trúc sư Liên Xô (1950-55).

SERT, JOSEP LLUIS (1902-?). KTS Tây Ban Nha. Sau khi học ở Barcelone thì làm việc cùng với Le Corbusier ở Paris (1929-30). Đi vào quy hoạch những năm đầu hành nghề, ông sang Mỹ năm 1939 và trở thành trưởng khoa của trường hội họa ở Havard (1953).

Tham gia xây dựng nhiều công trình lớn, nhưng thể hiện rõ ưu thế của nhà quy hoạch: mặt bằng trường đại học Boston và Havard (1959-65;1950-65) khá phong phú và sinh động, gắn liền được với môi trường đô thị. Sert xuất bản nhiều sách, trong đó có cuốn :”*Thành phố của chúng ta có lưu danh được không ?*”. Còn phải nhắc tới tòa nhà triển lãm Quốc tế của Tây Ban Nha ở Paris mà ông phối hợp thực hiện với Gonzalez, Miro, Calder và Picasso (1937).

SEVAKINXKI X.I. (1713-1780) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng Barôc. Là người sáng lập trường phái kiến trúc truyền thống Nga thế kỷ 17 với các giải pháp và hình thức kiến trúc có hệ thống, bố cục hình khối cân bằng và rành mạch, hình bóng kiến trúc tinh tế, trang trí phong phú. Tham gia xây dựng tổng thể lâu đài-công viên Txarkoe Xêlo (1746-60), lâu đài Fontanke (1750-55), lâu đài Suvalov (1753-55), nhà thờ Nikonxki (1753-62), nhà kho “ Hà Lan mới” (1765-80), khôi phục Kunxkamera (1754-58) tại Pêterburg.

SHARON, ARYEH (1900-?). KTS và nhà quy hoạch Ixraen. Sinh ở Ba Lan, ngụ cư ở Palextin. Sau 6 năm làm thợ nề, ông sang Đức, học ở Bauhaus de Dessau (1926-30). Sau hai năm tập sự, ông trở về Palextin (1932). Chính ở đây, Sharon đã xây dựng nhiều nhà ở, có sự hợp tác của Tel-Aviv. Cùng với Dov Karmi, ông là người truyền bá kiến trúc hiện đại châu Âu, nhất là phong cách của Gropius và Bauhaus. Các công trình tiêu biểu: các bệnh viện Ichilov, Beilinson, Petak Tikvah ở Tel-Aviv, trường đại học Weizmann ở Rohovot, trường đại học cho người Do Thái ở Jerusalem.

SHAW, RICHARD NORMAN (1831-1912). KTS Anh, chuyên về nhà ở. Được đào tạo ngắn hạn về kiến trúc, rồi làm việc tại công ty của Burn và học tập thêm về Tân gôtic. Được gửi du học thêm tại Pháp, Italia và Đức (1854-56), khi trở về, ông công bố một tuyển tập hình vẽ về nhà thờ “ *Sơ phác kiến trúc trên lục địa*” (1858). Là chuyên gia về nhà ở, ông luôn phân biệt nhà ở nông thôn và nhà ở đô thị và thể hiện quan điểm này trong các tác phẩm của mình: Glen Andred (1866-68), Leyswood (1867-69), Cragside (1870) và hàng loạt nhà xây dựng vào các năm 1870-80. Tại London, ông đã thử nghiệm những công trình hỗn hợp giữa phong cách Anh cổ và nữ hoàng Anna, xây dựng nhiều công trình tôn giáo, tiêu biểu là nhà thờ Thánh Ba Ngôi ở Bingley (1866-68) và All Saints ở Leek (1885-87).

SILOE, DIEGO DE (1495-1563) Kiến trúc sư và nhà điêu khắc Tây Ban Nha, chịu ảnh hưởng của Mikenlangelo và trường phái Florenxia. Trong các tác phẩm kiến trúc, ông đã kết hợp gôtic với hệ cột thức, tạo không gian hài hòa. Xây dựng nhà thờ Burga (1519-23) và nhiều mộ chí.

SITTE, CAMILIO (1843-1903). KTS và nhà quy hoạch Áo. Được biết đến nhờ cuốn sách” *Những nguyên tắc nghệ thuật của quy hoạch đô thị*” xuất bản ở Viên năm 1889, về cơ bản là đối lập với những nguyên tắc của trường phái Haussmann. Sitte có ảnh hưởng lớn trong những năm 1900 tại các nước sử dụng tiếng Đức, chẳng những đối với các nhà quy hoạch mà cả kiến trúc sư có xu hướng quay trở lại duy trì kiến trúc cổ xưa.

SKIDMORE, OWING & MERRILL. Một trong những công ty xây dựng lớn và phát triển mạnh của Mỹ thành lập sau Thế chiến II. Nổi tiếng với những tòa nhà văn phòng lớn. Công ty thành lập ở Chicago năm 1935 bởi Nathaniel Owings (sinh 1903), Louis Skidmore (sinh 1897) và kỹ sư John O. Merrill (sinh 1896). Công trình đầu tay của họ là Trung tâm nghiên cứu nguyên tử của Mỹ ở Oak Ridge, Tennessee; tiếp đó là những công trình của Viện hàn lâm không lực Hoa kỳ ở Colorado Springs (1959), công trình Lever House (1952), ngân hàng Manhattan ở New York (1962), trường đại học Yale (1963). Công ty còn thực hiện xây dựng cho nước ngoài (ngân hàng Lambert tại Bỉ) và thực hiện

những dự án quy mô lớn (trường đại học Illinois, Chicago Circle Campus, tháp John Hancock ở Chicago,v.v.)

SOANE, SIR JOHN (1753-1837). KTS nổi tiếng của Anh. Tác phẩm của ông sau năm 1790 mang phong cách cổ điển độc đáo. Đó là một vài nhà ở nông thôn, trụ sở làm việc và cửa hàng ở London và ngân hàng Anh. Sau khi học trường William Baker ở Reading, ông đã có nguyện vọng trở thành kiến trúc sư. Ban đầu, tham gia một số dự án của thành phố như mở rộng tòa nhà Ealing của Thomas Gurnell, rồi vào công ty của Henry Holland. Tại đây, cùng với George Dance, ông đã có ảnh hưởng tốt, với phong cách riêng của mình. Ông đã đoạt huy chương bạc (1772) và huy chương vàng (1776) trong các cuộc thi của Viện hàn lâm kiến trúc, sau lại được học bổng của George II và đi học tại Italia. Soane đã xuất bản tập “ *Mặt bằng những ngôi nhà* ” (1788), chủ yếu phản ánh thị hiếu nhà nông thôn lúc đó. Những công trình khác: khôi phục Bank Stock Office(1791), Tyingham (1793), Dulwich Art Gallery (1811),v.v.

SOMMARUGA, GIUSEPPE (1867-1917). KTS Italia, theo phong cách Nghệ thuật mới. Tác phẩm chính: lâu đài Castiglioni ở Milan (1901-03), lăng mộ Foccanoni ở Sarnico (1907).

SONCK, LARS ELIEL (1870-1956). KTS tiên phong của xu hướng lãng mạn ở Phần Lan, chịu ảnh hưởng của các kiến trúc sư Tân bản xứ Anh. Tác phẩm tiêu biểu: nhà riêng ở Fistrom (1895), nhà thờ ở Tampere (1902-07), trung tâm bưu điện (1905) và nhà thờ Kallio (1912) đều ở Helsinki.

SOUFFLOT, GERMAIN (1713-1780) Kiến trúc sư Pháp, theo xu hướng Cổ điển. Thiết kế mặt ngoài các công trình : khách sạn Dio ở Lyon (1741), trung tâm St. Genève ở Paris (1755-89) –sau này chuyển thành Pantheon. Đặc điểm kiến trúc của ông: phân chia mảng rõ rệt, hình thức hoành tráng và nghiêm ngặt, giải pháp kết cấu táo bạo.

SPENCE, SIR BASIL (1907-1976). KTS Êcôt. Học tại đại học London và Edimbourg. Làm việc cho Edwin Luttens, là một người có ảnh hưởng nhiều đến phong cách kiến trúc của ông. Công trình tiêu biểu: một số tòa nhà lớn của tư nhân ở Êcôt (trước 1939), công trình triển lãm của South Bank ở London (1951), khôi phục nhà thờ Coventry (1960), các trường đại học Sussex , Cambrridge, Durham, Exeter và Southampton (những năm 1960),v.v.

STAKENSNEIDER A.I. (1802-1865) Kiến trúc sư Nga gốc Đức. Xây dựng nhiều lâu đài và nhà tư nhân, chủ yếu ở Peterburg; áp dụng nhiều phong cách kiến trúc của các thời kỳ khác nhau.

STALBERG E.E. (1883-1958), kiến trúc sư Công huân, viện sĩ Hàn lâm kiến trúc Latvia, theo xu hướng Duy lý, Hiện đại, Cổ điển. Công trình chính : nhà đơn nguyên tại phố Samarin (1926-36), đài tưởng niệm Tự do (1931-35) và Lenin (1947-50) đều ở Riga.

STELLER P.P. (1910-1977) Kiến trúc sư Nga. Một trong những tác giả của khách sạn Sovietxkaya (1950), ga metro Prospect Mira (1957), Cung Đại hội điện Kremlí (1959-61), khách sạn Rossia (1967-70), nhà hòa nhạc trung tâm Diarat (1974) , trụ sở HĐBT Nga (1979-81), chỉ đạo thiết kế đại lộ Novikirovski (từ 1968) – Tất cả đều ở Matxcova.

STEPHENSON, ROBERT (1803-1859). Kỹ sư xây dựng và người tiên phong trong xây dựng đường sắt, nhà ga và cầu. Là con của George Stephenson (1781-1848), nhà phát minh máy kéo chạy hơi nước. Sau khi kết thúc lớp ngắn hạn tại đại học Edimbourg, hai cha con đã cùng nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt đầu tiên từ Stockton đến Darlington, rồi từ Liverpool đến Manchester. Năm 1835 Stephenson được công nhận là kỹ sư của Công ty đường sắt của London và Birmingham. Với sự hỗ trợ về kiến trúc của Francis Thompson, ông đã hoàn thành cầu sắt bằng các ống tại miền bắc Galles, rồi cầu

Britannia (1850) - nổi tiếng về kỹ thuật đúc đúc. Về sau, ông còn xây dựng một cầu ở Canada và hai cầu khác ở Ai Cập.

SULLIVAN LOUIS HENRY (1856-1924) Kiến trúc sư và nhà lý luận Mỹ, đại diện của xu hướng kiến trúc Chicago, một trong những người tiên phong của chủ nghĩa Duy lý. Những công trình cao tầng của ông thể hiện tính thẩm mỹ cao, sử dụng kết cấu khung. Công trình còn áp dụng cấu trúc tổ ong, kết hợp nghiêm ngặt với các bề mặt trang trí đường cong phức tạp bằng gang theo phong cách hiện đại: nhà Bảo hiểm Buffalo (1894-95), cửa hàng Carson, Piri, Scott ở Chicago (1899-1904). Là nhà lý luận đã nêu những nguyên tắc phát triển kiến trúc Công năng và Hữu cơ.

SYRKUS S. (1893-1964) Kiến trúc sư và nhà lý luận kiến trúc Ba Lan. Một trong những người sáng lập trường phái kiến trúc Ba Lan thế kỷ 20, theo xu hướng Công năng. Chỉ đạo thống nhất hóa xây dựng nhà ở điển hình tại Ba Lan. Xây dựng biệt thự ở Xoxnovitsa (1933-34), tòa nhà tại phố Katovitxki và Đombrovitxki, nhà hát ở Jôliby (1932-34), tất cả đều ở Vacsava. Hình thức thể hiện công năng rõ rệt, tỷ lệ hợp lý.

T

TẠ MỸ DUẬT (1915-1989) Kiến trúc sư Việt Nam. Tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khóa VIII (1932-37). Thiết kế xây dựng nhiều công trình dân dụng tại Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Thanh Hóa (1937-45). Tiêu biểu có biệt thự 67 Nguyễn Du, biệt thự 28 Hàng Chuối (1940), biệt thự 25 Hùng Vương (1938- cộng tác với Cerutti) và đặc biệt là biệt thự điển hình phong cách Đông Dương tại 27 Nguyễn Đình Chiểu (1938); tất cả đều ở Hà Nội. Ông còn là tác giả chính của Khu giao tế Trung ương với trên 20 hạng mục công trình bằng gỗ, tre, nứa lá (1951-52) , một số nhà 4 tầng ở Hà Nội, Trung tâm dịch vụ Vĩnh Linh và Trường đại học Thương nghiệp Hà Nội (1955-62). Giải thưởng cuộc thi thiết kế chùa Quán sứ, Trung tâm thể dục thể thao Cần Thơ, Đông Dương học xá (1940-42).

TABIT ANTUN (1907-1974) Kiến trúc sư Liban. Kiến trúc tiêu biểu: công trình “ Hội những người thông thái” (1938), nhóm nhà ở tại Baysrut (1960),v.v. đều xuất phát từ các nguyên tắc kiến trúc Hiện đại Châu Âu có tính kế đến khí hậu địa phương của Liban. Giải thưởng Lenin về Hòa bình.

TAMANIAN A.I. (1878-1936) Kiến trúc sư Acmenia, theo xu hướng kiến trúc cổ điển . Tác giả của tổng sơ đồ khôi phục Erêvan (1924), nhà hát opéra và balê Xpendiarôva (1926-53), trụ sở Chính phủ Acmenia (1926-41) ở Erêvan. Chú trọng kết hợp hình thức kiến trúc truyền thống Acmenia với kiến trúc hiện đại; có vai trò quan trọng trong việc hình thành nền kiến trúc hiện đại Acmenia.

TANGE, KENZO X. *Kenzo Tange*

TATLIN, VLADIMIR (1885-1953) Công trình sư Nga, nguyên là họa sĩ. Đã thực hiện một số đồ án kiến trúc tầm cỡ quốc tế. Tốt nghiệp Hàn lâm viện Moxkva năm 1910. Công trình tiêu biểu là Đài vinh danh Đệ Tam quốc tế (1919-20) bằng thép và cáp, thực hiện trên makét nhưng chưa xây dựng. Công trình cao đến 390m.

TAUT, BRUNO (1880-1938). KTS, nhà quy hoạch và nhà văn Đức. Là người tiên phong của xu hướng biểu cảm của những năm 1920. Năm 1909, cùng với Franz Hoffmann thành lập một công ty ở Berlin . Họ thực hiện nhiều công trình nhà ở và văn phòng tại đây; đồng thời cũng tham gia nhiều cuộc thi. Năm 1913, Taut thiết kế một tòa nhà cho Hội chợ Leipzig mang tên” Lâu đài thép”, tiếp theo là tòa nhà triển lãm ở Cologne năm 1914. Taut còn xuất bản cuốn sách tiên tri” Kiến trúc bằng kính” cùng năm với việc khai trương công trình “ Ngôi nhà bằng kính”. Là kiến trúc sư thành phố Magdebourg (1921-24), ông còn xây dựng nhiều nhà ở, nghiên cứu sơ đồ chỉ đạo quy hoạch đô thị Berlin-Britz (1925-31). Năm 1932 ông qua Nhật Bản rồi dừng chân ở Ankara, Thổ Nhĩ Kỳ.

TELFORD, THOMAS (1757-1834) Kỹ sư xây dựng Êcôt, công trình sư chuyên về cầu, cảng, kênh, nhà thờ,v.v. Năm 1793 trở thành kỹ sư, kiến trúc sư và thành tra thi công kênh đào Elles-mere. Người tiên phong trong việc sử dụng thép trong xây dựng cầu, tiết kiệm thép khi sử dụng khẩu độ lớn . Nổi tiếng về những cây cầu treo, (1826) xây hỗn hợp đá và thép, tạo tiền đề cho những cây cầu bằng xích thép xây dựng tại Mỹ sau này.

TENGBOM, IVAR JUSTUS (1878-1968). Một trong những KTS lừng danh cuối cùng của Thụy Điển ở đầu thế kỷ 20. Được đào tạo ở học viện kỹ thuật Goteborg và Viện hàn lâm hoàng gia ở Stockholm và bắt đầu vào nghề năm 1912. Để lại cho Stockholm hai tác phẩm giá trị: nhà thờ Hogalid (1923) và hội trường (1926). Sau này, Tengbom còn làm việc với con trai, sáng tạo nên nhiều kiến trúc hiện đại của Thụy Điển. Ông còn là chủ nhiệm các công trình hoàng gia từ năm 1924 đến 1936.

TERRAGNI, GIUSEPPE (1904-42). KTS Italia. Là một thành viên của nhóm kiến trúc sư đi sâu nghiên cứu kiến trúc cách mạng trong thời kỳ phát xít. Năm 1926, cùng với Gio Ponti tổ chức Phong trào kiến trúc duy lý và làm việc tại Trung tâm kiến trúc thực nghiệm Italia ở Côme. Ông mất tại mặt trận Nga trong thế chiến II.

TEULON, SAMUEL SANDERS (1812-1873). KTS Anh. Mở công ty riêng (1840) sau khi hành nghề tại công ty của George Porter ở Bermondsey. Công trình đã thực hiện: Tortworth Court (1849-52), Shadwell Park (1856-60), Elveham Hall (1859-62) và Bestwood Lodge (1862-64). Ngoài ra, còn phải kể những kiến trúc tôn giáo còn gây tranh cãi: St mark (1861), St Mary (1866-73) và St Stephen (1867).

THOMON, THOMAS DE (1754-1813). KTS Pháp. Tác phẩm chính: sở giao dịch Saint-Petersburg, một trong những lâu đài lớn tân cổ điển đầu thế kỷ 19. Ông là kiến trúc sư ở Paris, qua Italia, Áo rồi định cư tại Nga. Ông được nhận vào Viện hàn lâm Saint-Petersburg (1800) và nhận xây dựng công trình lớn đầu tiên là nhà hát Bolchoi (sau bị hỏa hoạn năm 1811). Ngoài ra, còn có các kho gửi hàng ở cảng Salni (1804-05) và một giáo đường ở Pavlosk.

THURAH, LAURIDS DE (1706-1759). KTS Đan Mạch nổi lên ở nửa đầu thế kỷ 18 cùng với đồng hương là Nikolaj Eigtved và kiến trúc sư Đức E.D. Hauser. Cả ba người này đã thế chân một kiến trúc sư vô danh để xây dựng lâu đài Christianborg và để lại không ít điều tranh cãi. Thurah còn thực hiện Nhà bảo tàng, một tòa nhà mang phong cách baroc ở bắc Copenhagen, khôi phục bệnh viện Frederick (1745) và nhà thờ Mabre - một dự án tập trung khá nhiều kiến trúc sư song không thể thực hiện được.

TILMANIS O. (1900-1980) Kiến trúc sư Công huân Latvia. Công trình tiêu biểu : tòa thị chính thành phố Yanica Axara (19290-30), trụ sở Viện Hàn lâm khoa học Litva (1950-57), đại học Bách khoa (1956-58), tất cả đều ở Riga. Khôi phục và quy hoạch khu trung tâm Elgava (1947) và nhiều nhà ở trên quảng trường Mũi tên đỏ (1958). Chủ tịch Hội kiến trúc sư Latvia (1959-65).

TITE, SIR WILLIAM (1789-1873) KTS Anh theo xu hướng cổ điển, chuyên xây dựng công trình công cộng. Cùng với E.N. Clifton, ông đã xây dựng một số nhà ga. Công trình tiêu biểu: Trường cao đẳng Mill ở bắc London (1825-27), cơ quan hối đoái ở London (1841-44), nghĩa trang Brookwood (1854), các nhà ga Carlisle (1847) và Perth (1848).

TKHOR B.I. (1929-?) Kiến trúc sư Liên Xô. Một trong các tác giả của tòa nhà Triển lãm Quốc tế của Liên Xô tại Montreal (1967), tổng thể công trình Olympic tại Moxkva. Giải thưởng Lenin (1982).

TORAMANIAN T. (1864-1934). KTS và nhà khảo cổ kiến trúc Acmenia. Hoạt động ở Thổ Nhĩ Kỳ rồi Bungari từ năm 1895. Chỉ đạo nghiên cứu di tích kiến trúc Acmenia từ năm 1903.

TOROSIAN D.P. (1926-?) Kiến trúc sư Acmenia. Trong sáng tác, dựa vào kinh nghiệm kiến trúc truyền thống Acmenia và thế giới, đặc biệt là các giải pháp xây dựng đô thị và hình thức thể hiện, tổng hợp nghệ thuật. Tham gia thiết kế xây dựng: Viện nghiên cứu tim mạch (1965-82), quy hoạch trục trung tâm thành phố (từ năm 1981), ga metro “

Quảng trường Lênin”(1975-80), tượng đài kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười (1966-82). Kiến túc sư trưởng Erêvan (1071-81). Giải thưởng Quốc gia Liên xô (1977).

TORROJA, EDUARDO (1899-1961). KTS Tây Ban Nha hiện đại, người tiên phong cùng với Josep Lluiss Sert. Sau khi tốt nghiệp kỹ sư xây dựng tại Madrid, ông là một trong những người sử dụng bê tông ứng suất trước. Các công trình xây dựng tại Tây Ban Nha của ông đã được giới thiệu trong cuốn “*Triết học của các kết cấu*” và “*Tự thuật về hành trình của một kỹ sư*”. Tư tưởng của Torroja đặc biệt thể hiện rất rõ trong công trình xây dựng trường đua ở Zarzuela gần Madrid (1933). Kết cấu bê tông vượt khẩu độ lớn của mái khán đài đã chứng tỏ sự thành công của thiết kế. Ông còn xây dựng cầu vượt ở Esla với chỉ một vòm có khẩu độ 190m (1940), các nhà thờ Xerrallo, Saint Esperit và cầu Suert (1952).

TOWSEND, CHARLES HARRISON (1851-1928) Một trong những thành viên quan trọng của phong trào Nghệ thuật và Thủ công nghiệp ở Anh. Ban đầu, làm việc cho một kiến trúc sư ở Liverpool, sau hành nghề ở London (1880) rồi mở công ty riêng. Công trình tiêu biểu: viện Bishopsgate (1892), bảo tàng Horniman (1896) và phòng tranh Whitechapel (1896-99). Các tác phẩm của ông rất khác biệt với nhau từ hình khối, khẩu độ của vòm cho đến các dải trang trí và môtip hoa lá. Townsend còn xây dựng nhà thờ, giáo đường, tòa thị chính và nhiều ngôi ở nhà nông thôn.

TREZZINI DOMENICO (1670-1734) Kiến trúc sư Nga gốc Thụy sĩ. Tham gia thiết kế thành phố Kronstat và doanh trại Aleksandro-Nepxki, thực hiện quy hoạch đảo Vaxilievxki, xây dựng Cung Mùa Hạ (1710-14), cổng Pêtropxki và nhà thờ Petropavlopxki. Đã sớm biết thiết kế “mẫu” về nhà ở để xây dựng cho các tầng lớp dân cư khác nhau. Chú trọng mặt bằng, chi tiết đơn giản, sử dụng bộ phận của hệ cột thức lớn và chi tiết Barôc là đặc điểm ỹtong các công trình của ông.

TRIRIDAT (tk. 10-11) Nhà hoạt động kiến trúc Acmenia, người sáng lập xu hướng nghệ thuật kiến trúc Acmenia thế kỷ 10-11. Công trình chính: nhà thờ ở Argin (997-998) và Ani (809-1001), trung tâm Grigori (1001-1010); tất cả đều có đặc điểm: kết cấu vòm, bố cục không gian hài hòa, rãnh mạch, trang trí gọn gàng. Năm 989-992 thực hiện khôi phục đền có mái cupôn ở Conxtantinopol.

TROTSKI N.A. (1895-1940) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng kết cấu. Tác giả của nhiều công trình công cộng lớn tại Lenigrad : trụ sở quận Kirov (1931-34), nhà hành chính trên đại lộ Moxkva (1937-40). Chú trọng sử dụng hệ cột thức lớn.

TSUSEV A.V. (1873-1949) Kiến trúc sư Nga, người thể hiện phong cách độc đáo của kiến trúc truyền thống Nga : khu nhà ở Marfo-Marinxki (1908-12), tổng thể công trình ga Kazan (1914-26) ở Moxkva. Tham gia thiết kế tổng sơ đồ khôi phục Moxkva đầu tiên (1918-25), Triển lãm toàn Nga về nông nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp (1922-23). Một số công trình tiêu biểu của chủ nghĩa kết cấu : nhà an dưỡng ở Sochi (1927-31), trụ sở Bộ nông nghiệp (1928-33). Công trình thành công nhất là Lăng Lênin tại Hồng trường (làm bằng gỗ năm 1924 rồi bằng đá năm 1929), khách sạn Moxkva (1932-38), cầu Moxkvôtetxki (1936-38), nhà hành chính trên quảng trường Dzecjinxki (1946), tất cả đều ở thủ đô. Môtip kiến trúc dân gian Gruzia cũng được sử dụng trong trụ sở Phân viện Mac-Lê ở Tbilixi (1938) hoặc của Uzbekixtan cũng được áp dụng tại Nhà hát opêra và balê ở Taxkent (1940-47), chi tiết kiến túc Nga thế kỷ 17 cũng được đưa vào ga metro Konxomolxkaya- Konsevaya ở Moxkva (1952). Vai trò của ông trong xây dựng đô thị cũng khá quan trọng : thiết kế khôi phục các đô thị bị phá hủy trong chiến tranh Vệ quốc hồi 1941-45 như Ixtrư (1942-43), Nôvôgorođ (1943-45), Kubuxev (1947). Tác giả của

200 công trình khoa học và bài báo về kiến trúc và xây dựng đô thị. Viện sĩ Hàn lâm kiến trúc Liên xô (1943).

TYURIN E.D. (1796-1872) Kiến trúc sư Nga, theo xu hướng Đế chế: thiết kế khôi phục Cung điện Kremli (1817-22), lâu đài Ekaterinxki (1825-26) và tổng thể cung điện ở Ackhanghenxki (từ 1830). Chú trọng giải pháp mặt chính phức tạp, có sử dụng các chi tiết được chọn lọc : nhà thờ tại Elokhov (1837-45).

U

UNGEWITTER, GEORG GOTTLÖB (1820-1864). KTS Đức theo xu hướng Tân gô-tích. Ban đầu hành nghề tại Munich và Hambourg cùng với T. Bulau, nhà truyền bá công trình gô-tích toàn bằng gạch, người có ảnh hưởng đến Tân gô-tích ở Cologne cũng như Pugin và Viollet-le-Duc. Ungewitter quan tâm đến công trình dân dụng bản địa, bất kể bằng đá, gỗ hay gạch và việc trang trí nội thất. Từ đầu những năm 1840, ông xuất bản một loạt sách kiểu mẫu phổ dụng.

UKHTOMXKI Đ.B. (1719-74) Kiến trúc sư Nga, nhà sư phạm nổi tiếng và người sáng lập trường phái kiến trúc đầu tiên ở Nga. Tác phẩm của ông mang phong cách Barôc Nga thế kỷ thứ 18, hình thức phong phú và sinh động: Khải hoàn môn Đỏ (1753-57), nhà Quốc hội ở Lefortov (1753-57), cầu Kuznetxki (1754-57), tất cả đều ở Moxkva. Là người thiết kế tháp chuông ở doanh trại Trôixe-Xecghiêva.

UNWIN, SIR RAYMOND (1863-1940). Nhà quy hoạch Anh nổi tiếng thế giới. Ban đầu học kỹ sư xây dựng, sau chuyển sang quy hoạch và kiến trúc. Cùng với Barry Parker (1867-1941), muốn thực hiện ý tưởng về thành phố vườn, trước hết thực nghiệm tại làng Earwick gần New York (1902), rồi Letchworth (1903). Đây là thành phố vườn đầu tiên, dự kiến có 30.000 dân. Năm 1907 ông còn quy hoạch một thành phố vườn khác ở bắc London cho 10.000 dân.

UPJOHN, RICHARD (1802-1878). Người tiên phong trong phát triển Tân gô-tích trong kiến trúc tôn giáo ở Mỹ. Sinh tại Anh, sau ngụ cư ở New Bedford, Massachusetts. Ông làm công việc một họa viên cho công ty thầu khoán địa phương và theo học khóa thiết kế buổi tối. Sau đó, ông đến Boston và làm việc cho kiến trúc sư Alexander Parris. Tại đây ông có tác phẩm đầu tay: tòa nhà Isaac Farrar và nhà thờ St John ở Maine (1837-39). Được mời về New York để giám sát khôi phục nhà thờ Ba ngôi với tư cách là kiến trúc sư, ông đã thành công trong việc xây mới cải tạo nhà thờ này cho xứng với một công trình tôn giáo quan trọng (1846). Ông còn xây dựng nhiều nhà thờ khác ở New Jersey, New York và Newport (1846-53). Là sáng lập viên và chủ tịch đầu tiên của Học viện kiến trúc Mỹ (1857-76). Cuốn sách " *Kiến trúc nông thôn của Upjohn*" xuất bản năm 1852.

UTZON, JOHR (sinh năm 1918) Kiến trúc sư người Đan Mạch, vốn là học trò của kiến trúc sư nổi tiếng người Phần Lan Alvar Aalto, đã thiết kế nhiều công trình quan trọng ở trong nước như khu nhà ở nhỏ Kingo ở Hilleback (1953) với 63 ngôi nhà ở gạch ngói xinh xắn trên một địa hình dốc, và một khu tương tự ở Fredensborg (1962) cho những người Đan Mạch hồi hương, nhưng tác phẩm quan trọng hơn cả là công trình ô-pê-ra ở Sydney (1960-73) ở Ô-xtrây-li-a (phương án đoạt giải trong một cuộc thi quốc tế vào năm 1956). Công trình này, với những bộ mái hình cánh bướm rất đặc sắc và hấp dẫn đã trở thành biểu tượng cả thành phố Sydney.

UXEIMOV M.A. (1905-?) Kiến trúc sư và nhà lịch sử kiến trúc Nga. Công trình chủ yếu: thư viện quốc gia Ađunđov (1960), tổng thể trụ sở Viện Hàn lâm kiến trúc Azerbaijan (1951-66), ga metro "Narinamov", khách sạn Azerbaijan (1969) và khách sạn Moxkva tại Bacu (1978).

V

VAGO, PIERRE Kiến trúc sư, sinh 1910 ở Budapest, theo gia đình đến sinh sống ở Roma năm 1919 rồi sau đó đến Paris học mỹ thuật và kiến trúc(1928-1932). Là biên tập viên, sau đó là tổng biên tập tạp chí chuyên ngành về kiến trúc đương thời “L’Architecture d’aujourd’hui” 1949-1968. Ông cũng là người sáng lập ra Hội liên hiệp Kiến trúc sư Quốc tế (UIA, Union International des Architects) và là Tổng thư ký của hội này (1948-1965), sau đó là Chủ tịch danh dự (1969). Ông là người sáng lập Viện hàn lâm kiến trúc Quốc tế (IAA) và cũng là phó chủ tịch(1981). Các sáng tác chủ yếu: nhà lắp ghép bằng thép tại triển lãm nhà ở Paris (1932), nhà triển lãm của Pháp ở Milan (1937), các công trình Arles ở Tarascon và quy hoạch tổng thể Beaucaire (1945), trụ sở chính ngân hàng Algérie ở Paris (1948), ngân hàng trung ương Tunisie (1953), nhà thư viện Đại học tổng hợp Lille (1971), dự án đường Sinai ở Ai Cập (1980).

VALIUKIX G.X. (1927- ?) Kiến trúc sư Công huân Litva. Tác giả các đồ án thiết kế điển hình nhà ở tại Viniux (1961-62), (1965-66), (1969-73) với các giải pháp bố cục không gian sáng tạo, chú trọng địa hình địa phương và cây xanh. Giải thưởng Lênin (1974).

VALLIN DE LA MOTHE (1729-1800) Kiến trúc sư Pháp. Theo học ở Pháp và Italia, hành nghề tại Nga, chủ yếu ở Pêtecbua. Công trình của ông mang sắc thái Sơ Cổ điển, có bố cục rõ rệt kết hợp với hình thức Ba rốc sinh động: quảng trường khách sạn (1761-85), nhà thờ Ekaterina (1763-83), Ermitage nhỏ (1764-67), trụ sở Viện Hàn lâm nghệ thuật (1764-88), nhà kho Hà Lan mới (1765-80); tất cả đều ở Pêtecbua.

VAN DE VELDE, HENRY (1863-1957) Kiến trúc sư Bỉ. Một trong những người sáng lập Verdunda Đức (1907). Trong thiết kế đồ đạc (từ 1894), công trình ở Brussels (1895) và thiết kế nội thất (1901-02) đều thể hiện là người sáng tạo phong cách Hiện đại, sử dụng đường cong trong trang trí. Sau này, trở thành người sáng lập, nhà lý luận và lãnh đạo của chủ nghĩa Công năng (trường Đại học kiến trúc và xây dựng Vaima 1904-07), thư viện trường Đại học ở Hente (1935-40).

VANBRUGH, SIR JOHN (1664-1726). KTS Anh. Tác giả của lâu đài Blenheim và là một trong những đại diện của trường phái barôc ở Anh. Phong cách của Vanbrugh dẫn xuất từ Pháp ở thế kỷ 17 cho đến Phục Hưng của Italia. Ông xây dựng các pháo đài: Howard , Stowe (1725-28), lâu đài ở Greenwich (1718-19), một số đền đài và khôi phục nhiều công trình lớn khác.

VAN’S-GRAVENSENDE, ARENT (?-1662). KTS Hà Lan, theo xu hướng cổ điển. Là kiến trúc sư thành phố Leyde (1639-51). Công trình tiêu biểu: Sint Sebastiaandoelen ở La Haye (1636), Nhà trải thảm ở Leyde (1639-40), khách sạn thành phố Middelharnis (1639),v.v. Phong cách của ông lịch sự, trang trí khiêm tốn và là mẫu mực cho kiến trúc cổ điển Hà Lan.

VANVITELLI LUIGI (1700-1773) Kiến trúc sư Italia. Sáng tác của ông là sự chuyển tiếp từ Barôc sang Cổ điển. Trang trí sinh động, tổ chức không gian khéo léo kết hợp với xử lý mặt đứng nghiêm ngặt theo Cổ điển là đặc điểm trong kiến trúc của ông, tiêu biểu là lâu đài Rêan, gần Nêapol (1752).

VARAKXIN V.N. (1901-1980) Kiến trúc sư Bêlorutxi. Tác giả của nhiều công trình công cộng và nhà ở tại Minsk và các thành phố khác của Bêlorutxi : trụ sở Trung ương Đảng Cộng sản (1940-17), rạp chiếu phim Rôđina (1939), nhà hát ở Gomel (1944-48).

VASARI GIORGIO (1511-1574) Kiến trúc sư và sử gia nghệ thuật Italia. Đại diện của xu hướng Cầu kỳ. Các công trình của ông biểu hiện sự pha trộn giữa kiến trúc Phục Hưng và Cầu kỳ (lâu đài ở Piza năm 1562 và ở Florenxia năm 1560-85).

VASCONCELLOS, CONSTANTINO DE . KTS Tây Ban Nha, hành nghề tại Pêru từ 1630 đến 1670. Là kỹ sư, ông thích nghiên cứu và khai thác kỹ thuật *quincha* ở bản xứ. Đó là một loại vật liệu làm từ hỗn hợp cát và thạch cao trên kết cấu gỗ; các thành phần này có khi còn được liên kết bởi dây da. Sau trận động đất năm 1656, ông trở lại Lima khôi phục đền Saint-Francois đã hoàn toàn sập đổ và sử dụng thành công vật liệu chịu động đất tốt *quincha* trong công trình này. Ông còn làm việc tại Bolivia sau năm 1632.

VIGNOLA, GIACOMO BAROZZI DA (1507-1573) Kiến trúc sư Italia thời Mãn Phục Hưng. Là nhà lí luận, tác giả cuốn sách “ Quy tắc năm cột thức kiến trúc” (1562). Giải pháp không gian phức tạp thể hiện trong nhiều lâu đài do ông thiết kế (1558-73).

VILLANUEVA, CARLOS RAUL (1900-1975) Kiến trúc sư và quy hoạch gia Venezuela. Từ những năm 1940, đi theo xu hướng Công năng, sau tuyên bố ủng hộ xu hướng kiến trúc Hiện đại. Công trình tiêu biểu: tòa nhà Venezuela tại Triển lãm quốc tế ở Paris (1937), tổng thể thành phố Đại học (1944-57), khu nhà ở El-Paraiso (1952-54), công trình 23 tháng 1 (1955-57). Tác giả sách” Carakas quá khứ và hiện tại”.

VIOLLET-LE-DUC, EUGÈNE EMMANUEL (1814-1879) Kiến trúc sư Pháp kiêm sử gia và nhà lí luận kiến trúc. Khôi phục nhiều nhà thờ gôtic của Pháp (từ năm 1845), xây dựng lại pháo đài Piefon và một số công trình khác. Tác giả các sách : “ Từ điển giải thích kiến trúc Pháp” (1854-68), “ Bàn về kiến trúc” (1858) và “ Nghệ thuật Nga” (1877).

VITBERG A.L. (1787-1855) Kiến trúc sư Nga. Thiết kế cho Moxkva nhiều công trình tưởng niệm hoành tráng nhân Chiến thắng Vệ quốc vĩ đại 1812. Có xu hướng theo Mãn Đế chế trong các công trình của mình.

VITRUVIUS (nửa sau thế kỷ 1 tCn) Kiến trúc sư Roma. Nổi tiếng là tác giả của “ Năm bộ sách về kiến trúc”. Đó là toàn bộ các bài giảng đương thời về kiến trúc, bao gồm kỹ thuật xây dựng đô thị, những vấn đề bổ sung bằng lí thuyết và kinh nghiệm thực hành tích lũy được trong kiến trúc Hy-La. Phương châm đã được nêu ra từ thời đó là : “ bền, tiện dụng và đẹp” còn có tác dụng cho mãi đời sau. Các bài giảng có ảnh hưởng đáng kể trong việc nghiên cứu hình thức của các hệ cột thức kiến trúc trong thế kỷ 17-18.

VITTONI, BERNARDO (1702-1770). KTS Italia. Học kiến trúc tại Roma, sau trở về Turin (1733) hoàn thiện kiến thức cơ bản tại nhà Juarra. Các tác phẩm thành công của ông đều là những nhà thờ có mặt bằng tập trung, trong đó phải kể tới hiệu quả thiết kế chiếu sáng nhà thờ S. Chiara ở Bra (1742) trực tiếp từ mái vòm tròn đến các hành lang, cũng như sự phản chiếu ánh sáng giữa các kết cấu và trần được chiếu sáng.

VLAXÔV (1906-1958) Nhà khoa học, Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, chuyên nghiên cứu về cơ học, cơ học kết cấu, sức bền vật liệu, thuyết đàn hồi, đảm bảo trong lĩnh vực tính toán vỏ mỏng và thanh thành mỏng. Ông đã giải bài toán xoắn uốn của thanh mỏng, dùng phương pháp bimômen và mômen quán tính quặt để nghiên cứu sự bền của tiết diện và tính ra ứng suất.

VŨ NHƯ TÔ (?-1516) Người huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, là một thợ xây dựng tài giỏi, thường dùng các khúc mía để tạo dựng mô hình cung điện, được vua Lê Tương Dực (1509-1516) phong làm đô đốc trông coi việc xây dựng rất nhiều cung điện lớn, đặc

biệt có công trình Cửu Trùng Đài, quy mô đồ sộ, nhưng rất tiếc đã không hoàn thành được do xây dựng quá tốn kém lại nhằm vào lúc xã hội có nhiều rối ren, nhiều phe phái. Ông còn bị xử chém ở ngoài cửa thành Thăng Long.

VUÔNG QUỐC MỸ (1922-1984) Kiến trúc sư Việt Nam, quê : Hội An, Quảng Ngãi. Phó tiến sĩ kiến trúc Việt Nam đầu tiên tại Liên Xô (1962). Trong thiết kế quan tâm nhiều đến yếu tố vật lí-khí hậu. Tác phẩm : Khí hậu và nhà ở (1963). Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên BCH Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam (nhiệm kỳ 1957-83), Phó Chủ tịch Hội Xây dựng Việt Nam khóa 1(1982-87).

W

WAGNER, OTTO (1841-1918). Người khởi xướng trào lưu Hiện đại ở Áo. Học tại trường Bách khoa, rồi viện Nghệ thuật Berlin (1860) và Viện hàn lâm Viên (1863). Ban đầu thiết kế nhiều nhà ở và công trình thương mại của địa phương. Công trình đầu tay: Landerbank (1883-84), nhà riêng ở ngoại thành (1886-88). Đoạt giải thi quốc tế Reichtag ở Berlin và học bổng Amsterdam. Được phong là giáo sư viện Hàn lâm Viên (1894). Sau này, ông còn xây dựng nhiều công trình phục vụ giao thông đường sắt quan trọng như: đường sắt ở Viên, nhiều ga, cầu vượt, trong đó nhà ga Karlplatz (1898) rất thành công với kết cấu nhẹ và kiểu dáng trang trí kim loại thanh thoát. Nhà thờ ở Am Steinhof gần Viên cũng là một công trình có trang trí phong phú (1905-07).

WALLOT, PAUL (1842-1912). KTS Đức. Công trình tiêu biểu: Nhà nghị viện Đức ở Berlin (1882-94) theo phong cách Tân barôc. Wallot đưa ra khái niệm mới về nghệ thuật cá thể trong kiến trúc, có ảnh hưởng tới nhiều học trò và cộng tác viên của mình như B. Schmitz, Theodor Fischer, Wilhem Kreis và Hermann Muthesius.

WALTER, THOMAS USTICK (1804-1887). KTS Mỹ, gia nhập trào lưu Tân Hy Lạp ở Philadelphie và ở Washington. Là giáo sư kiến trúc của học viện Franklin ở Philadelphie. Xây dựng nhiều trại giam ở Moyamensing, Põnnyvalnie theo phong cách Tân Ai Cập (1831-33). Công trình tiêu biểu: tòa nhà Gerard College, Capitole ở Washington, v.v. Tác giả cuốn sách "*Hướng dẫn thợ sắt, đá và 200 mẫu nhà ở và biệt thự*" (1846).

WRIGHT, FRANK LLOYD (1869-1959) Kiến trúc sư Mỹ, người sáng lập và lãnh đạo trường phái kiến trúc Hữu cơ, một trong những gương mặt lớn của nền kiến trúc hiện đại thế giới ở thế kỷ 20. Sinh trưởng ở bang Wisconsin, Mỹ và buổi đầu hành nghề ở Chicago, cuộc đời 90 năm của ông đã cống hiến cho xã hội trên 600 tác phẩm kiến trúc đã thực hiện cùng với 12 cuốn sách và nhiều bài viết về kiến trúc có giá trị. Ông cũng có những đóng góp rất lớn cho việc đào tạo các kiến trúc sư trẻ. Cuộc đời sáng tạo của ông gồm ba thời kỳ: thời kỳ đầu (1890-1910) đã có rất nhiều công trình nổi tiếng mà quan trọng nhất là "nhà ở kiểu đồng nội" như các ngôi nhà Isabel Robert House (Illinois, 1908) và Robie House (Chicago, 1909); thời kỳ thứ hai (1910-1935) có các tác phẩm quan trọng như Khách sạn Hoàng gia ở Tokyo và tòa nhà Millard House ở California; thời kỳ thứ ba (1936-1959) rất rực rỡ với tác phẩm kiến trúc đặc sắc như "tòa nhà trên thác" (tức biệt thự Kaufmann) ở Bear Run, tháp Price (Oklahoma, 1953-1956), bảo tàng nghệ thuật hiện đại Guggenheim (New York, thiết kế 1943-1946, xây dựng 1956-1959).